

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						2819094	Dịch vụ sản xuất cân dùng trong gia đình, công nghiệp và cân khác, trừ loại cân đo có độ nhạy 5cg hoặc nhạy hơn	Dịch vụ gia công sản xuất cân dùng trong gia đình, công nghiệp và cân khác, trừ loại cân đo có độ nhạy 5cg hoặc nhạy hơn
						2819095	Dịch vụ sản xuất máy ly tâm, máy cán lá và máy bán hàng tự động	Dịch vụ gia công sản xuất máy ly tâm, máy cán lá và máy bán hàng tự động
						2819096	Dịch vụ sản xuất máy chưa được phân vào đầu dùng trong xử lý vật liệu bằng một quá trình thay đổi nhiệt độ	Dịch vụ gia công sản xuất máy chưa được phân vào đầu dùng trong xử lý vật liệu bằng một quá trình thay đổi nhiệt độ
						2819097	Dịch vụ sản xuất máy và thiết bị không dùng điện để hàn, tán, các máy và thiết bị tăng nhiệt bề mặt dùng ga	Dịch vụ gia công sản xuất máy và thiết bị không dùng điện để hàn, tán, các máy và thiết bị tăng nhiệt bề mặt dùng ga
		282					Máy chuyên dụng	
			2821	28210			Máy nông nghiệp và lâm nghiệp	
					282101		Máy kéo	
						2821011	Máy kéo bánh lốp	Gồm: Máy kéo bánh lốp có công suất động cơ ≤ 37 kW; máy kéo bánh lốp có công suất động cơ > 37 kW nhưng ≤ 59 kW; máy kéo bánh lốp có công suất động cơ > 59 kW
						2821012	Máy kéo bánh xích	
						2821013	Máy kéo trục đơn	
					282102		Máy làm đất hoặc trồng trọt; máy cán cho bãi cỏ hoặc cho sân chơi thể thao	
						2821021	Máy làm đất	Gồm: Máy cày; máy bừa, máy xới, máy cào, máy làm cỏ, máy cuốc
						2821022	Máy gieo hạt, máy trồng cây và máy cấy	
						2821023	Máy rải phân và máy rắc phân bón	
						2821029	Máy làm đất khác	Gồm: Máy cán cho bãi cỏ hay sân chơi thể thao, máy khác dùng trong

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								nông nghiệp hoặc làm vườn
					282103	2821030	Máy cắt dùng cho các bãi cỏ, công viên hoặc sân thể thao	Gồm: Máy cắt cỏ điều khiển bằng tay; máy cắt cỏ chạy bằng động cơ với chi tiết cắt quay trên mặt phẳng nằm ngang; máy cắt cỏ khác dùng trong công viên và sân chơi thể thao
					282104		Máy thu hoạch hoặc máy đập, kể cả máy đóng bó, bánh (kiện) rơm hoặc cỏ khô; máy cắt cỏ tươi hoặc cỏ khô, máy dọn cỏ khô khác	
						2821041	Máy cắt cỏ khác, kể cả các thanh cắt lắp vào máy kéo	Trừ loại dùng cho các bãi cỏ, công viên hoặc sân thể thao
						2821042	Máy dọn cỏ khô khác	
						2821043	Máy đóng bó, bánh (kiện) rơm hoặc cỏ khô, kể cả máy nâng (thu dọn) các kiện đã được đóng	
						2821049	Máy thu hoạch khác; máy đập, tuốt lúa	Gồm: Máy gặt đập liên hợp; máy đập, tuốt lúa; máy thu hoạch rế hoặc củ; máy hái bông và máy nhặt hạt bông khỏi bông; máy thu hoạch khác chưa được phân vào đâu
					282105	2821050	Thiết bị cơ khí để phun bắn, gieo vãi hoặc phun áp lực chất lỏng hoặc chất bột trong nông nghiệp hoặc làm vườn	Gồm: Giàn tưới; thiết bị phun thuốc trừ sâu điều khiển bằng tay; thiết bị cơ khí khác để phun bắn, gieo vãi hoặc phun áp lực chất lỏng hoặc chất bột trong nông nghiệp
					282106	2821060	Rơ-moóc và bán rơ-moóc loại tự bốc hoặc dỡ hàng dùng trong nông nghiệp	
					282107		Máy dùng trong nông nghiệp khác	
						2821071	Máy làm sạch, phân loại hoặc chọn trứng, hoa quả hoặc các sản phẩm nông sản khác, trừ hạt giống, ngũ cốc hoặc rau đậu khô	Gồm: Máy làm sạch, phân loại hoặc chọn trứng, hoa quả hoặc các sản phẩm nông sản khác

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								Loại trừ: Máy làm sạch, tuyển chọn hay phân loại hạt giống, ngũ cốc hay các loại rau đậu đã được làm khô được phân vào nhóm 2825020
						2821072	Máy vắt sữa	Gồm: Máy vắt sữa hoạt động bằng điện; máy vắt sữa hoạt động không bằng điện
						2821073	Máy chế biến thức ăn cho vật nuôi	Gồm: Máy chế biến thức ăn cho vật nuôi hoạt động bằng điện; máy chế biến thức ăn cho vật nuôi hoạt động không bằng điện
						2821074	Máy chăm sóc, máy ấp trứng gia cầm và thiết bị sưởi ấm gia cầm mới nở	Gồm: Máy chăm sóc, máy ấp trứng gia cầm và thiết bị sưởi ấm hoạt động bằng điện; máy chăm sóc, máy ấp trứng gia cầm và thiết bị sưởi ấm gia cầm mới nở hoạt động không bằng điện
						2821079	Các loại máy khác dùng trong nông nghiệp, lâm vườn, lâm nghiệp chưa được phân vào đâu	Gồm: Các loại máy khác dùng trong nông nghiệp, lâm vườn, lâm nghiệp chưa được phân vào đâu hoạt động bằng điện; các loại máy khác dùng trong nông nghiệp, lâm vườn, lâm nghiệp chưa được phân vào đâu hoạt động không bằng điện, như: máy ươm hạt giống có lắp thiết bị cơ khí hoặc thiết bị nhiệt,...
					282108	2821080	Bộ phận của máy móc và thiết bị nông nghiệp	
					282109	2821090	Dịch vụ sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	Dịch vụ gia công sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
			2822	28220			Máy công cụ và máy tạo hình kim loại	
					282201		Máy công cụ để gia công kim loại hoạt động bằng laser hoặc tương tự; máy trung tâm dùng để gia công kim loại và tương tự	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						2822011	Máy công cụ để gia công kim loại bằng cách bóc tách vật liệu, bằng tia laser, siêu âm, tia nước và tương tự	Gồm: Máy công cụ dùng để gia công kim loại hoạt động bằng tia laser hoặc tia sáng khác hoặc chùm tia pho-tông; máy công cụ dùng để gia công kim loại hoạt động bằng phương pháp siêu âm; máy công cụ dùng để gia công kim loại hoạt động bằng phương pháp phóng điện; máy công cụ dùng để gia công kim loại hoạt động bằng phương pháp bóc tách vật liệu, phương pháp plasma; máy công cụ dùng để gia công kim loại hoạt động theo ứng dụng công nghệ nhúng dung dịch điện hóa; máy cắt bằng tia nước; máy công cụ để gia công kim loại bằng cách bóc tách vật liệu, bằng tia laser, siêu âm và tương tự chưa được phân vào đâu Tia tương tự gồm tia sáng khác hoặc chùm pho-tông, siêu âm, phóng điện, điện hóa, chùm tia điện tử, chùm iôn hoặc hồ quang plasma
						2822012	Máy trung tâm gia công, máy kết cấu một vị trí và máy nhiều vị trí gia công chuyển dịch để gia công kim loại	Gồm: Máy trung tâm gia công cơ; máy một vị trí gia công; máy nhiều vị trí gia công chuyển dịch
					282202		Máy tiện, khoan, doa, phay, mài, đánh bóng, bào, xọc, chuốt, cắt dùng để gia công kim loại	
						2822021	Máy tiện kim loại	Gồm: Máy tiện kim loại ngang điều khiển số; máy tiện kim loại ngang khác; máy tiện kim loại khác điều khiển số; máy tiện kim loại khác chưa được phân vào đâu
						2822022	Máy công cụ dùng để khoan, doa, phay kim loại, ren hoặc	Gồm: Đầu gia công kim loại tổ hợp có thể di

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
							tarô bằng phương pháp bóc tách kim loại	chuyển được; máy khoan kim loại khác; máy doa - phay kim loại khác; máy doa kim loại khác; máy phay kim loại kiểu công xôn; máy phay kim loại khác; máy ren hoặc taro khác; máy công cụ kể cả đầu gia công tổ hợp có thể di chuyển được
						2822023	Máy công cụ dùng để mài, đánh bóng hoặc các công việc hoàn thiện kim loại hoặc gốm kim loại	Gồm: Máy mài phẳng trong đó việc xác định vị trí theo trục tọa độ nào đó có thể đạt tới độ chính xác tối thiểu là 0,01 mm; máy mài khác trong đó việc xác định vị trí theo trục tọa độ nào đó có thể đạt tới độ chính xác tối thiểu là 0,01 mm; máy mài sắc kim loại; máy mài khôn hoặc máy mài rà kim loại; máy công cụ dùng để mài, đánh bóng hoặc các công việc hoàn thiện kim loại hoặc gốm kim loại khác chưa được phân vào đâu
						2822029	Máy công cụ dùng để bào, xọc, chuốt, cắt bánh răng mài hoặc gia công răng lần cuối; máy cắt đứt và máy công cụ khác gia công bằng cách bóc tách kim loại, chưa được phân vào đâu	Gồm: Máy bào ngang hoặc máy xọc kim loại; máy chuốt kim loại; máy cắt bánh răng, mài hoặc gia công răng lần cuối; máy cưa hoặc máy cắt đứt kim loại; máy dũa; máy công cụ khác gia công bằng cách bóc tách kim loại, chưa được phân vào đâu
					282203		Máy công cụ khác dùng để gia công kim loại, không cần bóc tách vật liệu	
						2822031	Máy dùng để uốn cong, gấp nếp và nắn thẳng kim loại	
						2822032	Máy đột dập hay máy cắt rãnh hình chữ V (kể cả máy ép), máy xén và đột dập liên hợp	Gồm: Máy đột dập hay máy cắt rãnh hình chữ V (kể cả máy ép), máy xén và đột dập liên hợp; máy

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								xén, máy dập trừ máy xén và đột dập liên hợp
						2822033	Máy ép thủy lực và máy ép dùng gia công kim loại chưa được phân vào đâu	Gồm: Máy ép thủy lực; máy rèn hay máy dập khuôn (kể cả máy ép) và búa máy; máy ép dùng để gia công kim loại chưa được phân vào đâu
						2822034	Máy công cụ khác dùng để gia công kim loại hoặc gồm kim loại, không cần bóc tách vật liệu	Gồm: Máy kéo thanh, ống, hình và dây hoặc loại tương tự; máy lăn ren; máy gia công dây; máy công cụ khác dùng để gia công kim loại hoặc gồm kim loại, không cần bóc tách vật liệu chưa được phân vào đâu
						2822035	Máy và dụng cụ hàn các loại (trừ máy hàn cầm tay); máy, dụng cụ xì nóng kim loại hoặc gồm kim loại	Gồm: Máy và dụng cụ để hàn chảy; máy và thiết bị để hàn kim loại bằng nguyên lý điện trở; máy và thiết bị hàn hồ quang kim loại (kể cả hồ quang plasma); máy và thiết bị khác dùng để hàn kim loại chưa được phân vào đâu; máy và thiết bị điện để xì nóng kim loại hoặc gồm kim loại đã nung kết; máy và dụng cụ hàn dùng điện, dùng chùm tia laser hoặc chùm tia sáng khác, chùm phổ hồng, siêu âm, chùm electron, xung từ hoặc hồ quang, có hoặc không có khả năng cắt; máy hàn điện cầm tay thuộc ngành 2790
					282204	2822040	Bộ phận và phụ tùng của máy công cụ dùng để gia công kim loại (trừ máy hàn cầm tay)	
					282205		Máy gia công đá, gỗ và nguyên vật liệu cứng tương tự	
						2822051	Máy công cụ dùng để gia công đá, gốm, bê tông, xi măng - amiăng hoặc các loại khoáng vật tương tự; máy gia công nguội thủy tinh	Gồm: Máy cưa đá, gốm, bê tông, xi măng - amiăng hoặc các loại khoáng vật tương tự; máy mài nhẵn hoặc mài

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								bóng đá, gốm, bê tông, xi măng - amiăng hoặc các loại khoáng vật tương tự; máy công cụ khác dùng để gia công đá, gốm, bê tông, xi măng - amiăng hoặc các loại khoáng vật tương tự chưa được phân vào đâu; máy gia công nguyền thủy tinh
						2822059	Máy công cụ dùng để gia công gỗ, lie, xương, cao su cứng, nhựa cứng hoặc các vật liệu cứng tương tự; máy ép dùng để sản xuất tấm, ván ép từ sợi sợi hoặc dăm gỗ hay từ các vật liệu bằng gỗ khác; các loại máy khác dùng xử lý gỗ hoặc lie	Gồm: Máy có thể thực hiện các nguyên công gia công cơ khác nhau mà không cần thay dụng cụ giữa các nguyên công; máy cưa gỗ, lie, xương, cao su cứng, nhựa cứng hoặc các vật liệu tương tự; máy bào, máy phay hay máy tạo khuôn dùng để gia công gỗ, lie, xương, cao su cứng, nhựa cứng hoặc các vật liệu cứng tương tự; máy mài nhẵn, máy phun cát hoặc máy mài bóng dùng để gia công gỗ, lie, xương, cao su cứng, nhựa cứng hoặc các vật liệu cứng tương tự; máy uốn hoặc máy lắp ráp dùng để gia công gỗ, lie, xương, cao su cứng, nhựa cứng hoặc các vật liệu cứng tương tự; máy xẻ, lạng hay máy bóc tách dùng để gia công gỗ, lie, xương, cao su cứng, nhựa cứng hoặc các vật liệu cứng tương tự; máy ép dùng để sản xuất tấm, ván ép từ sợi sợi hoặc dăm gỗ hay từ các vật liệu bằng gỗ khác và các loại máy khác dùng để xử lý gỗ hoặc lie; máy khác dùng để gia công gỗ, lie, xương, cao su cứng, nhựa cứng hoặc các vật liệu cứng tương tự chưa được phân vào đâu

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					282206		Dụng cụ kẹp và bộ phận, phụ tùng của máy dùng để gia công gỗ, lie, xương, cao su cứng, nhựa cứng hoặc các vật liệu cứng tương tự	
						2822061	Giá kẹp dụng cụ, giá kẹp sản phẩm và bộ phận phụ trợ chuyên dùng cho máy công cụ	Gồm: Giá kẹp dụng cụ và đầu cắt ren tự mở dùng cho máy móc công cụ; giá kẹp sản phẩm; đầu chia độ và những bộ phận phụ trợ chuyên dùng khác dùng cho máy công cụ
						2822062	Bộ phận và phụ tùng của máy móc dùng để gia công đá, gỗ và nguyên vật liệu cứng tương tự	
					282207		Dịch vụ sản xuất máy tạo hình kim loại và máy công cụ gia công kim loại; các máy công cụ khác	
						2822071	Dịch vụ sản xuất máy tạo hình kim loại và máy công cụ gia công kim loại	Dịch vụ gia công sản xuất máy tạo hình kim loại và máy công cụ gia công kim loại
						2822072	Dịch vụ sản xuất các máy công cụ khác	Dịch vụ gia công sản xuất các máy công cụ khác
			2823	28230			Máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim	
					282301		Máy luyện kim và các bộ phận của chúng	
						2823011	Lò thổi, nồi rót, khuôn đúc thổi và máy đúc dùng trong luyện kim hay đúc kim loại	Gồm: Lò thổi dùng trong luyện kim hay đúc kim loại; khuôn đúc thổi và nồi rót dùng trong luyện kim hay đúc kim loại; máy đúc dùng trong luyện kim hay đúc kim loại
						2823012	Máy cán và trục cán của máy cán	Gồm: Máy cán ống; máy cán nóng hay máy cán nóng và nguội kết hợp; máy cán nguội
						2823013	Bộ phận của lò thổi, nồi rót, khuôn đúc thổi và máy đúc, dùng trong luyện kim hay đúc kim loại	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						2823014	Bộ phận của máy cán kim loại	Gồm cả trục cán của máy cán
					282302	2823020	Dịch vụ sản xuất máy luyện kim và các bộ phận của chúng	Dịch vụ gia công sản xuất máy luyện kim và các bộ phận của chúng
			2824	28240			Máy khai thác mỏ và xây dựng	
					282401		Máy khai thác mỏ	
						2824011	Máy nâng hạ và băng tải hoạt động liên tục, chuyên sử dụng dưới lòng đất	Dùng để vận tải hàng hoá hoặc vật liệu
						2824012	Máy đào đường hầm, máy cắt vĩa than hoặc đá, máy khoan hoặc máy đào sâu khác	Gồm: Máy đào đường hầm và máy cắt vĩa than hoặc đá; máy khoan hoặc máy đào sâu khác
					282402		Máy ủi, san bằng, cạo, nạo vét, đào, đầm, nện, máy chuyển động khác, loại tự hành dùng cho đất, khai khoáng hoặc quặng	Gồm cả xe ủi đất, xẻng máy và xe lăn đường
						2824021	Máy ủi đất lưỡi thẳng và máy ủi đất lưỡi nghiêng, loại tự hành	
						2824022	Máy san đất, loại tự hành	
						2824023	Máy cạp, loại tự hành	
						2824024	Máy đầm và xe lăn đường, loại tự hành	Gồm: Xe lăn đường, loại tự hành; máy đầm đất, loại tự hành
						2824025	Máy xúc ủi cơ khí và máy đào đất bề mặt	Gồm: Máy xúc ủi cơ khí và máy đào đất bề mặt, có gầu lắp phía trước, loại tự hành; máy xúc ủi cơ khí và máy đào đất bề mặt, loại tự hành có cơ cấu phần trên quay được 360°; máy xúc ủi cơ khí và máy đào đất bề mặt khác, loại tự hành, chưa được phân vào đâu
						2824026	Xe tự đổ được thiết kế để sử dụng trên các loại đường không phải đường quốc lộ	Gồm: Xe tự đổ được thiết kế để sử dụng trên các loại đường không phải đường quốc lộ với trọng tải ≤ 24 tấn; xe tự đổ được thiết kế để sử dụng trên các loại đường không

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								phải đường quốc lộ với trọng tải >24 tấn
						2824029	Máy khác, loại tự hành, dùng cho các công việc về đất, khoáng hoặc quặng chưa được phân vào đâu	Gồm: Máy xúc ủi dọn, cào, san, cạp, đào, đầm, nén hoặc xúc khác, loại tự hành, dùng cho các công việc về đất, khoáng hoặc quặng
					282403		Máy dùng để phân loại, sàng lọc, phân tách, rửa, nghiền, xay, trộn hay nhào đất, đá, quặng hoặc các khoáng vật khác ở dạng rắn; máy dùng để đóng khối, tạo hình hoặc tạo khuôn các nhiên liệu khoáng rắn, bột gồm nhão, xi măng chưa đông cứng, thạch cao	Loại trừ: Máy chẻ và làm sạch đá được phân vào nhóm 28220
						2824031	Máy dùng để phân loại, sàng lọc, phân tách, rửa, nghiền, xay, trộn hay nhào đất, đá, quặng hoặc các khoáng vật khác ở dạng rắn	Gồm: Máy phân loại, sàng lọc, phân tách hoặc rửa đất, đá, quặng hoặc các khoáng vật khác; máy nghiền hoặc xay đất, đá, quặng hoặc các khoáng vật khác; máy trộn bê tông hoặc nhào vữa; máy trộn khoáng vật với bi - tum; máy trộn hoặc nhào đất, đá, quặng hoặc các khoáng vật khác
						2824032	Máy dùng để đóng khối, tạo hình hoặc tạo khuôn các nhiên liệu khoáng rắn, bột gồm nhão, xi măng chưa đông cứng, thạch cao hoặc các sản phẩm khoáng khác ở dạng bột hoặc bột nhão; máy để tạo khuôn đúc bằng cát	Gồm: Máy kéo bánh xích với dung tích xi lanh ≤1100cc; máy kéo bánh xích với dung tích xi lanh >1100cc
					282404	2824040	Máy kéo bánh xích	
					282405	2824050	Máy khai thác mỏ và xây dựng khác	Gồm: Máy đóng cọc và nhổ cọc; máy xới và dọn tuyết; máy đầm hoặc máy nén, loại không tự hành; máy xúc ủi, dọn, cào, san, cạp, đào, đầm, nén hoặc xúc khác, loại không tự hành, dùng cho các công việc về đất, khoáng hoặc quặng chưa được phân

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								vào đầu; máy dùng cho các công trình công cộng, xây dựng hoặc các mục đích tương tự
					282406		Bộ phận của máy khai thác mỏ và xây dựng	
						2824061	Bộ phận của máy khoan, máy đào sâu khác dùng trong công việc về đất	
						2824062	Bộ phận của máy dùng để phân loại, sàng lọc, phân tách, rửa, nghiền, xay, trộn hay nhào đất, đá, quặng hoặc các khoáng vật khác ở dạng rắn; máy dùng để đóng khối, tạo hình hoặc tạo khuôn các nhiên liệu khoáng rắn, bột gốm nhão, xi măng chưa đông cứng	
						2824063	Lưỡi của máy ủi đất (lưỡi thẳng hoặc lưỡi nghiêng)	
					282407	2824070	Dịch vụ sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	Dịch vụ gia công sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
			2825	28250			Máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	
					282501		Máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá, trừ các bộ phận của chúng	
						2825011	Máy tách kem	
						2825012	Máy chế biến sữa	Gồm: Máy chế biến sữa hoạt động bằng điện; máy chế biến sữa hoạt động không bằng điện
						2825013	Máy dùng để xay xát hoặc chế biến ngũ cốc hoặc rau khô chưa được phân vào đầu	Gồm: Máy bóc vỏ trấu và máy xát gạo hình côn, hoạt động bằng điện; máy bóc vỏ trấu và máy xát gạo hình côn, hoạt động không bằng điện; máy nghiền cà phê và ngô dạng công nghiệp, hoạt động bằng điện; máy nghiền cà phê và ngô dạng công nghiệp, hoạt động không bằng điện; máy đánh bóng gạo, máy giã, sàng, rây,

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								máy làm sạch cám và máy bóc vỏ hoạt động bằng điện; máy đánh bóng gạo, máy giã, sàng, rây, máy làm sạch cám và máy bóc vỏ hoạt động không bằng điện; máy khác dùng trong công nghiệp xay xát, chế biến ngũ cốc hoặc rau khô hoạt động bằng điện; máy khác dùng trong công nghiệp xay xát, chế biến ngũ cốc hoặc rau khô hoạt động không bằng điện
						2825014	Máy ép, máy nghiền và các loại máy tương tự dùng trong sản xuất rượu vang, rượu táo, nước trái cây hoặc các đồ uống tương tự	Gồm: Máy ép, máy nghiền và các loại máy tương tự dùng trong sản xuất rượu vang, rượu táo, nước trái cây hoặc các đồ uống tương tự hoạt động bằng điện; máy ép, máy nghiền và các loại máy tương tự dùng trong sản xuất rượu vang, rượu táo, nước trái cây hoặc các đồ uống tương tự hoạt động không bằng điện
						2825015	Lò làm bánh, không dùng điện; máy dùng để làm nóng đồ uống hoặc chế biến thực phẩm, trừ các máy dùng trong gia đình	Gồm: Lò làm bánh, kể cả lò làm bánh quy không dùng điện; máy dùng để làm nóng đồ uống hoặc nấu hoặc hâm nóng thực phẩm hoạt động bằng điện; máy dùng để làm nóng đồ uống hoặc nấu hoặc hâm nóng thực phẩm hoạt động không bằng điện
						2825016	Máy sấy nông sản	
						2825017	Máy chế biến thực phẩm hay đồ uống (kể cả dầu, mỡ) chưa phân vào đâu	Gồm: Máy làm bánh mì và máy để sản xuất mì macaroni, spaghetti hoặc các sản phẩm tương tự; máy sản xuất mứt kẹo, ca cao hay sô cô la; máy sản xuất đường; máy sản xuất bia; máy chế biến thịt gia súc hoặc gia cầm;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								máy chế biến rau quả; máy xay vỏ cà phê; máy dùng để chiết xuất hoặc chế biến dầu hoặc mỡ động vật, dầu hoặc mỡ thực vật; máy khác dùng để chế biến thực phẩm, đồ uống chưa được phân vào đâu
						2825019	Máy chế biến hay đóng gói thuốc lá chưa được phân vào đâu	
					282502	2825020	Máy làm sạch, tuyển chọn hay phân loại hạt giống, ngũ cốc hay các loại rau đậu đã được làm khô	
					282503		Bộ phận của máy dùng cho chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	
						2825031	Bộ phận của máy dùng cho chế biến đồ uống hay thực phẩm	
						2825032	Bộ phận của máy dùng cho chế biến thuốc lá	
						2825033	Bộ phận của máy dùng để làm sạch, tuyển chọn hoặc phân loại hạt giống, ngũ cốc hoặc rau họ đậu sấy khô; máy dùng trong công nghiệp xay sát, chế biến ngũ cốc hoặc rau họ đậu sấy khô	
					282504	2825040	Dịch vụ sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	Gồm: Dịch vụ sản xuất máy dùng cho chế biến đồ uống hay thực phẩm; dịch vụ sản xuất máy dùng cho chế biến thuốc lá; dịch vụ sản xuất máy dùng để làm sạch, tuyển chọn hoặc phân loại hạt giống, ngũ cốc hoặc rau họ đậu sấy khô; máy dùng trong công nghiệp xay sát, chế biến ngũ cốc hoặc rau họ đậu sấy khô
			2826	28260			Máy cho ngành dệt, may và da	
					282601		Máy dùng cho chuẩn bị xe sợi, dệt và máy dệt vải	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						2826011	Máy ép đùn, kéo chuỗi, tạo dún hoặc máy cắt vật liệu dệt nhân tạo	Gồm: Máy ép đùn, kéo chuỗi, tạo dún hoặc máy cắt vật liệu dệt nhân tạo hoạt động bằng điện; máy ép đùn, kéo chuỗi, tạo dún hoặc máy cắt vật liệu dệt nhân tạo hoạt động không bằng điện
						2826012	Máy chuẩn bị xơ sợi dệt; máy kéo, đậu, xe sợi và các loại máy khác dùng cho sản xuất sợi dệt (kể cả máy đánh suốt sợi ngang)	Gồm: Máy chải thô; máy chải kỹ; máy ghép cúi hoặc máy sợi thô; máy kéo sợi; máy đậu hoặc máy xe sợi; máy đánh ống hoặc máy guồng sợi; máy chuẩn bị sợi dệt khác chưa được phân vào đầu
						2826013	Máy dệt	Gồm: Máy dệt cho vải dệt có khổ rộng vải ≤ 30 cm; máy dệt cho vải dệt có khổ rộng vải từ 30 cm trở lên, loại dệt thoi; máy dệt cho vải dệt có khổ rộng vải từ 30 cm trở lên, loại dệt không thoi
						2826014	Máy dệt kim, máy khâu đính và máy tạo sợi cuốn, sản xuất vải tuyn, ren, thêu, trang trí, dây tết hoặc lưới và chăn sợi nổi vòng	Gồm: Máy dệt kim tròn; máy dệt kim phẳng; máy khâu đính; máy tạo sợi cuốn, máy dệt vải tuyn, ren, thêu, trang trí, dây tết hoặc lưới và chăn sợi nổi vòng
						2826015	Máy phụ trợ sử dụng cùng với máy nhuộm, khâu, thêu, đan móc hoặc các máy tương tự	Gồm: Đầu tay kéo, đầu Jacquard; máy thu nhỏ bìa, máy sao bìa, máy đục lỗ hoặc các máy ghép bìa,...
					282602		Máy móc khác dùng trong sản xuất dệt và may mặc	Gồm cả máy khâu
						2826021	Máy giặt, làm sạch, làm ướt, là, làm khô, ép, quần và các loại tương tự dùng cho sợi dệt, vải và máy hoàn tất phốt	Gồm: Máy dùng để sản xuất hay hoàn tất phốt hoặc các sản phẩm không dệt dạng mảnh hoặc dạng hình, kể cả máy làm mũ phốt và cốt làm mũ; máy là và là hơi ép (kể cả ép méch); máy giặt, tẩy trắng hoặc nhuộm; máy để quần, tờ, gấp, cắt hoặc

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								cắt hình răng cưa vải dệt; máy dùng để phết hồ lên lớp vải để hoặc lớp vải nền khác, dùng trong sản xuất hàng trải sàn Loại trừ máy giặt loại dùng cho gia đình và các cửa hiệu
						2826022	Máy giặt loại dùng cho hiệu giặt là quần áo; máy giặt khô; máy sấy với sức chứa >10 kg vải khô	Gồm: Máy giặt loại dùng cho hiệu giặt là quần áo với sức chứa >10 kg vải khô một lần giặt; máy giặt khô; máy sấy với công suất mỗi lần sấy >10 kg vải khô
						2826023	Máy làm khô quần áo bằng ly tâm	
						2826024	Máy khâu, trừ máy khâu sách và máy khâu gia đình	Gồm: Máy khâu loại tự động, trừ máy khâu sách và máy khâu gia đình; máy khâu loại khác, trừ máy khâu sách và máy khâu gia đình
					282603	2826030	Máy dùng để sơ chế, thuộc da hoặc chế biến da sống, da thuộc; máy để sản xuất, sửa chữa giày dép, sản phẩm khác từ da sống, da thuộc, trừ các loại máy may	
					282604	2826040	Máy khâu loại dùng cho gia đình	
					282605		Bộ phận và các phụ kiện của máy dệt, máy xe sợi và máy khác để sản xuất vải dệt, quần áo và chế biến da	
						2826051	Bộ phận và các phụ kiện của máy xe sợi và máy dệt	Gồm: Bộ phận của máy ép đùn, kéo chuỗi, tạo dún hoặc máy cắt vật liệu dệt nhân tạo; bộ phận của máy chuẩn bị xơ sợi dệt; máy kéo sợi, máy đầu sợi hoặc máy xe sợi và các loại máy khác dùng cho sản xuất sợi dệt (kể cả máy đánh suốt sợi ngang) và các loại máy chuẩn bị sơ sợi dệt; ví dụ: kim chải, cọc sợi, dăng, nôi và khuôn; bộ phận

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								của máy dệt; bộ phận của máy dệt kim, máy khâu đính và máy tạo sợi cuốn, sản xuất vải tuyền, ren, thêu, trang trí, dây tết hoặc lưới và chân sợi nổi vòng
						2826052	Bộ phận của máy móc khác dùng trong sản xuất dệt và may mặc (kể cả máy khâu)	Gồm: Bộ phận của máy giặt loại dùng cho hiệu giặt là quần áo với sức chứa >10 kg vải khô một lần giặt; bộ phận của máy giặt khô; máy sấy với công suất mỗi lần sấy >10 kg vải khô; bộ phận của máy khâu, bao gồm: kim máy khâu, bàn, tù, chân máy và nắp cho máy khâu, thân trên và thân dưới máy, đế đỡ có hoặc không có khung; bánh đà, bộ phận che chắn dây đai; bàn đập các loại và các bộ phận khác
						2826053	Bộ phận của máy dùng để sơ chế, thuộc da hoặc chế biến da sống, da thuộc hoặc máy để sản xuất hay sửa chữa giày dép hoặc các sản phẩm khác từ da sống hoặc da thuộc, trừ các loại máy may	
					282606	2826060	Dịch vụ sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	Dịch vụ gia công sản xuất máy cho ngành dệt, may và da
			2829				Máy chuyên dụng khác	
				28291	282910	2829100	Máy sản xuất vật liệu xây dựng	
				28299			Máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	
					282991		Máy sản xuất giấy, bìa và các bộ phận của chúng	
						2829911	Máy sản xuất bột giấy, giấy, bìa	Gồm: Máy chế biến bột giấy từ vật liệu sợi xen lu lô; máy dùng sản xuất giấy, bìa; máy hoàn thiện sản phẩm giấy, bìa; máy cắt xén giấy, bìa; máy làm túi, bao hoặc phong

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								bì; máy làm thùng, hộp hoặc đồ chứa tương tự bằng bìa, trừ loại máy sử dụng phương pháp đúc khuôn; máy làm các sản phẩm từ bột giấy, giấy, bìa bằng phương pháp đúc khuôn; máy khác dùng để sản xuất bột giấy, giấy và bìa chưa được phân vào đâu
						2829912	Bộ phận của máy dùng sản xuất bột giấy, giấy, bìa	Gồm: Bộ phận của máy chế biến bột giấy từ vật liệu sợi xen lu lô hoặc máy dùng cho quá trình sản xuất hoặc hoàn thiện giấy, bìa; bộ phận của các máy khác dùng để sản xuất bột giấy, giấy và bìa
					282992		Máy gia công cao su và nhựa	
						2829921	Máy gia công nhựa, cao su, sản phẩm từ nhựa, cao su chưa được phân vào đâu	Gồm: Máy đúc phun để đúc cao su, nhựa; máy đùn cao su, nhựa; máy đúc thổi cao su, nhựa; máy đúc chân không, máy đúc nhiệt khác để đúc hay tạo hình cao su, nhựa; máy đúc hay tạo hình khác dùng cho cao su, nhựa; máy khác gia công nhựa, cao su, sản phẩm từ nhựa, cao su chưa được phân vào đâu
						2829922	Bộ phận của máy gia công nhựa, cao su, sản phẩm từ nhựa, cao su chưa được phân vào đâu	
					282993	2829930	Máy sản xuất bồi đắp	Còn gọi là máy sử dụng công nghệ sản xuất bồi đắp hoặc máy in 3D công nghiệp Gồm: Máy sản xuất bồi đắp và các bộ phận của chúng
					282994		Máy in, máy đóng sách	
						2829941	Máy đóng sách, kể cả máy khâu sách	Gồm: Máy đóng sách, kể cả máy khâu sách hoạt

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								động bằng điện; máy đóng sách, kể cả máy khâu sách hoạt động không bằng điện
						2829942	Máy móc, dụng cụ và các thiết bị dùng để sắp chữ in hoặc chế bản, dùng để làm bản khắc in	Gồm: Máy móc, dụng cụ và các thiết bị dùng để sắp chữ in hoặc chế bản, dùng để làm bản khắc in hoạt động bằng điện; máy móc, dụng cụ và các thiết bị dùng để sắp chữ in hoặc chế bản, dùng để làm bản khắc in hoạt động không bằng điện
						2829943	Máy in sử dụng các bộ phận in như bát chữ, trục lăn và các bộ phận in khác, trừ máy in offset loại sử dụng trong văn phòng	Gồm: Máy in offset dạng cuộn; máy in offset khác, trừ loại sử dụng trong văn phòng; máy in loại khác sử dụng các bộ phận in như bát chữ, trục lăn và các bộ phận in khác
						2829949	Máy in khác chưa được phân vào đâu, trừ máy in loại sử dụng trong văn phòng	
					282995		Máy và thiết bị sử dụng riêng hoặc chủ yếu sản xuất các khối bán dẫn hoặc tấm bán dẫn mỏng, thiết bị chất bán dẫn, vi mạch điện hoặc màn hình dệt	
						2829951	Máy và thiết bị sản xuất khối bán dẫn hoặc tấm bán dẫn mỏng	Gồm: Thiết bị làm nóng nhanh tấm bán dẫn mỏng; máy sấy khô bằng phương pháp quay ly tâm sản xuất tấm bán dẫn mỏng; máy công cụ gia công mọi vật liệu bằng cách bóc tách vật liệu bằng quy trình sử dụng tia laser, tia sáng khác, chùm phổ tổng trong sản xuất tấm bán dẫn mỏng; máy và thiết bị cắt khối bán dẫn đơn tinh thể thành các lớp hoặc cửa miếng mỏng đơn tinh thể thành các chip; máy mài, đánh bóng, phủ dùng

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								trong chế tạo tấm bán dẫn mỏng; thiết bị làm phát triển hoặc kéo khối bán dẫn đơn tinh thể; máy và thiết bị khác sản xuất khối hoặc tấm bán dẫn mỏng
						2829952	Máy và thiết bị sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp	Gồm: Thiết bị tạo lớp màng mỏng sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp; thiết bị tạo hợp kim hóa sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp; thiết bị tẩm thực và khắc axit sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp; thiết bị in ly tô sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp; thiết bị xử lý các tấm bán dẫn mỏng đã được phơi sáng hiện ảnh; máy và thiết bị khác để sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp
						2829953	Máy và thiết bị sản xuất tấm màn hình dệt	Gồm: Thiết bị khắc axit bằng phương pháp khô lên tấm đế của màn hình dệt; thiết bị khắc axit bằng phương pháp ướt, hiện ảnh, tẩy rửa hoặc làm sạch tấm màn hình dệt; thiết bị kết tủa và bay hơi sản xuất màn hình dệt; thiết bị để tạo phủ lớp nhũ tương cảm quang lên các đế của màn hình dệt bằng phương pháp quay; thiết bị tạo kết tủa vật lý lên các lớp đế của màn hình dệt; máy và thiết bị khác sản xuất tấm màn hình dệt
						2829954	Máy và thiết bị sản xuất hoặc sửa chữa màn và lưới quang; lắp ghép thiết bị bán dẫn hoặc các mạch điện tử tích hợp và bộ phận nâng,	Gồm: Máy phay bằng chùm tia ion hội tụ sản xuất hoặc sửa chữa màn và lưới quang của các định dạng trên linh kiện

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
							giữ, xếp vào hoặc tháo dỡ khối bán dẫn, tấm bán dẫn mỏng, thiết bị bán dẫn, mạch điện tử tích hợp và tấm màn hình dẹt	bán dẫn; thiết bị gắn khuôn, nối bằng tự động, nối dây và bọc nhựa để lắp ráp các chất bán dẫn; máy tự động để chuyên chở, xử lý và bảo quản các tấm bán dẫn mỏng, các khung miếng mỏng, hộp mỏng và vật liệu khác dùng cho thiết bị bán dẫn; khuôn sản xuất linh kiện bán dẫn; kính hiển vi quang học soi nổi được lắp với thiết bị chuyên dùng để kẹp giữ và dịch chuyển tấm bán dẫn mỏng hoặc tấm lưới bán dẫn; kính hiển vi chụp ảnh được lắp với thiết bị chuyên dùng để kẹp giữ và dịch chuyển tấm bán dẫn mỏng hoặc tấm lưới bán dẫn; kính hiển vi điện tử được lắp với thiết bị chuyên dùng để kẹp giữ và dịch chuyển tấm bán dẫn mỏng hoặc tấm lưới bán dẫn; thiết bị tạo mẫu dùng cho quá trình tạo màn (khuôn in) hoặc lưới quang trên các đế phủ lớp chịu axit trong quá trình khắc; máy và thiết bị khắc sản xuất hoặc sửa chữa màn và lưới quang; lắp ghép thiết bị bán dẫn hoặc các mạch điện tử tích hợp và bộ phận nâng, giữ, xếp vào hoặc tháo dỡ khối bán dẫn, tấm bán dẫn mỏng, thiết bị bán dẫn, mạch điện tử tích hợp và tấm màn hình dẹt
					282996		Máy chuyên dụng khác còn lại chưa được phân vào đâu	
						2829961	Máy sấy gỗ, bột giấy, giấy, bìa; máy sấy khác không dùng trong gia đình chưa được phân vào đâu	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						2829962	Máy và thiết bị để tách chất đồng vị và bộ phận của chúng	
						2829963	Máy để lắp ráp đèn điện hoặc đèn điện tử, bóng đèn ống, đèn chân không hoặc đèn nháy với vỏ bọc bằng thủy tinh; máy để chế tạo hoặc gia công nóng thủy tinh hay đồ thủy tinh	Gồm: Máy để lắp ráp đèn điện hoặc đèn điện tử, bóng đèn ống, đèn chân không hoặc đèn nháy với vỏ bọc bằng thủy tinh; máy để chế tạo hoặc gia công nóng thủy tinh hay đồ thủy tinh
						2829964	Máy sản xuất dây cáp hoặc dây chao	
						2829965	Rô bột công nghiệp chưa được phân vào đâu	
						2829966	Máy làm mát không khí bằng bay hơi	
						2829967	Cầu vận chuyển hành khách	
						2829968	Vòng ngựa gỗ, đu, và các trò chơi tại khu giải trí	Gồm cả thiết bị chơi bowling tự động
						2829969	Thiết bị phóng dù cho phương tiện bay; thiết bị hãm tốc độ dù cho tàu sân bay hoặc thiết bị tương tự; thiết bị cân bằng lốp; máy và thiết bị cơ khí khác có chức năng riêng biệt chưa được phân vào đâu	Gồm: Thiết bị phóng dù cho phương tiện bay; thiết bị hãm tốc độ dù cho tàu sân bay hoặc thiết bị tương tự; thiết bị cân bằng lốp; máy hút bụi (trừ loại dùng trong gia đình); máy và thiết bị cơ khí khác để gia công kim loại, kể cả máy cuộn ống dây điện; máy trộn, máy nhào, máy xay, máy nghiền, máy sàng, máy rây, máy trộn đồng hoá, máy tạo nhũ tương hoặc máy khuấy chưa được phân vào đâu; máy và thiết bị cơ khí khác có chức năng riêng biệt chưa được phân vào đâu
					282997	2829970	Bộ phận của máy in và máy đóng sách	Gồm: Bộ phận của máy đóng sách kể cả máy khâu sách; bộ phận của máy móc, dụng cụ và các thiết bị dùng để sắp chữ in hoặc chế bản, dùng để làm bản khắc in; bộ phận

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								của máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in, trục lăn và các bộ phận in khác, trừ máy in offset loại sử dụng trong văn phòng
					282998		Bộ phận của máy và thiết bị sử dụng riêng hoặc chủ yếu để sản xuất các khối bán dẫn hoặc tấm bán dẫn mỏng, các thiết bị chất bán dẫn, vi mạch điện hoặc màn hình det; bộ phận của máy chuyên dụng khác	
						2829981	Bộ phận của máy và thiết bị sử dụng riêng hoặc chủ yếu để sản xuất các khối bán dẫn hoặc tấm bán dẫn mỏng, các thiết bị chất bán dẫn, vi mạch điện hoặc màn hình det	Gồm: Bộ phận của máy và thiết bị để sản xuất khối hoặc tấm bán dẫn mỏng; bộ phận của máy và thiết bị để sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp; bộ phận của máy và thiết bị để sản xuất tấm màn hình det; bộ phận của máy và thiết bị sản xuất hoặc sửa chữa màn và lưới quang; lắp ghép thiết bị bán dẫn hoặc các mạch điện tử tích hợp và bộ phận nâng, giữ, xếp vào hoặc tháo dỡ khối bán dẫn, tấm bán dẫn mỏng, thiết bị bán dẫn, mạch điện tử tích hợp và tấm màn hình det
						2829989	Bộ phận của máy chuyên dụng khác	Gồm: Bộ phận của thiết bị phóng dùng cho phương tiện bay; bộ phận của thiết bị hãm tốc độ dùng cho tàu sân bay hoặc thiết bị tương tự; bộ phận của máy để lắp ráp đèn điện hoặc đèn điện tử, bóng đèn ống, đèn chân không hoặc đèn nháy với vỏ bọc bằng thủy tinh; máy để chế tạo hoặc gia công nóng thủy tinh hay đồ thủy tinh; bộ phận của máy sản xuất dây cáp hoặc dây chấu;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								rô bột công nghiệp chưa được phân vào đâu; máy trộn, máy nhào, máy xay, máy nghiền, máy sàng, máy rây, máy trộn đồng hoá, máy tạo nhũ tương hoặc máy khuấy; máy và các thiết bị cơ khí khác có chức năng riêng
					282999	2829990	Dịch vụ sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ gia công sản xuất máy dùng sản xuất giấy và bìa và các bộ phận của chúng; dịch vụ gia công sản xuất máy làm cao su và nhựa; dịch vụ gia công sản xuất máy bồi đắp; dịch vụ gia công sản xuất máy in, máy đóng sách; dịch vụ gia công sản xuất máy và thiết bị loại sử dụng riêng hoặc chủ yếu để sản xuất bán dẫn hoặc xi, các thiết bị chất bán dẫn, vi mạch điện hoặc panô phẳng; dịch vụ gia công sản xuất máy chuyên dụng chưa được phân vào đâu
	29						Xe ô tô và xe có động cơ khác	
		291	2910	29100			Xe ô tô và xe có động cơ khác	
					291001		Động cơ và mô tơ dùng để truyền động cho xe có động cơ (trừ động cơ và mô tô xe mô tô, xe máy)	
						2910011	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng cho xe có động cơ	Gồm: Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng cho xe có động cơ với dung tích xi lanh $\leq 50\text{cc}$; động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng cho xe có động cơ với dung tích xi lanh trên 50cc đến 250cc ; động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng cho xe có động cơ với dung tích xi lanh trên 250cc đến 1000cc ; động cơ đốt

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng cho xe có động cơ với dung tích xilanh >1000 cc
						2910012	Động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (điêzen hoặc bán điêzen) dùng cho xe có động cơ, trừ loại dùng cho đầu máy xe lửa hoặc xe điện	
						2910013	Mô tơ điện để truyền động cho xe cơ giới	
					291002		Xe ô tô chở người	
						2910021	Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống	
						2910022	Xe ô tô chở người từ 10 chỗ đến 16 chỗ	
						2910023	Xe ô tô chở người từ 17 đến 25 chỗ	
						2910024	Xe ô tô chở người từ 26 đến 46 chỗ	
						2910025	Xe ô tô chở người trên 46 chỗ	
						2910026	Xe vừa chở người vừa chở hàng	Xe bán tải, chở người có khoang hành lý riêng
					291003		Xe có động cơ vận tải hàng hóa, trừ xe kéo đường bộ	Gồm: Xe có động cơ có trọng tải ≤ 2 tấn, trọng tải lớn 2 tấn và ≤ 7 tấn, trọng tải > 7 tấn và ≤ 20 tấn, trọng tải > 20 tấn
						2910031	Xe có động cơ vận tải hàng hóa có tải trọng từ 2 tấn trở xuống	
						2910032	Xe có động cơ vận tải hàng hóa có tải trọng trên 2 tấn đến 7 tấn	
						2910033	Xe có động cơ vận tải hàng hóa có tải trọng trên 7 tấn đến 20 tấn	
						2910034	Xe có động cơ vận tải hàng hóa có tải trọng trên 20 tấn	
						2910039	Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa khác chưa được phân vào đâu	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					291004	2910040	Xe kéo đường bộ dùng cho bán rơ móc (rơ móc một trục)	
					291005	2910050	Khung gầm đã lắp động cơ dùng cho xe có động cơ	
					291006		Xe có động cơ loại chuyên dụng	
						2910061	Xe cần cầu	
						2910062	Xe được thiết kế đặc biệt để đi trên tuyết, xe ô tô dùng trong sân gôn và các loại xe tương tự	
						2910069	Xe có động cơ loại chuyên dụng khác	
					291007	2910070	Xe có động cơ tái sản xuất	
					291008	2910080	Dịch vụ sản xuất xe ô tô và xe có động cơ khác	Dịch vụ gia công sản xuất xe ô tô và xe có động cơ khác
		292	2920	29200			Thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ móc và bán rơ móc	
					292001	2920010	Thân xe ô tô và xe có động cơ khác	Gồm: Thân xe có động cơ dùng cho xe có động cơ chở dưới 9 người; thân xe có động cơ dùng cho xe kéo; thân xe có động cơ dùng cho xe chuyên dụng; thân xe có động cơ dùng cho xe vận tải hàng hóa và xe chở từ 9 người trở lên
					292002		Rơ móc và bán rơ móc; thùng chứa (container) được thiết kế và trang bị đặc biệt để vận chuyển theo 1 hoặc nhiều loại hình vận tải	
						2920021	Thùng chứa (container) được thiết kế và trang bị đặc biệt để vận chuyển bằng một hoặc nhiều phương thức vận tải	Gồm: Thùng chứa (container) bằng kim loại; thùng chứa (container) bằng gỗ; thùng chứa (container) bằng vật liệu khác; kể cả container dùng vận chuyển chất lỏng
						2920022	Rơ móc và bán rơ móc	Gồm: Rơ móc và bán rơ móc loại nhà lưu động, dùng làm nhà ở hoặc cắm trại; rơ móc và bán rơ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								moóc dùng để vận chuyển hàng hóa; rơ moóc và bán rơ moóc khác chưa được phân vào đâu
					292003		Dịch vụ sản xuất, phục hồi, lắp ráp, trang bị thân xe ô tô, xe có động cơ khác, rơ moóc, bán rơ moóc và thùng chứa (container) được thiết kế và trang bị đặc biệt để vận chuyển bằng một hoặc nhiều phương thức vận tải	
						2920031	Dịch vụ phục hồi, lắp ráp và trang bị thân xe ô tô, xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	
						2920032	Dịch vụ sản xuất thân xe ô tô, xe có động cơ khác, rơ moóc, bán rơ moóc và thùng chứa (container) được thiết kế và trang bị đặc biệt để vận chuyển bằng một hoặc nhiều phương thức vận tải	Dịch vụ gia công sản xuất thân xe ô tô, xe có động cơ khác, rơ moóc, bán rơ moóc và thùng chứa (container) được thiết kế và trang bị đặc biệt để vận chuyển bằng một hoặc nhiều phương thức vận tải
		293	2930	29300			Phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	
					293001		Thiết bị điện và điện tử dùng cho ô tô, xe có động cơ khác	
						2930011	Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe ô tô, xe có động cơ khác, máy bay hoặc tàu thuyền	Gồm: Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ; bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho máy bay hoặc tàu thuyền
						2930012	Bugì; magneto đánh lửa; máy phát điện từ; bánh đà từ tính; bộ phân phối; cuộn dây đánh lửa	Gồm: Bugì; magneto đánh lửa; máy phát điện từ; bánh đà từ tính; bộ phân phối điện; cuộn dây đánh lửa; kể cả loại sử dụng cho động cơ máy bay
						2930013	Động cơ khởi động; máy tổ hợp hai tính năng khởi động và phát điện; máy phát điện khác và thiết bị điện khác	Gồm: Động cơ khởi động; máy tổ hợp hai tính năng khởi động và phát điện; máy phát điện khác dùng cho động cơ của xe có động cơ và các thiết bị

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								điện khác dùng cho động cơ của xe có động cơ
						2930014	Thiết bị tín hiệu điện; cần gạt nước kính chắn gió, thiết bị phá băng và chống mờ kính dùng cho ô tô, xe có động cơ khác	Gồm: Thiết bị tạo tín hiệu trực quan; thiết bị tín hiệu âm thanh; cần gạt nước kính chắn gió, thiết bị phá băng và chống mờ kính
						2930015	Bộ phận của thiết bị điện khác dùng cho ô tô và xe có động cơ khác	
						2930016	Dịch vụ sản xuất thiết bị điện và điện tử dùng cho ô tô, xe có động cơ khác	Dịch vụ gia công sản xuất thiết bị điện và điện tử dùng cho ô tô, xe có động cơ khác
					293002		Phụ tùng và bộ phận phụ trợ khác dùng cho ô tô, xe có động cơ khác	
						2930021	Ghế ngồi dùng cho ô tô và xe có động cơ khác	
						2930022	Dây đai an toàn, túi khí, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của thân xe	
						2930023	Các phụ tùng khác chưa được phân vào đầu của ô tô và xe có động cơ khác	Gồm: Phanh và trợ lực phanh; hộp số; vành bánh xe và nắp đậy; ống xả, bộ giảm thanh; nhíp; thiết bị giảm sóc; thanh chắn chống va đập; vô lăng, trụ lái; gương chiếu hậu; máy điều hòa không khí dùng cho ô tô và các phụ tùng khác của ô tô và xe có động cơ
						2930024	Các bộ phận phụ trợ khác chưa được phân vào đầu của ô tô và xe có động cơ khác	Gồm: Bộ phận của hộp số; bộ phận của ống xả và bộ giảm thanh; bộ phận của thiết bị giảm sóc, bộ phận phụ khác của ô tô và xe có động cơ
						2930025	Bộ phận của rơ moóc và bán rơ moóc, bộ phận của xe có động cơ không chuyển động bằng cơ khí hoá	
						2930026	Dịch vụ lắp ráp trọn bộ cho ô tô và xe có động cơ khác	Gồm: Dịch vụ lắp ráp trọn bộ linh kiện để chế tạo xe cơ giới

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						2930027	Dịch vụ lắp ráp các phụ tùng và bộ phận phụ trợ khác cho ô tô và xe có động cơ khác	Gồm: Dịch vụ lắp ráp các bộ phận không tự sản xuất (mua hoặc được cung cấp) thành các cụm lắp ráp, như: lắp ráp hệ thống xả, bánh xe, cản xe...
						2930028	Dịch vụ sản xuất các phụ tùng và bộ phận phụ trợ khác cho xe ô tô và xe có động cơ khác	Dịch vụ gia công sản xuất các phụ tùng và bộ phận phụ trợ khác cho xe ô tô và xe có động cơ khác
	30						Phương tiện vận tải khác	
		301					Tàu và thuyền	
			3011	30110			Tàu và cầu kiện nổi	
					301101		Tàu dân sự và thuyền lớn dùng để chở người và hàng hoá	
						3011011	Tàu thủy chở khách, du thuyền và các tàu thuyền tương tự được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người; phà các loại	Gồm: Tàu chở khách trọng tải không quá 26 tấn; tàu chở khách trọng tải >26 tấn và ≤500 tấn; tàu chở khách trọng tải >500 tấn và ≤1000 tấn; tàu chở khách trọng tải >1000 tấn và ≤4000 tấn; tàu chở khách trọng tải >4000 và ≤5000 tấn; tàu chở khách trọng tải >5000 tấn Loại trừ: Thuyền giải trí và thể thao được phân vào nhóm 30120
						3011012	Tàu chở chất lỏng và khí hoá lỏng	Gồm: Tàu chở chất lỏng và khí hoá lỏng không quá 5000 tấn; tàu chở chất lỏng và khí hoá lỏng >5000 tấn và ≤50000 tấn; tàu chở chất lỏng và khí hoá lỏng >50000 tấn
						3011013	Tàu đông lạnh, trừ tàu chở chất lỏng và khí hoá lỏng	Gồm: Tàu đông lạnh, trừ tàu chở dầu không quá 5000 tấn; tàu đông lạnh >5000 tấn và ≤50000 tấn; tàu đông lạnh >50000 tấn

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						3011014	Tàu, thuyền lớn khác chuyên chở người và hàng hoá, không có động cơ đẩy	
						3011015	Tàu, thuyền lớn khác chuyên chở người và hàng hoá, có động cơ đẩy	
					301102		Tàu, thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hay bảo quản thủy sản đánh bắt	
						3011021	Tàu đánh bắt thủy hải sản; các loại tàu chuyên dụng dùng trong đánh bắt và bảo quản thủy sản	
						3011022	Tàu kéo và tàu đẩy	
						3011029	Tàu hút nạo vét; ụ nổi; tàu đèn hiệu, tàu cứu hỏa, cần cầu nổi và các loại tàu khác	
					301103	3011030	Dàn khoan hoặc dàn sản xuất nổi hoặc nửa nổi nửa chìm	
					301104	3011040	Cấu kiện nổi khác	Gồm cả ghế dùng cho tàu và các kết cấu nổi; bè, mảng, thùng chứa chất lỏng, ketxon giềng kín, cầu lên bờ, các loại phao nổi và mốc hiệu
					301105		Dịch vụ chuyển đổi, dựng lại và trang bị tàu, nền và cấu kiện nổi; dịch vụ sản xuất tàu dân sự và cấu kiện nổi	
						3011051	Dịch vụ chuyển đổi, dựng lại, trang bị tàu dân sự, nền và cấu kiện nổi	Gồm: Dịch vụ trung đại tu tàu dân sự
						3011052	Dịch vụ sản xuất tàu dân sự và cấu kiện nổi	
					301106		Tàu và thuyền quân sự	
						3011061	Tàu và thuyền quân sự	Gồm: - Tàu chiến đấu được trang bị các loại vũ khí tấn công và phòng thủ khác nhau, cùng với các thiết bị bảo vệ chống lại sự bắn phá và các tàu quân sự

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Tàu thuyền và cấu kiện nổi khác, như: tàu sân bay, tàu tấn công đổ bộ, tàu tuần dương, tàu khu trục, tàu ngầm, tàu đổ bộ, tàu kéo vận chuyển đạn dược hoặc thủy lôi
						3011062	Dịch vụ sản xuất tàu và thuyền quân sự	Dịch vụ gia công sản xuất tàu và thuyền quân sự
			3012	30120			Thuyền, xuồng thể thao và giải trí	
					301201	3012010	Du thuyền hạng nhẹ và các loại tàu thuyền khác phục vụ nghỉ ngơi giải trí hoặc thể thao; thuyền dùng mái chèo và ca nô	Gồm: - Thuyền buồm, có hoặc không có động cơ phụ trợ, bao gồm cả du thuyền buồm - Thuyền có thể bơm phồng dùng cho giải trí hoặc thể thao - Thuyền máy, bao gồm cả du thuyền máy, không bao gồm loại thuyền máy có gắn máy bên ngoài - Các loại thuyền giải trí hoặc thể thao khác, bao gồm cả thuyền có mái chèo và ca nô
					301202		Dịch vụ chuyển đổi, dựng lại và trang bị thuyền, xuồng thể thao và giải trí; dịch vụ sản xuất thuyền, xuồng thể thao và giải trí	
						3012021	Dịch vụ chuyển đổi, dựng lại và trang bị thuyền, xuồng thể thao và giải trí	
						3012022	Dịch vụ sản xuất thuyền, xuồng thể thao và giải trí	
		302	3020	30200			Đầu máy xe lửa, xe điện, toa xe và phương tiện, thiết bị chuyên dùng trên đường ray	
					302001	3020010	Đầu máy đường sắt và toa tiếp liệu đầu máy	Gồm: Đầu máy đường sắt chạy bằng nguồn điện bên ngoài; đầu máy đường sắt chạy bằng ắc quy điện; đầu máy đường sắt diezen; đầu máy

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								đường sắt khác; toa tiếp liệu đầu máy
					302002	3020020	Toa xe lửa hoặc xe điện tự hành, toa chở hàng, toa trần (trừ xe bảo dưỡng hoặc phục vụ)	
					302003		Đầu máy - toa xe lửa khác	
						3020031	Xe bảo dưỡng hoặc phục vụ dùng trong đường sắt hay đường xe điện, loại tự hành hoặc không	
						3020032	Toa xe lửa hay xe điện chở khách, toa hành lý, toa bưu điện và toa xe lửa hay xe điện chuyên dùng cho mục đích đặc biệt khác, không tự hành	Ví dụ: Toa xưởng, xe gắn cần cầu, máy chèn đường, máy đặt ray, toa xe thử nghiệm và xe kiểm tra đường ray
						3020033	Toa xe lửa hoặc xe điện chở hàng và toa goòng trên đường sắt hoặc đường xe điện, không tự hành	
					302004	3020040	Thiết bị tín hiệu bằng điện, thiết bị an toàn hoặc thiết bị điều khiển chuyển động của đường ray xe lửa, đường xe điện, đường bộ, đường thủy nội địa, bãi đỗ xe, cảng hoặc sân bay	
					302005	3020050	Bộ phận của đầu máy toa xe; thiết bị tín hiệu bằng cơ dùng cho các ngành đường	Gồm cả ghế ngồi trên toa xe đường sắt
					302006		Dịch vụ tu sửa và trang bị đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe; dịch vụ sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	
						3020061	Dịch vụ tu sửa và trang bị đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	
						3020062	Dịch vụ sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	Dịch vụ gia công sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe
		303	3030	30300			Máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan	
					303001		Mô tơ và động cơ dùng cho phương tiện bay và tàu vũ trụ dân sự; thiết bị huấn	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
							luyện bay mặt đất và bộ phận của chúng	
						3030011	Động cơ đốt trong xoay chiều hoặc tĩnh tiến kiểu piston đánh lửa dùng cho máy bay	
						3030012	Tua bin phản lực, tua bin cánh quạt và các loại tua bin khí khác	Gồm: Tua bin phản lực có lực đẩy không quá 25 kN; tua bin phản lực có lực đẩy >25 kN; tua bin cánh quạt công suất không quá 1100 kW; tua bin cánh quạt công suất >1100 kW
						3030013	Động cơ phản lực, trừ tua bin phản lực	
						3030014	Thiết bị huấn luyện bay mặt đất và bộ phận của chúng	
						3030015	Bộ phận của động cơ đốt trong xoay chiều hoặc tĩnh tiến kiểu piston đánh lửa dùng cho máy bay	
						3030016	Bộ phận của tua bin phản lực và tua bin cánh quạt	
					303002	3030020	Khinh khí cầu và khí cầu điều khiển được; tàu lượn, tàu lượn treo và các phương tiện bay khác không dùng động cơ	
					303003		Máy bay trực thăng và phương tiện bay khác	
						3030031	Máy bay trực thăng	Gồm: Máy bay trực thăng trọng lượng không tải không quá 2000 kg; máy bay trực thăng trọng lượng không tải >2000 kg
						3030032	Máy bay và phương tiện bay khác với trọng lượng không tải không quá 2000 kg	
						3030033	Máy bay và các phương tiện bay khác với trọng lượng không tải >2000 kg nhưng ≤15000 kg	
						3030034	Máy bay và các phương tiện bay khác với trọng lượng không tải >15000 kg	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					303004	3030040	Tàu vũ trụ (kể cả vệ tinh) và phương tiện đẩy để phóng tàu vũ trụ	
					303005	3030050	Máy bay không người lái dân sự	
					303006		Bộ phận của máy bay và tàu vũ trụ dân sự	Gồm: Cánh quạt, rô to (rotor) của máy bay và tàu vũ trụ; càng, bánh của máy bay và tàu vũ trụ; các bộ phận khác của máy bay hoặc trực thăng; các bộ phận của vệ tinh viễn thông; các bộ phận của khí cầu, tàu lượn hoặc tàu lượn treo; các bộ phận của vật thể bay khác
						3030061	Bộ phận của máy bay dân sự	
						3030062	Bộ phận của tàu vũ trụ dân sự	
					303007		Dịch vụ đại tu và chuyển đổi máy bay và tàu vũ trụ dân sự; dịch vụ sản xuất máy bay, tàu vũ trụ dân sự và máy móc liên quan	
						3030071	Dịch vụ đại tu và chuyển đổi máy bay và tàu vũ trụ dân sự	
						3030072	Dịch vụ sản xuất máy bay, tàu vũ trụ dân sự và máy móc liên quan	Gồm: - Dịch vụ gia công sản xuất máy bay dân sự và máy móc liên quan - Dịch vụ gia công sản xuất tàu vũ trụ dân sự và máy móc liên quan
					303008		Máy bay, tàu vũ trụ quân sự và máy móc liên quan	
						3030081	Máy bay quân sự và máy móc liên quan	Gồm: - Máy bay quân sự, như: máy bay cánh cố định, máy bay cánh quạt nghiêng, máy bay cánh quay, máy bay không người lái phục vụ mục đích quân sự (UAV) - Thiết bị mô phỏng không chiến và các bộ phận của chúng
						3030082	Tàu vũ trụ quân sự và máy móc liên quan	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					303009		Dịch vụ sản xuất máy bay, tàu vũ trụ quân sự và máy móc liên quan	
						3030091	Dịch vụ sản xuất máy bay quân sự và máy móc liên quan	Dịch vụ gia công sản xuất máy bay quân sự và máy móc liên quan
						3030092	Dịch vụ sản xuất tàu vũ trụ quân sự và máy móc liên quan	Dịch vụ gia công sản xuất tàu vũ trụ quân sự và máy móc liên quan
		304	3040	30400			Xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội	
					304001		Xe chiến đấu quân sự và các bộ phận của chúng	
						3040011	Xe chiến đấu quân sự	Gồm: Các phương tiện chiến đấu quân sự, có hoặc không trang bị vũ khí, như: xe tăng, xe chiến đấu bọc thép để chở người, xe tiếp tế bọc thép, xe cứu hộ bọc thép có cần cẩu, xe quân sự lội nước bọc thép, xe tăng điều khiển từ xa...
						3040012	Bộ phận của xe chiến đấu quân sự	Gồm: Các bộ phận của xe chiến đấu quân sự, như: thân xe chiến đấu bọc thép và các bộ phận của nó (bao gồm: tháp pháo bọc thép; cửa và nắp bọc thép; tấm bọc thép có thể nhận dạng là bộ phận của xe chiến đấu quân sự; xích đặc biệt, bánh xe đặc biệt và bánh xe dẫn động cho xe chiến đấu bọc thép...)
					304002	3040020	Dịch vụ sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội	Dịch vụ gia công sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội
		309					Phương tiện và thiết bị vận tải chưa được phân vào đâu	
			3091	30910			Xe mô tô, xe máy	
					309101		Xe mô tô, xe máy và xe thùng	
						3091011	Xe mô tô, xe máy và xe đạp có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong	Gồm: Xe mô tô, xe máy và xe đạp có gắn động cơ phụ trợ và xe thùng; xe

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								mô tô, xe máy có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh không quá 50 cc (bao gồm cả xe đạp có gắn động cơ phụ trợ); xe mô tô, xe máy có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh >50 cc nhưng ≤ 250 cc; xe mô tô, xe máy có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh >250 cc nhưng ≤ 500 cc; xe mô tô, xe máy có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh >500 cc nhưng ≤ 800 cc; xe mô tô, xe máy có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh >800cc; xe mô tô chưa được phân vào đâu; xe thùng
						3091012	Xe máy điện	
					309102	3091020	Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng	Gồm: Yên xe mô tô, phanh, hộp số, ly hợp, bánh xe, bộ giảm thanh, ống xả; các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác
					309103		Động cơ đốt trong, loại được sử dụng cho xe mô tô, xe máy	
						3091031	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc chuyển động quay tròn đốt cháy bằng tia lửa điện dung tích xi lanh ≤ 1000 cm ³	
						3091032	Động cơ pittông đốt trong chuyển động qua lại được mồi bằng tia lửa dùng cho xe với dung tích xi lanh >1000 cm ³	
					309104	3091040	Dịch vụ sản xuất mô tô, xe máy	Dịch vụ gia công sản xuất mô tô, xe máy

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
			3092	30920			Xe đạp và xe cho người khuyết tật	
					309201		Xe đạp và các loại xe đạp khác	
						3092011	Xe đạp và các loại xe đạp khác không có động cơ	Gồm: Các loại xe đạp không có động cơ, bao gồm cả xe đạp đua; xe đạp trẻ em loại thiết kế không cùng kiểu với xe đạp người lớn; xe đạp khác
						3092012	Xe đạp và các loại xe đạp khác có bàn đạp trợ lực, có động cơ điện phụ trợ	Gồm: xe đạp, xe ba bánh và xe bốn bánh, có hỗ trợ bàn đạp, có động cơ điện phụ trợ với công suất định mức liên tục không quá 250 W
						3092013	Xe đạp điện	Gồm: Các loại xe đạp có động cơ điện để truyền động
					309202	3092020	Xe cho người khuyết tật	Gồm: Xe cho người khuyết tật, loại không có cơ cấu đẩy cơ khí; xe cho người khuyết tật, chưa được phân vào đâu Loại trừ: Các bộ phận và phụ tùng của xe cho người khuyết tật được phân vào nhóm 3092050
					309203		Xe đẩy trẻ em và bộ phận của xe đẩy trẻ em	
						3092031	Xe đẩy trẻ em	
						3092032	Bộ phận của xe đẩy trẻ em	
					309204	3092040	Bộ phận và phụ tùng của xe đạp và xe đạp khác	Gồm: Khung xe, càng xe và các bộ phận của chúng; vành bánh xe và nan hoa; moay ơ trừ phanh chân và phanh moay ơ, đĩa xe, líp xe; phanh, kể cả phanh chân và phanh moay ơ và các bộ phận của chúng; yên xe đạp; pê đan, đui đĩa và các bộ phận của chúng; các bộ phận và phụ tùng khác của xe đạp

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					309205	3092050	Bộ phận và phụ tùng của xe cho người khuyết tật	Gồm: Bánh xe nhỏ có đường kính (kể cả lốp xe) >75mm và ≤100mm, chiều rộng của bánh xe hoặc lốp lắp vào không dưới 30mm; bánh xe nhỏ có đường kính (kể cả lốp xe) >100mm và ≤250mm, chiều rộng của bánh xe hoặc lốp lắp vào không dưới 30mm; các bộ phận khác của xe dành cho người khuyết tật
					309206	3092060	Dịch vụ sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	Dịch vụ gia công sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật
			3099	30990			Phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	
					309901	3099010	Phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	
					309902	3099020	Dịch vụ sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	Dịch vụ gia công sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
	31	310					Giường, tủ, bàn, ghế	
			3101	31010			Giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	
					310101		Đồ nội thất bằng gỗ, trừ ghế bằng gỗ	
						3101011	Giường gỗ các loại	Gồm: Giường đôi, giường đơn, sập...
						3101012	Tủ bằng gỗ các loại	
						3101013	Bàn bằng gỗ các loại	
						3101014	Bộ sa lông bằng gỗ các loại	
						3101019	Đồ nội thất bằng gỗ khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Giá sách, giá để hàng, bảng viết,...
					310102	3101020	Ghế có khung bằng gỗ	Gồm: Ghế ngồi có thể chuyển thành giường, trừ ghế trong vườn hoặc thiết bị cắm trại; ghế khác có khung bằng gỗ
					310103		Bộ phận của nội thất bằng gỗ	
						3101031	Bộ phận của đồ nội thất bằng gỗ, trừ ghế gỗ	
						3101032	Bộ phận của ghế bằng gỗ	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					310104	3101040	Dịch vụ hoàn thiện đồ nội thất mới bằng gỗ	Gồm: Dịch vụ sơn mài, đánh véc ni, mạ vàng và sơn đồ nội thất trong quá trình sản xuất;... Loại trừ: - Dịch vụ bọc nệm cho ghế được phân vào nhóm 3101050, 3102050, 3109070 - Dịch vụ sửa chữa, bảo trì và phục hồi đồ nội thất được phân vào nhóm 9524000
					310105	3101050	Dịch vụ bọc nệm cho ghế bằng gỗ	
					310106	3101060	Dịch vụ sản xuất đồ nội thất bằng gỗ	Dịch vụ gia công sản xuất đồ nội thất bằng gỗ
			3102	31020			Giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại	
					310201		Đồ nội thất bằng kim loại, trừ ghế bằng kim loại	
						3102011	Giường bằng kim loại các loại	
						3102012	Tủ bằng kim loại các loại	
						3102013	Bàn bằng kim loại các loại	
						3102014	Bộ sa lông bằng kim loại	
						3102019	Đồ nội thất bằng kim loại khác chưa được phân vào đâu	
					310202	3102020	Ghế có khung bằng kim loại	Gồm: Ghế có khung bằng kim loại đã nhồi đệm, ghế tập đi trẻ em và các loại ghế có khung bằng kim loại tương tự khác Loại trừ: - Ghế ngồi cho xe có động cơ được phân vào nhóm 2930021 - Ghế ngồi cho trẻ em trên xe ô tô được phân vào nhóm 2930021 - Ghế nha khoa, ghế của thợ làm tóc có cơ chế nâng hạ, xoay và ngả được phân vào nhóm 3250120

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					310203		Bộ phận của đồ nội thất bằng kim loại	
						3102031	Bộ phận của đồ nội thất kim loại, trừ ghế bằng kim loại	
						3102032	Bộ phận của ghế bằng kim loại	
					310204	3102040	Dịch vụ hoàn thiện đồ nội thất mới bằng kim loại	Gồm: Dịch vụ sơn mài, đánh véc ni, mạ vàng và sơn đồ nội thất trong quá trình sản xuất;... Loại trừ: - Dịch vụ bọc nệm cho ghế được phân vào nhóm 3101050, 3102050, 3109070 - Dịch vụ sửa chữa, bảo trì và phục hồi đồ nội thất được phân vào nhóm 9524000
					310205	3102050	Dịch vụ bọc nệm cho ghế bằng kim loại	
					310206	3102060	Dịch vụ sản xuất đồ nội thất bằng kim loại	Dịch vụ gia công sản xuất đồ nội thất bằng kim loại
			3109	31090			Giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác	
					310901		Đồ nội thất bằng plastic	
						3109011	Giường bằng plastic	
						3109012	Tủ bằng plastic	
						3109013	Bàn bằng plastic	
						3109014	Ghế bằng plastic	
						3109019	Đồ nội thất bằng plastic khác chưa được phân vào đâu	
					310902		Đồ nội thất bằng mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự	
						3109021	Giường bằng mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự	
						3109022	Tủ bằng mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự	
						3109023	Bàn bằng mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự	
						3109024	Ghế bằng mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						3109025	Bộ sa lông bằng mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự	
						3109026	Đồ nội thất khác bằng mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự	
					310903	3109030	Đồ nội thất bằng vật liệu khác chưa được phân vào đâu	
					310904	3109040	Bộ phận của đồ nội thất bằng vật liệu khác	
					310905		Khung đệm (nệm) và đệm (nệm)	
						3109051	Khung đệm (nệm)	
						3109052	Đệm (nệm)	Loại trừ: - Đệm (nệm) hơi bằng vải dệt được phân vào nhóm 1399040 - Đệm (nệm) hơi làm từ cao su lưu hóa được phân vào nhóm 2219073 - Khung đỡ đệm (nệm) được phân vào nhóm 3109051
					310906	3109060	Dịch vụ hoàn thiện đồ nội thất mới bằng vật liệu khác	Gồm: Dịch vụ sơn mài, đánh véc ni, mạ vàng và sơn đồ nội thất trong quá trình sản xuất;... Loại trừ: - Dịch vụ bọc nệm cho ghế được phân vào nhóm 3101050, 3102050, 3109070 - Dịch vụ sửa chữa, bảo trì và phục hồi đồ nội thất được phân vào nhóm 9524000
					310907	3109070	Dịch vụ bọc nệm cho ghế bằng vật liệu khác	
					310908	3109080	Dịch vụ sản xuất đồ nội thất bằng vật liệu khác	Dịch vụ gia công sản xuất đồ nội thất bằng vật liệu khác
	32						Sản phẩm chế biến, chế tạo khác	
		321					Đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
			3211	32110			Đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	
					321101		Tiền kim loại	
						3211011	Tiền kim loại	Gồm: Tiền bằng vàng loại được coi là tiền tệ chính thức hoặc không chính thức; tiền bằng bạc loại không được coi là tiền tệ chính thức; tiền bằng bạc loại được coi là tiền tệ chính thức; tiền kim loại khác không được coi là tiền tệ chính thức; tiền kim loại khác loại được coi là tiền tệ chính thức
						3211012	Dịch vụ sản xuất tiền kim loại	Dịch vụ gia công sản xuất tiền kim loại
					321109		Đồ kim hoàn và chi tiết liên quan khác	
						3211091	Ngọc trai tự nhiên, nuôi cấy, đá quý (trừ kim cương công nghiệp) hoặc bán quý, bao gồm nhân tạo hoặc tái tạo, đã gia công nhưng chưa xâu chuỗi, gắn hoặc nạm đá	Gồm: Ngọc trai tự nhiên, nuôi cấy đã gia công; kim cương phi công nghiệp loại khác đã gia công; rubi, saphia và ngọc lục bảo đã gia công; đá quý và đá bán quý nhân tạo hoặc tái tạo khác, đã gia công nhưng chưa xâu chuỗi, gắn hoặc nạm đá
						3211092	Kim cương công nghiệp, đã gia công; bụi và bột của đá quý hoặc bán quý tự nhiên hoặc tổng hợp	
						3211093	Đồ kim hoàn, sản phẩm của đồ kim hoàn và các chi tiết của chúng; sản phẩm của đồ vàng hoặc đồ bạc và các chi tiết của chúng	Gồm: Đồ kim hoàn, đồ kỹ nghệ bằng bạc; đồ kim hoàn, đồ kỹ nghệ bằng kim loại quý khác; đồ kim hoàn, đồ kỹ nghệ bằng kim loại cơ bản dát phủ kim loại quý
						3211094	Sản phẩm khác từ kim loại quý; các sản phẩm từ ngọc trai tự nhiên hoặc ngọc trai nuôi cấy, đá quý hoặc bán quý	Gồm: Vật xúc tác ở dạng tấm đan hoặc lưới bằng bạch kim; sản phẩm bằng ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy; sản phẩm bằng đá quý hoặc đá bán quý

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								(tự nhiên, tổng hợp hoặc tái tạo); các sản phẩm khác bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý
						3211095	Dịch vụ sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	Dịch vụ gia công sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan
			3212	32120			Đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	
					321201	3212010	Đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	Gồm: Khuy măng sét và khuy rời bằng kim loại cơ bản, đã hoặc chưa mạ kim loại quý; đồ kim hoàn giả khác bằng kim loại cơ bản, đã hoặc chưa mạ kim loại quý
					321202	3212020	Dịch vụ sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	Dịch vụ gia công sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan
		322	3220	32200			Nhạc cụ	
					322001		Đàn piano, đàn organ và các nhạc cụ bộ dây và bộ hơi khác, nhạc cụ có bàn phím; máy đếm nhịp, âm thoa; bộ phận cơ của hộp nhạc	
						3220011	Đàn piano, kể cả piano tự động và các loại nhạc cụ dây có phím bấm khác	
						3220012	Nhạc cụ có dây khác	Gồm: Nhạc cụ có sử dụng cần kéo; nhạc cụ có dây khác
						3220013	Đàn organ ống có phím, đàn harmonium và các nhạc cụ tương tự; đàn accordion và các nhạc cụ tương tự; đàn organ miệng; nhạc cụ hơi	Gồm: Kèn đồng; đàn organ ống có phím; đàn harmonium và loại nhạc cụ phím tương tự có bộ phận lưỡi gà bằng kim loại tự do; nhạc cụ hơi khác
						3220014	Nhạc cụ, mà âm thanh được tạo ra hoặc phải khuếch đại bằng điện	Gồm: Nhạc cụ có phím bấm trừ đàn accordion; nhạc cụ khác, mà âm thanh được tạo ra hoặc phải khuếch đại bằng điện
						3220015	Các loại nhạc cụ khác	Gồm: Nhạc cụ thuộc bộ gõ; đàn hộp; dụng cụ tạo âm thanh để nhồi, tù

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								và các dụng cụ thổi bằng miệng khác để tạo âm thanh; nhạc cụ khác chưa được phân vào đâu
						3220016	Máy đếm nhịp, âm thoa; ống thổi lấy cao độ; bộ phận cơ của hộp nhạc, dây nhạc cụ	
					322002	3220020	Các bộ phận và phụ kiện của nhạc cụ	Gồm: Các bộ phận và phụ kiện của nhạc cụ (trừ dây nhạc cụ)
					322003	3220030	Dịch vụ sản xuất nhạc cụ	Dịch vụ gia công sản xuất nhạc cụ
		323	3230	32300			Dụng cụ thể dục, thể thao	
					323001		Ván trượt tuyết và các thiết bị trượt tuyết khác, lưỡi giày trượt băng và lưỡi trượt có bánh xe kể cả giày trượt có gắn lưỡi trượt, giày ống trượt tuyết	
						3230011	Ván trượt tuyết	
						3230012	Dây buộc ván trượt	
						3230013	Lưỡi giày trượt băng và lưỡi trượt có bánh xe kể cả giày trượt có gắn lưỡi trượt	
						3230014	Giày ống trượt tuyết, giày ống trượt tuyết việt dã	
						3230019	Các thiết bị trượt tuyết, trượt băng khác	
					323002		Thiết bị thể thao dưới nước và thiết bị dùng cho luyện tập thể chất, thể dục và điền kinh	
						3230021	Ván trượt nước, ván lướt sóng, ván buồm và các thiết bị thể thao dưới nước khác	
						3230022	Thiết bị và dụng cụ dùng cho luyện tập thể chất, thể dục và điền kinh	
					323003		Thiết bị và dụng cụ khác dùng cho thể thao hoặc trò chơi ngoài trời	
						3230031	Găng tay thiết kế đặc biệt dùng trong thể thao	Gồm: Găng tay thể thao, các thiết bị chơi gôn, thiết bị cho môn bóng bàn và vợt tennis

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						3230032	Vợt tennis, vợt cầu lông hoặc các vợt tương tự khác, đã hoặc chưa căng lưới, vợt bóng bàn	Gồm: Vợt tennis; vợt có lưới khác, đã hoặc chưa căng lưới; vợt bóng bàn
						3230033	Bóng thể thao các loại	Gồm: Bóng bàn; bóng chơi gôn; bóng tennis; bóng có thể bơm hơi; bóng thể thao khác
						3230034	Bàn bóng bàn	
						3230035	Gậy chơi gôn và các thiết bị chơi gôn khác	
						3230036	Bể bơi, bể bơi nông	Gồm: Bể bơi lắp ghép, bể bơi thông minh...
						3230039	Thiết bị và dụng cụ khác dùng cho thể thao hoặc trò chơi ngoài trời	
					323004		Cần câu và các loại dây câu khác; vợt lưới bắt cá, vợt lưới bắt bướm và các loại vợt lưới tương tự; chim giả làm mồi và các dụng cụ cần thiết dùng cho săn hoặc bắn tương tự	Loại trừ: Dụng cụ tạo âm thanh dùng để nhử mồi các loại
						3230041	Thiết bị câu và bắt cá	Gồm: Cần câu, lưới câu và các loại dây câu khác; vợt lưới bắt cá, vợt lưới bắt bướm và các loại lưới tương tự
						3230042	Dụng cụ cần thiết dùng cho săn hoặc bắn khác chưa phân vào đâu	Gồm: Chim giả làm mồi và các dụng cụ cần thiết dùng cho săn hoặc bắn tương tự
					323005	3230050	Dịch vụ sản xuất dụng cụ và thiết bị thể dục, thể thao	Dịch vụ gia công sản xuất dụng cụ và thiết bị thể dục, thể thao
		324	3240	32400			Đồ chơi, trò chơi	
					324001		Búp bê, đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người và các bộ phận của chúng	Gồm: Búp bê; đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người; bộ phận và các phụ kiện của búp bê
						3240011	Búp bê	
						3240012	Đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						3240013	Bộ phận và các phụ kiện của búp bê	
					324002	3240020	Xe điện đồ chơi và đường ray, đèn hiệu và các phụ tùng khác của chúng; bộ đồ chơi lắp ráp có mẫu thu nhỏ theo tỷ lệ và các bộ xếp hình và đồ chơi xây dựng khác	Gồm: Xe điện kể cả đường ray, đèn hiệu và các phụ kiện khác của chúng; bộ đồ chơi lắp ráp có mẫu thu nhỏ theo tỷ lệ và các mô hình giải trí tương tự có hoặc không vận hành; bộ xếp hình và đồ chơi xây dựng khác; xe điện mô hình loại nhỏ
					324003		Đồ chơi khác	Gồm cả đồ chơi nhạc cụ
						3240031	Xe đạp ba bánh, xe đẩy, xe có bàn đạp và đồ chơi tương tự có bánh, xe của búp bê	
						3240032	Đồ chơi đồ trí	Gồm: Đồ chơi xếp hình hoặc xếp ảnh; các loại đồ chơi đồ trí khác
						3240039	Đồ chơi khác chưa được phân vào đâu	
					324004		Trò chơi khác	Loại trừ: Máy chơi trò chơi điện tử được phân vào nhóm 2640060
						3240041	Bộ bài	
						3240042	Các máy và bộ điều khiển trò chơi video, dụng cụ cho giải trí, cho các trò chơi trên bàn hoặc trong phòng, trò chơi ở sòng bạc và các thiết bị dùng cho đường chạy bowling tự động	Gồm: Các mặt hàng và phụ kiện dùng cho trò chơi bi-a; trò chơi khác hoạt động bằng đồng xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, xèng hoặc các loại tương tự, trừ các thiết bị dùng cho đường chạy bowling tự động; các loại trò chơi khác không gồm các loại trên
					324005	3240050	Dịch vụ sản xuất đồ chơi và trò chơi	Dịch vụ gia công sản xuất đồ chơi và trò chơi
		325	3250				Thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	
				32501			Thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa	
					325011		Thiết bị, dụng cụ y tế, phẫu thuật và nha khoa	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						3250111	Thiết bị và dụng cụ (trừ ống tiêm, kim và các đồ tương tự) dùng trong điều trị nha khoa	Gồm: Động cơ khoan dùng trong nha khoa, có hoặc không gắn liền cùng một giá đỡ với thiết bị nha khoa khác; các thiết bị và dụng cụ khác dùng trong điều trị nha khoa
						3250112	Thiết bị khử trùng trong y tế, phẫu thuật hoặc trong phòng thí nghiệm	
						3250113	Bơm tiêm, kim tiêm, ống thông, ống dẫn lưu và loại tương tự; thiết bị và dụng cụ nha khoa; các thiết bị, dụng cụ y tế khác	
						3250114	Thiết bị và dụng cụ trị liệu khác	Loại trừ: Các thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp được phân vào nhóm 26600
					325012	3250120	Đồ nội thất trong ngành y, giải phẫu, nha khoa hoặc thú y; ghế cắt tóc và các loại ghế tương tự có thể xoay, ngả và nâng hạ và các bộ phận	Gồm: Ghế nha khoa, ghế cắt tóc và các loại ghế tương tự; đồ nội thất khác trong ngành y, giải phẫu hoặc thú y và phụ tùng của chúng
					325013		Kính đeo, tròng kính và bộ phận của chúng	
						3250131	Kính áp tròng; tròng kính bằng mọi loại vật liệu	
						3250132	Kính đeo, kính bảo hộ và các loại tương tự, dùng để điều chỉnh thị lực, bảo vệ mắt hoặc mục đích khác	Gồm: Kính râm; kính điều chỉnh (cận, viễn,...); kính bảo hộ điều chỉnh; kính bảo hộ; các loại kính đeo mắt khác
						3250133	Khung và gọng của kính đeo, kính bảo hộ hoặc các loại tương tự	Gồm: Khung và gọng kính bằng plastic; khung và gọng kính bằng vật liệu khác
						3250134	Bộ phận của khung và gọng kính đeo	
					325014	3250140	Các mặt hàng khác dùng cho mục đích y tế hoặc phẫu thuật	Gồm: Khăn trải giường dùng một lần được sử dụng trong các thủ thuật phẫu thuật làm từ vải không dệt,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					325015	3250150	Dịch vụ sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa	Dịch vụ gia công sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa
				32502			Dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng	
					325021		Khớp nhân tạo; dụng cụ chỉnh hình; răng giả; phụ kiện nha khoa; các bộ phận nhân tạo khác của cơ thể và bộ phận của chúng	Gồm: Các dụng cụ chỉnh hình hoặc nẹp xương; răng giả và chi tiết gắn dùng trong nha khoa; xi măng hàn răng và các chất hàn răng khác; các bộ phận nhân tạo khác của cơ thể người chưa được phân vào đâu
						3250211	Khớp nhân tạo; dụng cụ chỉnh hình; răng giả và chi tiết gắn dùng trong nha khoa; các bộ phận nhân tạo khác của cơ thể	
						3250212	Bộ phận và phụ kiện của bộ phận nhân tạo của cơ thể người và thiết bị chỉnh hình	
					325022	3250220	Dịch vụ sản xuất dụng cụ chỉnh hình; bộ phận nhân tạo của cơ thể người	Dịch vụ gia công sản xuất dụng cụ chỉnh hình; bộ phận nhân tạo của cơ thể người
		329	3290	32900			Sản phẩm khác chưa được phân vào đâu	
					329001		Chổi, bàn chải và dụng cụ cơ học vận hành bằng tay để lau sàn	
						3290011	Chổi, bàn và dụng cụ cơ học để lau quét sàn chải dùng để làm sạch trong gia đình	
						3290012	Bàn chải đánh răng, bàn chải tóc và các bàn chải khác dùng cho người; bút lông, bút vẽ và bàn chải dùng để trang điểm	Gồm: Bàn chải đánh răng kể cả bàn chải dùng cho răng ngựa; bút lông vẽ, bút lông để viết và bút tương tự dùng cho trang điểm; chổi cạo râu, chổi chải móng tay, chải mi mắt và bàn chải vệ sinh khác dùng cho người kể cả các bàn chải là các bộ phận của các đồ dùng
						3290013	Bàn chải, chổi khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Chổi quét sơn, chổi quét keo, chổi quét

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								sơn bóng hoặc các loại chổi tương tự, miếng thấm và con lăn để quét sơn hoặc vẽ; các loại bàn chải khác là bộ phận của máy móc, thiết bị hoặc xe; túm và búi đã làm sẵn để làm chổi hoặc bàn chải, máy quét sà
						3290014	Dịch vụ sản xuất chổi và bàn chải	Dịch vụ gia công sản xuất chổi và bàn chải
					329002		Hàng hoá sản xuất chưa được phân vào đâu	
						3290021	Mũ bảo hiểm và các sản phẩm an toàn khác	Gồm: Mũ bảo hiểm cho người đi xe máy; mũ bảo hộ công nghiệp và mũ bảo hiểm cho lính cứu hoả, trừ mũ bảo hộ bằng thép; mũ bảo hộ khác; mũ có vành và mũ lưới trai khác bằng cao su hoặc nhựa
						3290022	Bút viết các loại	Gồm: Bút bi; bút phốt, bút phốt có ruột khác và bút đánh dấu; bút máy, bút máy ngòi ống và bút tương tự; bút chì bấm hoặc bút chì đẩy; bút chì đen, bút chì màu và các bút tương tự; bút có từ hai ruột trở lên (ruột bi, ruột mực, ruột chì...)
						3290023	Bộ phận của các loại bút viết	Gồm: Ruột thay thế của bút bi, bao gồm cả bi và ống mực; ngòi bút và bi ngòi; ruột chì đen hoặc màu; các dụng cụ viết khác và các bộ phận của chúng chưa được phân vào đâu
						3290024	Phần viết, phần vẽ, than vẽ, sáp màu	
						3290025	Con dấu	Gồm: Dấu ngày, dấu niêm phong hay dấu đánh số và các loại tương tự được thiết kết để làm thủ công; con dấu đóng để sử dụng thủ công và

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								các bộ in bằng tay kèm theo con dấu đó
						3290026	Ruy băng đánh máy hoặc tương tự đã phủ mực hay làm sẵn bằng cách khác để in ấn	
					329003		Ô; gậy đi bộ; khuy, khoá bấm; khoá kéo và các bộ phận của chúng	
						3290031	Ô (dù) các loại; gậy đi bộ	Gồm: Ô (dù) các loại kể cả ô có cán là ba toong, ô che trong vườn và các loại tương tự; gậy đi bộ, ba toong, gậy cầm tay có thể chuyển thành ghế
						3290032	Các bộ phận và các phụ kiện của ô (dù), gậy đi bộ	
						3290033	Khuy, khuy bấm, khoá bấm, khuy tán bấm, lõi khuy, khuy chưa hoàn chỉnh và bộ phận của khuy	
						3290034	Khoá kéo và các bộ phận của chúng	
					329004		Tóc người hoặc lông động vật dùng để làm tóc giả và các sản phẩm tương tự; tóc giả, râu giả, lông mi giả, độn tóc và các loại tương tự từ tóc người, lông động vật và từ nguyên liệu dệt	
						3290041	Tóc người, lông động vật đã qua xử lý hoặc loại vật liệu dệt khác dùng để làm tóc giả và các sản phẩm tương tự	Tóc người đã được chải chuốt hoặc đã qua xử lý khác
						3290042	Tóc giả, râu giả, lông mi giả, độn tóc và các loại tương tự từ tóc người, lông động vật và từ nguyên liệu dệt	
					329005		Bật lửa, tàu thuốc và các bộ phận của chúng; các sản phẩm từ nguyên liệu dễ cháy; bình đựng nhiên liệu khí lỏng hoặc khí hoá lỏng	
						3290051	Bật lửa; tàu thuốc và các bộ phận của tàu thuốc	Gồm: Bật lửa bỏ túi dùng ga dùng một lần; bật lửa bỏ túi dùng ga có khả năng bơm lại; bật lửa

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								khác; tàu hút thuốc sợi (kể cả bát điếu) và tàu hút xì gà hoặc thuốc lá điếu và bộ phận của tàu thuốc
						3290052	Bộ phận bật lửa dùng để hút thuốc và các bật lửa khác (trừ đá lửa, bắc); hợp chất dẫn lửa; các vật từ nguyên liệu dễ cháy	
						3290053	Bình đã có nhiên liệu khí lỏng hoặc khí hoá lỏng chứa dung tích ≤ 300 cm ³ dùng cho bơm bật lửa	
					329006		Sản phẩm khác còn lại chưa được phân vào đâu	
						3290061	Các đồ dùng trong giải trí, ngày lễ hội	Gồm: Các trò ảo thuật và các vật lạ gây cười
						3290062	Lược, chải tóc và các đồ tương tự; kẹp tóc; cặp xoắn tóc; bình xịt dầu thơm, vòi và đầu của bình xịt	Gồm: Lược, chải tóc và các loại tương tự; ghim cài tóc, cặp uốn tóc, kẹp uốn tóc, lô cuộn tóc và các loại tương tự khác; bình xịt dầu thơm và các loại bình xịt tương tự, vòi và đầu của chúng
						3290063	Dụng cụ, máy và mô hình được thiết kế cho mục đích trưng bày không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác	Ví dụ: Dùng trong giáo dục, triển lãm,...
						3290064	Nến, nến cây và các loại tương tự	
						3290065	Hoa, cành, lá, quả nhân tạo và các phần của chúng	Bằng plastic hoặc bằng các vật liệu khác
						3290069	Đồ tạc hoá khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Sản phẩm làm bằng ruột động vật, bằng màng ruột già, bằng bong bóng hoặc bằng gân; da và các bộ phận khác của loài chim có lông vũ hoặc lông tơ, lông vũ, các phần của lông vũ, lông tơ và các sản phẩm làm từ lông tơ; ngà, xương, đồi mồi, sừng, nhánh; phích chân không, bình chân không hoàn chỉnh có kèm vỏ; ma nơ canh

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								dùng cho ngành may và các mô hình cơ thể khác
					329007	3290070	Dịch vụ chế tác mẫu vật động vật	
					329008	3290080	Dịch vụ sản xuất các hàng hoá sản xuất khác chưa được phân vào đâu	Dịch vụ gia công sản xuất các hàng hoá sản xuất khác chưa được phân vào đâu
	33						Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	
		331					Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn	
			3311	33110	331100		Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn	Gồm: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn của ngành 25 (Trừ máy móc thiết bị)
						3311001	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm cấu kiện kim loại	
						3311002	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các thùng, bể chứa làm bằng kim loại	
						3311003	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị tạo hơi nước, trừ nồi hơi nước nóng sưởi ấm trung tâm	Gồm cả dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng các bộ phận phụ trợ dùng cho thiết bị tạo hơi nước, như: tụ điện, bộ phận tiết kiệm nhiệt, ốc quy...
						3311004	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng vũ khí và đạn dược	Gồm cả sửa chữa súng thể thao và súng giải trí
						3311009	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn khác	Gồm cả sửa chữa và bảo dưỡng lò phản ứng hạt nhân, loại trừ máy tách chất đồng vị
			3312	33120			Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	
					331201		Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thông dụng	
						3312011	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ và tuabin, trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp máy	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						3312012	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị thủy lực, khí nén, các loại bơm khác, máy nén, vòi và van	
						3312013	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng vòng bi, bánh răng, hệ thống bánh răng và các bộ phận truyền động	
						3312014	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng lò nung, lò công nghiệp và đầu đốt lò	
						3312015	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nâng hạ và bốc xếp	
						3312016	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi)	
						3312017	Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng các dụng cụ cầm tay chạy bằng động cơ	
						3312018	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị làm lạnh và thông gió không dùng trong gia đình	
						3312019	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thông dụng khác chưa được phân vào đâu	
					331202		Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc chuyên dụng	
						3312021	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc nông nghiệp và lâm nghiệp	
						3312022	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy tạo hình kim loại và máy công cụ	
						3312023	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc dùng trong luyện kim	
						3312024	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc dùng trong khai thác mỏ, khai thác đá và xây dựng	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						3312025	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc dùng trong chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	
						3312026	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc dùng trong dệt, may và sản xuất da	
						3312027	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc dùng trong sản xuất giấy và bìa giấy	
						3312028	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc dùng trong sản xuất nhựa và cao su	
						3312029	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc chuyên dụng khác	
			3313	33130	331300		Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học	Gồm: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị của nhóm ngành 265, 266 và 267, trừ thiết bị được coi là đồ gia dụng
						3313001	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị và dụng cụ đo lường, kiểm tra và định hướng	
						3313002	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử dùng trong y học và điện liệu pháp	
						3313003	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị quang học chuyên dụng và thiết bị nhiếp ảnh	
						3313009	Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị điện tử chuyên dụng khác	
			3314	33140	331400		Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	Gồm: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các hàng hoá của ngành 27, trừ thiết bị được coi là đồ gia dụng
						3314001	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ điện, máy phát điện, máy biến áp, thiết bị phân phối và điều khiển điện	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						3314009	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện chuyên dụng khác	Loại trừ: Dịch vụ sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi, sửa chữa thiết bị viễn thông, sửa chữa thiết bị điện tử gia dụng, sửa chữa đồng hồ
			3315	33150	331500		Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	Gồm: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng của ngành 30, trừ mô tô và xe đạp
						3315001	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu và thuyền dân dụng	Gồm: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ tàu và thuyền dân dụng, bao gồm cả động cơ điện gắn ngoài
						3315002	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay và tàu vũ trụ dân dụng	Gồm cả dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ máy bay Loại trừ: Việc chuyển đổi, khảo sát, đại tu, làm mới
						3315003	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy xe lửa và toa xe	Loại trừ: Việc chuyển đổi, làm mới
						3315004	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng xe chiến đấu, tàu, thuyền, máy bay và tàu vũ trụ quân sự	
						3315009	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các phương tiện vận tải khác chưa phân vào đâu	Gồm cả dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng xe ngựa và xe kéo bằng sức vật...
			3319	33190	331900	3319000	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	Gồm: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng dây, đòn bẩy, buồm, mái che, máy chơi game và máy đánh bạc, phục hồi đàn organ và nhạc cụ tương tự
		332	3320	33200			Dịch vụ lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	
					332001		Dịch vụ lắp đặt các sản phẩm kim loại đúc sẵn, trừ máy móc và thiết bị	
						3320011	Dịch vụ lắp đặt thiết bị tạo hơi nước, trừ nồi hơi nước nóng sưởi ấm trung tâm, kể cả dịch vụ lắp đặt hệ thống ống dẫn bằng kim loại trong nhà máy công nghiệp	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						3320019	Dịch vụ lắp đặt các sản phẩm kim loại đúc sẵn khác, trừ máy móc và thiết bị	
					332002		Dịch vụ lắp đặt máy móc thông dụng	Gồm: Dịch vụ lắp đặt máy móc, thiết bị của ngành 281
						3320021	Dịch vụ lắp đặt máy móc văn phòng và máy móc kế toán	
						3320029	Dịch vụ lắp đặt máy thông dụng khác chưa được phân vào đâu	
					332003		Dịch vụ lắp đặt máy móc chuyên dụng	Gồm: Dịch vụ lắp đặt máy móc thiết bị của ngành 282
						3320031	Dịch vụ lắp đặt máy và thiết bị dùng trong nông nghiệp	
						3320032	Dịch vụ lắp đặt máy tạo hình kim loại	
						3320033	Dịch vụ lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp dùng trong luyện kim	
						3320034	Dịch vụ lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp dùng trong khai thác mỏ	
						3320035	Dịch vụ lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp dùng trong chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	
						3320036	Dịch vụ lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp dùng trong dệt, may và sản xuất da	
						3320037	Dịch vụ lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp dùng trong sản xuất giấy và bìa giấy	
						3320038	Dịch vụ lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp dùng trong sản xuất nhựa và cao su	
						3320039	Dịch vụ lắp đặt máy chuyên dụng khác	
					332004		Dịch vụ lắp đặt thiết bị điện tử và quang học	Gồm: Dịch vụ lắp đặt máy móc, thiết bị của ngành 266, 267
						3320041	Dịch vụ lắp đặt thiết bị y tế chuyên dụng, thiết bị chính xác và thiết bị quang học	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						3320042	Dịch vụ lắp đặt thiết bị điện tử chuyên dụng	
					332005	3320050	Dịch vụ lắp đặt thiết bị điện công nghiệp	
					332006	3320060	Dịch vụ lắp đặt hệ thống điều khiển quy trình công nghiệp tự động	Gồm: Dịch vụ lắp đặt thiết bị và dụng cụ điều chỉnh hoặc kiểm soát tự động
					332007	3320070	Dịch vụ lắp đặt hệ thống ống nhựa trong nhà máy công nghiệp	
					332009	3320090	Dịch vụ lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp khác chưa được phân vào đâu	Gồm: - Dịch vụ lắp đặt thiết bị thể thao tại nhà thi đấu thể thao, phòng tập thể hình... - Dịch vụ lắp đặt thiết bị cho sân bowling điện tử, các thiết bị/vật phẩm khác cho giải trí, trò chơi trên bàn hoặc trò chơi cờ bàn - Dịch vụ lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp khác chưa được phân vào đâu
D							ĐIỆN, KHÍ ĐÓT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ	
	35						Điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	
		351					Điện sản xuất, dịch vụ truyền tải và phân phối điện	
			3511				Điện từ nguồn năng lượng không tái tạo	
				35111	351110	3511100	Nhiệt điện than	
				35112	351120	3511200	Nhiệt điện khí	
				35113	351130	3511300	Điện hạt nhân	
				35119	351190	3511900	Điện từ nguồn năng lượng không tái tạo khác	Gồm: Các loại điện như: nhiệt điện dầu,...
			3512				Điện từ nguồn năng lượng tái tạo	Loại trừ: Sản xuất điện thông qua đốt rác được phân vào nhóm 38211
				35121	351210	3512100	Thủy điện	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				35122	351220	3512200	Điện gió	Còn gọi là phong điện
				35123	351230	3512300	Điện mặt trời	
				35124	351240	3512400	Điện sinh khối	
				35125	351250	3512500	Điện hydro từ nguồn năng lượng tái tạo	
				35129	351290	3512900	Điện từ nguồn năng lượng tái tạo khác	Gồm các loại điện như: điện sóng biển, điện từ khí biogas...
			3513				Dịch vụ truyền tải và phân phối điện	
				35131	351310	3513100	Dịch vụ truyền tải điện	
				35132			Dịch vụ phân phối điện	
					351321	3513210	Dịch vụ phân phối điện	
					351322		Dịch vụ bán điện	Gồm: - Dịch vụ vận hành các trạm sạc cho xe điện, như: ô tô điện, xe máy điện, xe tay ga, xe đạp điện... - Dịch vụ vận hành điện và trao đổi khả năng truyền tải điện phục vụ cho xe điện
						3513221	Dịch vụ bán điện cho xe điện	Gồm: - Dịch vụ bán lẻ điện cho người dùng xe điện - Dịch vụ vận hành điện và trao đổi khả năng truyền tải điện phục vụ cho xe điện
						3513229	Dịch vụ bán điện khác, trừ dịch vụ bán điện cho xe điện	Gồm: - Dịch vụ vận hành cơ sở sạc (trạm sạc) cho thiết bị điện tử, như: điện thoại di động, máy tính xách tay... - Dịch vụ vận hành điện và trao đổi khả năng truyền tải điện, trừ dịch vụ bán điện cho xe điện
					351323	3513230	Dịch vụ lưu trữ điện	Gồm: - Dịch vụ chuyển đổi điện năng thành dạng năng lượng có thể lưu trữ, dịch vụ lưu trữ năng lượng đó và dịch vụ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								chuyển đổi năng lượng đó trở lại thành điện năng, ví dụ: dịch vụ vận hành các nhà máy thủy điện tích năng, dịch vụ vận hành cơ sở lưu trữ năng lượng bằng khí nén hoặc dịch vụ vận hành hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin - Dịch vụ phân phối điện đã được lưu trữ vào lưới điện chính/mạng lưới điện
		352	3520				Khí đốt, dịch vụ phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	
				35201			Khí đốt	Loại trừ: Khí dầu mỏ và khí hydrocacbon khác
					352011	3520110	Khí đốt sản xuất từ các nguồn truyền thống dùng để cung cấp năng lượng	Gồm: Khí đốt để cung cấp năng lượng thu được từ quá trình carbon hóa than đá hoặc các nguồn không tái tạo khác, như: khí than đá, khí than ướt/than bùn ...
					352012	3520120	Khí đốt sản xuất từ các nguồn tái tạo dùng để cung cấp năng lượng	Gồm: - Khí sinh học (biogas) dùng để cung cấp khí đốt từ bùn thải, phân chuồng, bãi chôn lấp, chất thải thực phẩm và các loại chất thải hữu cơ khác, ví dụ: khí đốt từ phụ phẩm nông nghiệp, khí đốt từ rác thải,... - Nhiên liệu sinh học dạng khí để cung cấp năng lượng thông qua mạng lưới phân phối khí đốt Nhóm này cũng gồm: Dịch vụ làm sạch khí sinh học (biogas) để cung cấp năng lượng thông qua mạng lưới cố định Loại trừ: Khí hữu cơ cơ bản, không dùng để cung cấp năng lượng qua

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								mạng lưới được phân vào nhóm 20114
					352013	3520130	Khí thu hồi dùng để cung cấp năng lượng	Gồm: Khí thu hồi dùng để cung cấp năng lượng, bao gồm các khí dễ cháy có nguồn gốc cacbon rắn được thu hồi từ sản xuất và các quy trình hóa học mà mục đích chính không phải là sản xuất nhiên liệu, ví dụ: khí lò cao, khí lò cốc, khí lò thổi...
				35202			Dịch vụ phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	
					352021	3520210	Dịch vụ phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	Dịch vụ phân phối và cung cấp nhiên liệu khí thông qua hệ thống đường ống
					352022	3520220	Dịch vụ bán khí đốt thông qua đường ống	Gồm: - Dịch vụ bán khí đốt cho người dùng thông qua hệ thống đường ống chính - Dịch vụ trao đổi khí đốt như một loại hàng hóa và dịch vụ trao đổi công suất/khả năng vận chuyển khí đốt qua hệ thống đường ống như sản phẩm hàng hóa và vận chuyển khí đốt
					352023	3520230	Dịch vụ lưu trữ nhiên liệu khí trong hệ thống mạng lưới cung ứng	Gồm: - Dịch vụ lưu trữ nhiên liệu khí trong hệ thống mạng lưới cung ứng - Dịch vụ lưu trữ khí hydro trong hệ thống mạng lưới cung ứng - Dịch vụ kho bãi và dịch vụ lưu trữ khí đốt với số lượng lớn trong hệ thống mạng lưới cung ứng Loại trừ: Dịch vụ lưu trữ nhiên liệu khí không phải là một phần của dịch vụ cung cấp mạng lưới được phân vào nhóm 5210901

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
		353	3530				Hơi nước, nước nóng, nước đá; dịch vụ phân phối hơi nước, nước nóng, nước đá và điều hoà không khí qua đường ống	
				35301	353010		Hơi nước, nước nóng; dịch vụ phân phối hơi nước, nước nóng và điều hoà không khí	
						3530101	Hơi nước và nước nóng	
						3530102	Dịch vụ phân phối hơi nước, nước nóng và điều hoà không khí	Gồm: Dịch vụ cung cấp hơi nước và nước nóng phục vụ sưởi ấm, phát điện và các mục đích khác; dịch vụ cung cấp điều hòa không khí Loại trừ: Dịch vụ ghi chỉ số các đồng hồ đo nhiệt của hộ gia đình được phân vào nhóm 8299009
				35302	353020		Nước đá, dịch vụ cung cấp khí lạnh	
						3530201	Nước đá	
						3530202	Dịch vụ cung cấp khí lạnh	
		354	3540	35400	354000	3540000	Dịch vụ trung gian hoặc đại lý điện, khí đốt	Gồm: - Dịch vụ của các nhà môi giới và đại lý, những người sắp xếp việc bán điện thông qua hệ thống phân phối điện do người khác vận hành - Dịch vụ của các nhà môi giới và đại lý khí đốt, những người sắp xếp việc bán nhiên liệu khí thông qua hệ thống phân phối khí do người khác vận hành - Dịch vụ của các nhà môi giới và đại lý cho các sản phẩm dịch vụ hàng hóa và năng lực phân phối nhiên liệu khí - Dịch vụ của các nhà môi giới và đại lý cho hoạt động trao đổi điện, năng lực phân phối và truyền tải điện Loại trừ:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Dịch vụ lưu trữ và phân phối hoặc cung cấp điện cho người dùng (thông qua hệ thống lưới điện) của nhà sản xuất (tài khoản riêng) được phân vào nhóm 351 - Dịch vụ lưu trữ và phân phối hoặc cung cấp nhiên liệu khí cho người dùng thông qua hệ thống lưới điện của nhà sản xuất (tài khoản riêng), được phân vào nhóm 3520 - Dịch vụ trung gian vận chuyển nhiên liệu khí, được phân vào nhóm 5231020
E							NƯỚC TỰ NHIÊN KHAI THÁC; DỊCH VỤ QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI	
	36	360	3600	36000			Nước tự nhiên khai thác	
					360001		Nước tự nhiên khai thác	
						3600011	Nước uống	Nước cấp cho sinh hoạt, bao gồm cả nước sạch làm từ nước thải
						3600012	Nước cho mục đích khác	Gồm: Nước mưa được thu gom; nước chưa qua xử lý, khai thác trực tiếp từ nguồn nước thiên nhiên
					360002		Dịch vụ xử lý và phân phối nước	
						3600021	Dịch vụ xử lý và phân phối nước bằng đường ống	
						3600022	Dịch vụ xử lý và phân phối nước tưới tiêu	Gồm cả dịch vụ vận hành hệ thống kênh mương tưới tiêu
						3600029	Dịch vụ xử lý và phân phối nước cho mục đích khác	Gồm: - Dịch vụ phân phối nước bằng xe bồn chuyên chở hoặc các phương tiện khác - Dịch vụ xử lý nước phục vụ công nghiệp và các mục đích khác

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					360003	3600030	Dịch vụ mua bán nước bằng đường ống	Dịch vụ mua bán (thương mại) nước bằng đường ống
	37	370	3700				Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	
				37001	370010	3700100	Dịch vụ thoát nước	
				37002	370020		Dịch vụ xử lý nước thải	
						3700201	Dịch vụ xử lý nước thải	Gồm: Dịch vụ làm sạch bể phốt và bể chứa; dịch vụ xử lý nước thải bằng quy trình vật lý, hoá học và sinh học;...
						3700202	Dịch vụ xử lý bùn cặn của nước thải	
	38						Dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	
		381					Dịch vụ thu gom rác thải	
			3811	38110			Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại	
					381101		Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại	
						3811011	Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế	
						3811012	Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại không thể tái chế	
					381102		Rác thải không độc hại đã thu gom	
						3811021	Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	
						3811022	Rác thải không độc hại đã thu gom có thể tái chế, trừ rác kim loại	Gồm: Rác thủy tinh; rác giấy và bìa; rác cao su; rác nhựa; rác vải; rác da; rác không độc hại khác có thể tái chế
						3811023	Rác thải từ kim loại không độc hại đã thu gom có thể tái chế	
					381103	3811030	Cấu kiện để phá dỡ	Gồm: Tàu thuyền và cấu kiện nổi để phá dỡ; cấu kiện khác để phá dỡ như các thiết bị điện tử đã qua

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								sử dụng, tivi, máy tính,...
					381104	3811040	Dịch vụ chuyển rác thải không độc hại	Gồm: Dịch vụ chuyển rác thải không độc hại có thể tái chế; dịch vụ chuyển rác thải không độc hại khác không thể tái chế
			3812				Dịch vụ thu gom rác thải độc hại	
				38121	381210	3812100	Dịch vụ thu gom rác thải y tế	
				38129			Dịch vụ thu gom rác thải độc hại khác	
					381291		Dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt và công nghiệp độc hại	
						3812911	Dịch vụ thu gom chất thải phóng xạ mức độ cao	
						3812912	Dịch vụ thu gom rác thải công nghiệp độc hại khác	
						3812913	Dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt độc hại	
					381292	3812920	Rác thải độc hại đã thu gom	Gồm: Chất thải phóng xạ; phế liệu từ bệnh viện, kể cả phế liệu thuốc; phế liệu hoá chất độc hại; dầu thải; rác thải kim loại độc hại; chất thải và phế liệu của các loại pin, bộ pin và ắc quy điện; rác thải độc hại khác
					381293	3812930	Dịch vụ chuyển rác thải độc hại	
		382					Dịch vụ xử lý và tiêu huỷ rác thải	
			3821				Dịch vụ xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	
				38211	382110	3821100	Điện tử xử lý rác thải	
				38212			Dịch vụ xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	
					382121	3821210	Dịch vụ xử lý rác thải không độc hại khác trước khi tiêu huỷ	
					382122	3821220	Dịch vụ tiêu huỷ rác thải không độc hại	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					382123	3821230	Dung môi hữu cơ thải	
					382124	3821240	Xi và tro từ quá trình đốt rác thải	
					382125	3821250	Rác thải sinh hoạt đã đóng thành dạng viên, bánh	
					382126	3821260	Phân hữu cơ, phân vi sinh	
			3822				Dịch vụ xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	
				38221	382210	3822100	Dịch vụ xử lý và tiêu huỷ rác thải y tế	Gồm: Dịch vụ xử lý cho tiêu huỷ rác thải y tế; dịch vụ tiêu huỷ rác thải y tế
				38229	382290	3822900	Dịch vụ xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại khác	Gồm: Dịch vụ xử lý và tiêu huỷ rác thải hạt nhân; dịch vụ xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại khác
		383	3830				Dịch vụ tái chế phế liệu	Gồm cả dịch vụ xử lý trước khi tái chế
				38301			Dịch vụ tái chế phế liệu kim loại	
					383011	3830110	Dịch vụ tháo dỡ cấu kiện kim loại	Gồm: Dịch vụ tháo dỡ tàu thuyền; dịch vụ tháo dỡ cấu kiện kim loại khác
					383012		Vật liệu kim loại thứ cấp; dịch vụ tái chế phế liệu kim loại	
						3830121	Vật liệu kim loại quý thứ cấp	Là phế liệu và mảnh vụn của kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý; phế liệu và mảnh vụn khác chứa kim loại quý hoặc hỗn hợp kim loại quý, loại sử dụng chủ yếu cho việc thu hồi kim loại quý, như: tro (xi) có chứa kim loại quý
						3830122	Vật liệu kim loại khác thứ cấp	
						3830123	Dịch vụ tái chế phế liệu kim loại	
				38302	383020		Vật liệu phi kim loại thứ cấp; dịch vụ tái chế phế liệu phi kim loại	
						3830201	Vật liệu phi kim loại thứ cấp khác	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						3830202	Dầu từ đốt lốp cao su	
						3830203	Dịch vụ tái chế phế liệu phi kim loại	
	39	390	3900	39000			Dịch vụ xử lý ô nhiễm và dịch vụ quản lý chất thải khác	
					390001	3900010	Dịch vụ xử lý ô nhiễm và dịch vụ làm sạch	Gồm: Dịch vụ làm sạch và xử lý ô nhiễm không khí; dịch vụ làm sạch và xử lý ô nhiễm nước bề mặt; dịch vụ làm sạch và xử lý ô nhiễm đất và nước dưới đất (nước ngầm); dịch vụ xử lý ô nhiễm liên quan đến xây dựng nhà
					390002	3900020	Dịch vụ xử lý ô nhiễm khác và dịch vụ kiểm soát ô nhiễm chuyên biệt	Gồm: Dịch vụ làm sạch mặt bằng, dịch vụ kiểm tra và giám sát, dịch vụ xử lý mặt bằng khác; dịch vụ xử lý ô nhiễm khác; dịch vụ kiểm soát ô nhiễm chuyên biệt khác
F							SẢN PHẨM XÂY DỰNG	
	41	410					Nhà các loại và dịch vụ xây dựng nhà	
			4101	41010			Nhà để ở	
					410101		Nhà chung cư	
						4101011	Nhà chung cư từ 5 tầng trở xuống	
						4101012	Nhà chung cư từ 6 - 8 tầng	
						4101013	Nhà chung cư từ 9 - 15 tầng	
						4101014	Nhà chung cư từ 16 - 20 tầng	
						4101015	Nhà chung cư từ 21 - 25 tầng	
						4101016	Nhà chung cư từ 26 tầng trở lên	
					410102		Nhà ở riêng lẻ	
						4101021	Nhà ở riêng lẻ dưới 4 tầng (nhà kiên cố)	
						4101022	Nhà ở riêng lẻ dưới 4 tầng (nhà bán kiên cố)	
						4101023	Nhà ở riêng lẻ dưới 4 tầng (nhà thiếu kiên cố)	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4101024	Nhà ở riêng lẻ dưới 4 tầng (nhà đơn sơ)	
						4101025	Nhà ở riêng lẻ từ 4 tầng trở lên	
						4101026	Nhà biệt thự	
					410103	4101030	Dịch vụ xây dựng nhà để ở	Gồm: Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế công trình nhà để ở
			4102	41020			Nhà không để ở	Gồm các công trình có mái che và tường bao quanh 4 phía
					410201		Nhà xưởng sản xuất và kho chứa	Gồm các công trình nhà xưởng có phần xây dựng cơ bản là chủ yếu
						4102011	Nhà xưởng phục vụ sản xuất nông nghiệp	Gồm: Trạm bảo vệ thực vật; trạm thú y; trạm giống cây; chuồng trại chăn nuôi; cơ sở vắt sữa; cơ sở ấp trứng; nhà lấy tinh, thụ tinh nhân tạo;...
						4102012	Nhà xưởng phục vụ sản xuất công nghiệp	
						4102013	Kho đông lạnh	Chỉ gồm: Kho lạnh kết cấu gạch và bê tông
						4102014	Kho chứa	Gồm: Kho lương thực (nhà kho nông nghiệp), nhà kho thương mại,... Không gồm: Các loại kho chuyên dụng như: kho đông lạnh, kho chứa hóa chất, kho xăng dầu, kho chứa khí hóa lỏng
						4102019	Nhà xưởng phục vụ sản xuất khác	
					410202		Công trình thương mại	
						4102021	Trung tâm thương mại, siêu thị	
						4102022	Chợ; cửa hàng; nhà hàng ăn uống, giải khát và công trình tương tự	Gồm cả trạm dừng nghỉ trên đường bộ, cửa hàng giới thiệu sản phẩm
						4102023	Nhà ga hàng không	Gồm: Nhà ga chính và các công trình bảo đảm hoạt động bay
						4102024	Nhà ga đường sắt	
						4102025	Bến xe ô tô	Nhà ga đường bộ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4102026	Nhà để xe	Gồm cả nhà để xe ngầm, nhà để xe nổi
						4102027	Trạm/trung tâm sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ, hàng không	Gồm: - Trạm/trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy - Trung tâm/trạm bảo dưỡng máy bay
						4102028	Cửa hàng/trạm xăng dầu, khí hóa lỏng, khí đốt thiên nhiên	Gồm: Các công trình xây dựng chuyên kinh doanh bán lẻ xăng dầu, các loại dầu mỡ nhờn (có thể kết hợp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng đóng trong chai hoặc cung cấp dịch vụ tiện ích cho người và phương tiện tham gia giao thông, như: rửa xe, bảo dưỡng xe, bãi đỗ xe, dịch vụ dừng nghỉ, cửa hàng bách hóa, máy rút tiền tự động...)
						4102029	Công trình thương mại khác	Gồm: Các công trình thương mại khác chưa được phân vào đâu, như: nhà chờ xe bus BRT,...
					410203		Công trình giáo dục	
						4102031	Trường mầm non	Gồm: Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non
						4102032	Trường tiểu học	
						4102033	Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học	Gồm cả trường phổ thông có nhiều cấp học (còn gọi là trường liên cấp)
						4102034	Trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trung học nghề, sơ cấp và các trường đào tạo nghề khác	
						4102039	Các loại trường khác	Gồm: Các công trình giáo dục khác chưa được phân vào đâu
					410204		Công trình y tế	
						4102041	Bệnh viện	Gồm: Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4102042	Phòng khám	Gồm: Phòng khám đa khoa (kể cả phòng khám đa khoa khu vực), phòng khám chuyên khoa
						4102043	Trạm y tế, nhà hộ sinh	
						4102044	Nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình; nhà dưỡng lão	
						4102049	Các cơ sở y tế khác	Gồm: Trung tâm thí nghiệm an toàn sinh học; trung tâm phòng chống dịch bệnh; trung tâm y tế dự phòng; trung tâm sức khỏe sinh sản; trung tâm bệnh xã hội; trung tâm kiểm nghiệm dược, vắc xin hóa mỹ phẩm, thực phẩm; khu chăn nuôi động thực vật thí nghiệm; bệnh viện thú y,...
					410205		Công trình văn hóa	
						4102051	Trung tâm hội nghị	
						4102052	Nhà hát, rạp chiếu phim, rạp xiếc	
						4102053	Vũ trường	
						4102054	Nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng	Gồm cả cung văn hóa thiếu nhi, cung văn hóa thanh thiếu niên
						4102055	Nhà bảo tàng	
						4102056	Nhà thư viện	
						4102057	Nhà triển lãm, nhà trưng bày	
						4102058	Công trình di tích	Chỉ gồm: Các công trình có mái che và tường bao quanh bốn phía
						4102059	Công trình văn hóa khác	
					410206		Công trình thể thao; công trình thông tin liên lạc, viễn thông	
						4102061	Cung thể thao	
						4102062	Nhà thi đấu, tập luyện thể thao tổng hợp cho nhiều môn, có khán đài	Còn gọi là nhà thi đấu đa năng, gồm: Bể bơi trong nhà (phục vụ các môn thể thao dưới nước như nhảy cầu, bơi, lặn, bóng nước, bơi nghệ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								thuật,...), sân thể dục dụng cụ,...
						4102063	Nhà thi đấu, tập luyện thể thao tổng hợp cho nhiều môn, không có khán đài	Gồm: Nhà thi đấu thể thao (bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, tennis), phòng tập gym,...
						4102064	Nhà thi đấu, tập luyện thể thao riêng cho từng môn, có khán đài	Gồm: Sân trượt băng, sân tennis, sân bóng đá, sân điền bốc, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, sân cầu lông,...
						4102065	Nhà thi đấu, tập luyện thể thao riêng cho từng môn, không có khán đài	Gồm: Sân cầu lông,...
						4102066	Nhà bưu điện, bưu cục	
						4102067	Nhà lắp đặt thiết bị thông tin, đài lưu không	
						4102069	Nhà phục vụ thông tin liên lạc, viễn thông khác	
					410207		Nhà đa năng, khách sạn, ký túc xá, nhà nghỉ, trụ sở làm việc	
						4102071	Nhà đa năng	Còn gọi là nhà hỗn hợp
						4102072	Khách sạn	
						4102073	Ký túc xá	
						4102074	Nhà khách, nhà nghỉ	
						4102075	Nhà trọ	Nhà cho thuê để ở
						4102076	Trụ sở thuộc cơ quan Nhà nước	Gồm: Trụ sở làm việc của Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước; trụ sở làm việc của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn trực thuộc các cấp; trụ sở tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội
						4102077	Trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và đơn vị sản xuất kinh doanh	
						4102079	Trụ sở của các đơn vị khác	
					410208		Công trình nhà không để ở khác	
						4102081	Công trình tôn giáo	Gồm: Trụ sở của các tổ chức tôn giáo, trường

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo, chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh đường, thánh thất, niệm phật đường, tu viện và các công trình tương tự của các tổ chức tôn giáo
						4102082	Công trình tín ngưỡng	Gồm: Đình, đền, am, miếu, từ đường, nhà thờ họ và công trình tương tự khác
						4102083	Công trình quản chế	Gồm: Trại giam, tạm giam, trại cải tạo, trường giáo dưỡng,...
						4102084	Nhà tang lễ	
						4102085	Trung tâm/cơ sở hỏa táng	Gồm: Lò hỏa táng và các công trình phụ trợ (khu văn phòng, khu kỹ thuật, khu lưu trữ tro cốt, nhà tang lễ, các công trình hạ tầng kỹ thuật)
						4102086	Hãng ga máy bay (Hangar)	Nhà dùng để che chắn cho máy bay
						4102087	Công trình sử dụng cho mục đích lưu giữ, cất giữ	Gồm: Các công trình bảo quản, giữ nguyên trạng các di tích lịch sử khai quật dưới lòng đất, như: công trình bảo quản các di tích dưới lòng đất của Hoàng Thành Thăng Long,...
						4102089	Công trình nhà không để ở khác	
					410209	4102090	Dịch vụ xây dựng nhà không để ở	Gồm: Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế công trình nhà không để ở
	42						Công trình kỹ thuật dân dụng và dịch vụ xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	
		421					Đường sắt và đường bộ, dịch vụ xây dựng đường sắt và đường bộ	
			4211	42110			Đường sắt, dịch vụ xây dựng đường sắt	
					421101		Công trình đường sắt	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4211011	Đường sắt trên cao	Gồm: Đường sắt cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị
						4211012	Đường sắt quốc gia khổ đường 1435 mm	
						4211013	Đường sắt quốc gia khổ đường 1000 mm; đường lồng, khổ đường (1435-1000) mm	
						4211014	Đường sắt chuyên dụng	Gồm: Đường sắt đi dưới lòng đất, trong núi
						4211015	Đường tàu điện ngầm (metro)	
						4211016	Cầu đường sắt	Ví dụ: Cầu Chui, cầu Long Biên,...
						4211017	Hầm đường sắt	Ví dụ: Hầm đường sắt đèo Hải Vân,...
					421102	4211020	Công trình điện khí hóa đường sắt	Gồm: Hệ thống dây xích, trạm kéo, cơ sở hạ tầng điện liên quan
					421103	4211030	Dịch vụ xây dựng công trình đường sắt	Gồm: Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế: - Đường ray đường sắt; - Cầu trúc điện khí hóa đường sắt, như: • Dịch vụ đặt chấn lưu và đường ray • Dịch vụ lắp đặt thiết bị chuyển mạch, điểm và giao cắt • Dịch vụ xây dựng hệ thống kiểm soát và an toàn cho đường ray • Dịch vụ xây dựng hệ thống mạng điện tiếp xúc trên cao và ray dẫn điện cho đường sắt • Dịch vụ xây dựng đường sắt chuyên dụng; - Dịch vụ sơn đường sắt, lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông đường sắt
			4212	42120			Công trình đường bộ, dịch vụ xây dựng công trình đường bộ	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					421201		Công trình đường bộ	
						4212011	Đường bộ cao tốc	Gồm: Đường quốc lộ và tỉnh lộ
						4212012	Đường trong đô thị	Gồm: Đường nội đô, nội thị, nội khu,...
						4212013	Đường bộ khác	Gồm: Đường liên xã, đường thôn, ấp,...
						4212014	Đường băng cát hạ cánh	Gồm: Cả đường băng sân bay, đường dẫn
						4212015	Trạm thu phí đường bộ	Gồm: Nhà điều hành, nhà bán vé, cổng trạm kiểm soát vé, hệ thống điện chiếu sáng và các công trình phụ trợ
						4212016	Nút giao thông	Gồm: Nút giao thông đồng mức, nút giao thông khác mức - Nút giao thông đồng mức bao gồm ngã ba, ngã tư, ngã năm, ngã sáu, ... - Nút giao thông khác mức là loại nút giao thông tại đó các đường đi trên các độ cao khác nhau để tránh xung đột giữa các luồng giao thông
						4212019	Công trình đường bộ khác	
					421202		Cầu, đường cao tốc trên cao, đường ngầm và dịch vụ xây dựng cầu, đường cao tốc trên cao, đường ngầm	
						4212021	Đường cao tốc trên cao	
						4212022	Cầu đường bộ	
						4212023	Cầu bộ hành	Cầu cho người đi bộ
						4212024	Hầm đường ô tô	
						4212025	Hầm bộ hành cho người đi bộ	
					421203	4212030	Dịch vụ xây dựng công trình đường bộ	Gồm: - Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế để hình thành các loại đường, hầm và cầu vượt dành cho người đi bộ và phương tiện vận tải đường bộ - Dịch vụ xây dựng hoặc phục hồi mặt đường

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Dịch vụ lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông đường bộ - Dịch vụ sơn đánh dấu trên đường
		422					Công trình công ích và dịch vụ xây dựng công trình công ích	Loại trừ: Công trình điện khí hóa đường sắt
			4221	42210			Công trình điện và dịch vụ xây dựng công trình điện	
					422101		Công trình điện	
						4221011	Công trình nhiệt điện	Gồm: Nhiệt điện chạy than, dầu,...
						4221012	Công trình điện hạt nhân	
						4221013	Công trình thủy điện	
						4221014	Công trình điện gió	
						4221015	Công trình điện mặt trời	
						4221016	Công trình điện địa nhiệt	Năng lượng địa nhiệt là năng lượng được tách ra từ nhiệt trong lòng trái đất
						4221017	Công trình điện thủy triều	
						4221018	Công trình điện khí biogas	
						4221019	Công trình điện khác	Gồm: Công trình điện rác, công trình điện sinh khối, nhà máy điện đồng phát,...
					422102		Đường dây tải điện	
						4221021	Đường dây tải điện 500KV	
						4221022	Đường dây tải điện 220KV	
						4221023	Đường dây tải điện 110KV	
						4221024	Đường dây cáp điện hạ thế	Gồm cả đường dây cáp điện ngầm và cáp điện treo
					422103	4221030	Trạm biến áp điện	Gồm cả trạm biến áp trong nhà và ngoài trời
					422104	4221040	Trạm phân phối điện	Gồm cả trạm sạc xe điện,...
					422105	4221050	Dịch vụ xây dựng công trình điện	Gồm: Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, thay thế cho các nhà máy và thiết bị phát điện nặng
			4222	42220			Công trình cấp, thoát nước và dịch vụ xây dựng công trình cấp, thoát nước	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					422201		Công trình cấp nước	
						4222011	Công trình khai thác nước thô	Gồm cả nước mặt, nước dưới đất (nước ngầm)
						4222012	Nhà máy nước, công trình xử lý nước sạch	
						4222013	Trạm bơm nước sạch	Gồm: Trạm bơm nước thô, nước sạch hoặc tăng áp, bao gồm cả bể chứa nước (nếu có)
						4222014	Trạm xử lý nước cấp	Gồm: Các loại bể lắng, bể lọc, bể chứa, đài chứa nước
						4222015	Mạng lưới (đường ống) cấp nước	
						4222016	Công trình khoan giếng nước, nguồn nước	
						4222019	Công trình cấp nước khác	
					422202		Công trình thoát nước	
						4222021	Mạng lưới (đường ống) thoát nước	Gồm: Các hệ thống thu gom và vận chuyển nước mưa, nước thải, nước bẩn, bao gồm cả hệ thống thoát nước dưới đất (nước ngầm)
						4222022	Hồ điều hòa	Gồm cả hồ chứa nước phục vụ thủy lợi
						4222023	Trạm bơm nước mưa	Gồm cả bể chứa nước (nếu có)
						4222024	Công trình xử lý nước thải	Gồm: Bể lắng, bể lọc, hồ sinh học, bể tự hoại,...
						4222025	Trạm bơm nước thải	Gồm cả bể chứa nước (nếu có)
						4222026	Công trình xử lý bùn	
						4222027	Các loại giếng thăm, giếng chuyển bậc, giếng thu nước mưa	
						4222029	Công trình thoát nước khác	Ví dụ: Cửa xả nước thải,...
					422203		Công trình thủy lợi	
						4222031	Công trình đầu mối hồ chứa nước	
						4222032	Công trình cấp nước (cho diện tích được tưới) hoặc	Gồm: Công trình đầu mối trạm bơm tưới; công

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
							tiêu thoát (cho diện tích tự nhiên khu tiêu)	trình đầu mỗi trạm bơm tiêu
						4222033	Công trình cấp nguồn nước chưa xử lý cho các ngành sử dụng nước khác	
						4222039	Công trình thủy lợi khác	Ví dụ: Cổng ngăn mặn,...
					422204	4222040	Dịch vụ xây dựng công trình cấp, thoát nước	Gồm: Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế các công trình cấp, thoát nước
			4223	42230			Công trình viễn thông, thông tin liên lạc và dịch vụ xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	
					422301		Công trình viễn thông, thông tin liên lạc	
						4223011	Tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình	
						4223012	Trạm vi ba	
						4223013	Trạm vệ tinh mặt đất	
						4223019	Công trình viễn thông, thông tin liên lạc khác	
					422302	4223020	Dịch vụ xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	Gồm: Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế các công trình viễn thông, thông tin liên lạc
			4229	42290			Công trình công ích khác và dịch vụ xây dựng công trình công ích khác	
					422901		Công trình cấp năng lượng khác	
						4229011	Nhà máy cấp nhiệt	
						4229012	Nhà máy cấp hơi	
						4229013	Nhà máy cấp khí nén	
					422902		Công trình đường ống	
						4229021	Công trình đường ống dẫn chất khí và chất lỏng đường dài	Gồm: Đường ống dẫn khí từ mỏ dầu ngoài khơi vào bờ
						4229022	Công trình đường ống dẫn chất khí và chất lỏng nội vùng	Gồm: Đường ống dẫn chất khí và chất lỏng nội đô, nội thị, nội khu

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4229023	Tuy nen kỹ thuật	Gồm: Đường hầm chứa cáp điện, cáp thông tin, ống cấp nước,...
						4229029	Công trình đường ống khác	
					422903		Công trình công ích khác	
						4229031	Sân bãi để xe, máy móc thiết bị (không có mái che)	
						4229032	Công trình chiếu sáng công cộng	Còn gọi là hệ thống chiếu sáng công cộng, gồm: mạng lưới điện chiếu sáng, cột đèn
						4229033	Công viên cây xanh	Gồm cả vườn hoa công cộng,...
						4229034	Nghĩa trang	
						4229035	Tượng đài, bia tưởng niệm, tháp ngoài trời và các công trình khác có chức năng tương đương	
						4229039	Công trình công ích khác	Ví dụ: Pa nô, biển quảng cáo độc lập,...
					422904	4229040	Dịch vụ xây dựng công trình công ích khác	Gồm: Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế các công trình cấp năng lượng (trừ điện); công trình đường ống và các công trình công ích khác
		429					Công trình kỹ thuật dân dụng khác và dịch vụ xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	
			4291	42910			Công trình thủy và dịch vụ xây dựng công trình thủy	
					429101		Công trình đường thủy nội địa	
						4291011	Cảng, bến hàng hóa	
						4291012	Cảng, bến hành khách	
						4291013	Cầu tàu cảng sông	
						4291014	Bến phà	
						4291015	Âu tàu	Âu tàu là bộ phận giúp cho tàu thuyền qua lại những nơi mực nước có sự biến đổi đột ngột, thường ở thượng hạ lưu của các cống đập. Tại âu

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								tàu có các thiết bị nâng tàu thuyền và các cửa van để tạo ra mực nước thuận lợi cho sự di chuyển của tàu
						4291019	Công trình đường thủy nội địa khác	
					429102		Công trình hàng hải	
						4291021	Công trình bến cảng biển, khu vực neo đậu chuyển tải, tránh trú bão	Gồm cả bến phà, cảng và cầu cảng ngoài đảo, bến cảng chuyên dụng
						4291022	Cầu cảng biển	
						4291023	Đèn biển (hải đăng)	Gồm: Đèn biển báo hiệu hàng hải được thiết lập cố định tại các vị trí cần thiết ven bờ biển, trong vùng nước cảng biển và vùng biển
						4291029	Công trình hàng hải khác	
					429103		Công trình bảo vệ cảng, gia cố bờ; công trình chắn sóng, nắn dòng chảy	
						4291031	Đê	Gồm: Đê chắn sóng, đê chắn cát
						4291032	Kè	Gồm: Kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ
						4291033	Đập	
						4291034	Kênh	
						4291039	Công trình bảo vệ cảng, gia cố bờ; công trình chắn sóng, nắn dòng chảy khác	
					429104	4291040	Dịch vụ xây dựng công trình thủy	Gồm: Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế các công trình đường thủy nội địa; công trình hàng hải; công trình bảo vệ cảng, gia cố bờ và các công trình chắn sóng, nắn dòng chảy
			4292	42920			Công trình khai khoáng và dịch vụ xây dựng công trình khai khoáng	
					429201		Công trình khai thác than	
						4292011	Mỏ than hầm lò	
						4292012	Mỏ than lộ thiên	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4292013	Nhà máy sàng tuyển than	Gồm: Nhà máy chọn rửa, tuyển than
						4292019	Công trình khai thác than khác	
					429202		Công trình khai thác quặng	
						4292021	Mỏ quặng hầm lò	
						4292022	Mỏ quặng lộ thiên	
						4292023	Nhà máy tuyển/làm giàu quặng	Gồm cả tuyển quặng bột xít
						4292024	Công trình sản xuất alumin	
						4292029	Công trình khai thác quặng khác	
					429203		Công trình khai thác dầu khí	
						4292031	Công trình khai thác dầu khí trên biển	Gồm: Giàn khoan thăm dò, khai thác trên biển
						4292032	Công trình khai thác dầu khí trên đất liền	Gồm: Giàn khoan thăm dò, khai thác trên đất liền
						4292033	Công trình lọc dầu	Gồm: Nhà máy lọc dầu
						4292034	Công trình chế biến khí	Gồm: Nhà máy chế biến khí, nhà máy sản xuất khí đốt tự nhiên
						4292035	Công trình sản xuất nhiên liệu sinh học	Ví dụ: Nhiên liệu để sản xuất ra xăng E5 (ethanol),...
						4292036	Kho xăng dầu	Gồm: Kho xăng dầu xây dựng ngoài trời
						4292037	Kho chứa khí hóa lỏng, trạm chiết nạp khí hóa lỏng	
						4292038	Nhà máy sản xuất dầu nhờn	
						4292039	Công trình khai thác dầu khí khác	Ví dụ: Nhà máy tái chế dầu thải
					429204		Công trình mỏ khai thác nguyên liệu cho ngành vật liệu xây dựng	
						4292041	Mỏ khai thác đá	
						4292049	Mỏ khai thác khác	Gồm: Cát, đất sét và các nguyên liệu cho ngành vật liệu xây dựng khác
					429205	4292050	Dịch vụ xây dựng công trình khai khoáng	Gồm: Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, thay thế mỏ và các công trình liên quan như: trạm bốc dỡ và đổ, trục, tháp, đường hầm và băng chuyền vận chuyển

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								liên quan đến hoạt động khai thác
			4293	42930			Công trình chế biến, chế tạo và dịch vụ xây dựng công trình chế biến, chế tạo	
					429301		Công trình công nghiệp thực phẩm	
						4293011	Nhà máy chế biến đồ hộp	Gồm: Nhà máy chế biến và đóng hộp
						4293012	Nhà máy chế biến thủy, hải sản	
						4293013	Nhà máy sản xuất dầu ăn, hương liệu	
						4293014	Nhà máy sữa	
						4293015	Nhà máy xay xát, chế biến nông sản	Gồm: Nhà máy xay xát, lau bóng gạo và các sản phẩm ngũ cốc; nhà máy chế biến chè; cà phê, nhà máy chế biến tinh bột sắn,...
						4293016	Nhà máy đường	
						4293017	Nhà máy sản xuất bánh kẹo, mỳ ăn liền và sản phẩm tương tự	
						4293018	Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	
						4293019	Công trình công nghiệp thực phẩm khác	
					429302		Công trình sản xuất đồ uống; thuốc lá; dệt, may; da và sản xuất sản phẩm từ da; chế biến và xử lý gỗ; giấy và sản phẩm từ giấy	
						4293021	Nhà máy sản xuất đồ uống	Gồm: Nhà máy sản xuất rượu, bia, nước giải khát
						4293022	Nhà máy sản xuất thuốc lá	
						4293023	Nhà máy xơ sợi	
						4293024	Nhà máy dệt	
						4293025	Nhà máy in, nhuộm (ngành dệt may)	
						4293026	Nhà máy sản xuất các sản phẩm may	
						4293027	Nhà máy thuộc da và sản xuất các sản phẩm từ da	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4293028	Nhà máy chế biến và xử lý gỗ	
						4293029	Nhà máy bột giấy và giấy	
					429303		Công trình công nghiệp hóa chất cơ bản	
						4293031	Công trình sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản	Gồm: Nhà máy sản xuất Amoniac, axit, xút, clo các loại; nhà máy sản xuất soda; nhà máy sản xuất các muối vô cơ, ôxit vô cơ; nhà máy sản xuất các loại hóa chất vô cơ tinh và tinh khiết
						4293032	Nhà máy sản xuất sản phẩm hóa dầu	Gồm: PP, PE, PVC, PS, PET, SV, sợi, DOP, Polystyren; LAB, cao su tổng hợp và các sản phẩm khác
						4293033	Nhà máy sản xuất sản phẩm hóa dược; thuốc	
						4293034	Nhà máy sản xuất hóa mỹ phẩm; nhà máy sản xuất sản phẩm tẩy rửa	- Hóa mỹ phẩm: các sản phẩm làm đẹp như: kem dưỡng da, dầu gội đầu... - Sản phẩm tẩy rửa: xà phòng, bột giặt, kem giặt, nước giặt, nước cọ rửa, ...
						4293035	Nhà máy sản xuất sản phẩm sơn, mực in các loại	
						4293036	Nhà máy sản xuất khí công nghiệp	
						4293037	Nhà máy sản xuất sản phẩm nguyên liệu mỏ hóa chất	Ví dụ: Nhà máy tuyển quặng apatit,...
						4293038	Công trình sản xuất vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ	
						4293039	Công trình sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản khác	Ví dụ: Nhà máy sản xuất nguyên liệu nhựa alkyd, acrylic
					429304		Công trình sản xuất sản phẩm từ hóa chất	
						4293041	Công trình sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật	Gồm: - Nhà máy sản xuất Urê, DAP, MPA, SA, NPK phức hợp

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Nhà máy sản xuất phân lân các loại (supe lân, lân nung chảy) - Nhà máy sản xuất NPK hỗn hợp, phân vi sinh - Nhà máy sản xuất hóa chất bảo vệ thực vật
						4293042	Nhà máy sản xuất săm lốp ô tô, máy kéo	
						4293043	Nhà máy sản xuất săm lốp xe mô tô, xe đạp	
						4293044	Nhà máy sản xuất băng tải	
						4293045	Nhà máy sản xuất cao su kỹ thuật	
						4293046	Nhà máy sản xuất pin	
						4293047	Nhà máy sản xuất ắc quy	
						4293048	Nhà máy sản xuất que hàn	
						4293049	Nhà máy sản xuất các sản phẩm plastic	
					429305		Công trình sản xuất vật liệu, sản phẩm xây dựng	
						4293051	Nhà máy sản xuất sản phẩm ốp, lát	
						4293052	Nhà máy sản xuất gạch đất sét nung	
						4293053	Nhà máy sản xuất vật liệu chịu lửa	Gồm cả lò nung gạch chịu lửa cao alumin
						4293054	Nhà máy sản xuất sản phẩm sứ vệ sinh	
						4293055	Nhà máy sản xuất kính xây dựng	
						4293056	Nhà máy sản xuất sản phẩm từ kính	Gồm: Kính tôi, kính hộp, kính nhiều lớp,...
						4293057	Nhà máy sản xuất xi măng	
						4293058	Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn	Gồm: - Nhà máy sản xuất sản phẩm, cấu kiện bê tông thông thường; nhà máy sản xuất gạch xi măng cột liệu - Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông ứng lực trước

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Nhà máy sản xuất viên xây, cấu kiện bê tông khí AAC
						4293059	Công trình sản xuất vật liệu xây dựng khác	Gồm: Trạm nghiền xi măng, trạm trộn bê tông,...
					429306		Công trình luyện kim và cơ khí chế tạo	
						4293061	Nhà máy luyện kim	Gồm: - Nhà máy luyện kim màu - Nhà máy luyện phôi thép - Nhà máy luyện, cán thép, kéo thép xây dựng
						4293062	Khu liên hợp luyện kim	Gồm: Hệ thống các nhà máy, như: - Nhà máy luyện kim màu - Nhà máy luyện phôi thép - Nhà máy luyện, cán thép, kéo thép xây dựng
						4293063	Nhà máy chế tạo máy động lực và máy nông nghiệp	
						4293064	Nhà máy chế tạo máy công cụ và thiết bị công nghiệp	
						4293065	Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ	
						4293066	Nhà máy chế tạo máy xây dựng	Gồm: - Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy ủi, máy đào, máy xúc - Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe lu tĩnh và lu rung - Nhà máy sản xuất, lắp ráp cầu tự hành
						4293067	Nhà máy chế tạo thiết bị toàn bộ	Thiết bị toàn bộ thường là phần thiết bị (máy móc, thiết bị phụ trợ, công nghệ,...) của công trình hoàn chỉnh thực hiện phương thức hợp đồng EPC (bao gồm cả thiết kế, chuyển giao công nghệ, mua sắm - chế tạo và xây dựng) Ví dụ: Dây chuyền sản xuất kính an toàn cho xe ô tô theo công nghệ của Phần Lan

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4293069	Công trình luyện kim và cơ khí chế tạo khác	
					429307		Công trình sản xuất thiết bị điện, điện tử; công trình sản xuất, lắp ráp phương tiện vận tải	
						4293071	Nhà máy lắp ráp điện tử, điện lạnh	Gồm: Nhà máy lắp ráp điện tử (tì vi, máy tính và các sản phẩm tương đương), điện lạnh (điều hòa, tủ lạnh và sản phẩm tương đương)
						4293072	Nhà máy chế tạo linh kiện, phụ tùng thông tin và điện tử	Gồm: Nhà máy chế tạo mạch in điện tử, IC và sản phẩm tương đương
						4293073	Công trình sản xuất thiết bị điện, điện tử khác	
						4293074	Nhà máy đóng, sửa chữa tàu	Gồm: Công trình sửa chữa, đóng mới phương tiện thủy nội địa (bến, ụ, triền, đà,...), tàu biển, ụ tàu biển, âu tàu biển và các công trình nâng hạ tàu biển khác (triền, đà, sàn nâng,...)
						4293075	Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô	
						4293076	Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe máy	
						4293077	Nhà máy sản xuất, lắp ráp đầu máy tàu hỏa	
						4293078	Nhà máy sửa chữa, bảo dưỡng máy bay	
						4293079	Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe có động cơ khác	
					429308		Công trình chế biến, chế tạo khác	
						4293081	Nhà máy in	In trên chất liệu giấy
						4293082	Nhà máy in tiền	
						4293083	Nhà máy sản xuất đồ sành, sứ, thủy tinh	
						4293084	Nhà máy sản xuất sản phẩm gốm đất nung	
						4293085	Nhà máy sản xuất nước đá	
						4293086	Nhà máy sản xuất công nghiệp hỗ trợ	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4293087	Kho chứa hóa chất	
						4293089	Công trình chế biến, chế tạo khác	
					429309	4293090	Dịch vụ xây dựng công trình chế biến, chế tạo	Gồm: Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, thay thế các công trình chế biến, chế tạo
			4299	42990			Công trình kỹ thuật dân dụng khác và dịch vụ xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	
					429901		Công trình thể thao ngoài trời	
						4299011	Sân vận động, sân thi đấu thể thao ngoài trời tổng hợp cho nhiều môn, có khán đài	
						4299012	Sân vận động, sân thi đấu thể thao ngoài trời tổng hợp cho nhiều môn, không có khán đài	Gồm: Sân điều kinh (đường chạy thẳng, đường chạy vòng); sân nhảy xa, nhảy 3 bước; sân nhảy cao; sân nhảy sào; sân đẩy tạ; sân ném lựu đạn; sân lăng đĩa, lăng tạ xích; sân phóng lao,...
						4299013	Sân vận động, sân thi đấu thể thao ngoài trời riêng cho từng môn, có khán đài	Gồm: Sân bóng đá, sân tennis, trường đua, trường bắn,... có khán đài
						4299014	Sân vận động, sân thi đấu thể thao ngoài trời riêng cho từng môn, không có khán đài	Gồm: Sân bóng đá tập luyện, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân bóng rổ, sân tennis,... không có khán đài Không gồm: Sân gôn
						4299015	Sân gôn	
						4299016	Bể bơi ngoài trời	Gồm cả bể bơi có khán đài và không có khán đài
						4299019	Công trình thể thao ngoài trời khác	
					429902		Công trình vui chơi, giải trí ngoài trời	
						4299021	Tuyến cáp treo vận chuyển người	
						4299029	Công trình vui chơi, giải trí ngoài trời khác	
					429903		Công trình thu gom xử lý chất thải rắn	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4299031	Trạm trung chuyển	
						4299032	Công trình xử lý chất thải rắn	Gồm: Khu liên hợp xử lý, trạm xử lý chế biến thành phân vi sinh, bãi chôn lấp, lò đốt (bao gồm cả chất thải rắn thông thường và nguy hại)
					429904		Công trình quốc phòng an ninh	
						4299041	Pháo đài	
						4299042	Doanh trại quân đội	
						4299043	Hầm trú ẩn	
						4299044	Trường bắn	
						4299045	Trung tâm thử nghiệm quân sự	
						4299049	Công trình phục vụ quốc phòng an ninh khác	
					429905		Công trình kỹ thuật dân dụng khác	
						4299051	Công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp	
						4299052	Công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	
						4299053	Trung tâm logistic	Trung tâm logistics là nơi thực hiện các hoạt động liên quan đến vận tải và phân phối hàng hóa, trung tâm logistics, gồm: kho bãi, văn phòng, khu vực xếp dỡ hàng,...
						4299059	Công trình kỹ thuật dân dụng khác	Gồm: Công trình trạm cân trọng tải xe; hạ tầng kiểm soát trọng tải xe,...
					429906	4299060	Dịch vụ xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Gồm: Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế các công trình thể thao ngoài trời; công trình vui chơi giải trí ngoài trời; công trình thu gom, xử lý chất thải rắn; công trình quốc phòng an ninh và công trình kỹ thuật dân dụng khác
	43						Dịch vụ xây dựng chuyên dụng	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
		431					Dịch vụ phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng	
			4311	43110			Dịch vụ phá dỡ	
					431101		Dịch vụ phá dỡ công trình nhà	
						4311011	Dịch vụ phá dỡ công trình nhà để ở	
						4311012	Dịch vụ phá dỡ công trình nhà không để ở	
					431102		Dịch vụ phá dỡ công trình kỹ thuật dân dụng	
						4311021	Dịch vụ phá dỡ công trình đường	
						4311029	Dịch vụ phá dỡ công trình kỹ thuật dân dụng khác	
			4312	43120			Dịch vụ chuẩn bị mặt bằng	
					431201		Dịch vụ chuẩn bị đất và mặt bằng; giải phóng mặt bằng	
						4312011	Dịch vụ chuẩn bị đất trong nông nghiệp, kể cả thoát nước	
						4312012	Dịch vụ chuẩn bị mặt bằng để khai thác mỏ	Gồm cả dịch vụ nổ mìn và vận chuyển đất, đá
						4312013	Dịch vụ dọn dẹp làm sạch mặt bằng xây dựng	Gồm: Di dời rác thải xây dựng, phát quang bụi rậm...
						4312014	Gia cố, ổn định đất	
						4312015	Dịch vụ khoan, khoan thăm dò cho mục đích xây dựng, địa vật lý, địa chất hoặc các mục đích tương tự	Không gồm: Khoan giếng nước, khoan liên quan đến khai thác dầu và khí đốt
						4312016	Dịch vụ khoan ngang định hướng lắp đặt ống cáp hoặc ống cống	Khoan ngang định hướng là kỹ thuật khoan ngầm tạo thành một đường ống theo kích thước mong muốn để kéo và lắp đặt đường ống nước, ống cáp điện, ống thông tin,... ở chiều sâu lớn dưới các chướng ngại vật mà không cần đào lộ thiên để thực hiện. Khoan ngang định hướng còn gọi là khoan bê tông lỗ hoặc khoan rút lõi bê tông

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4312017	Dịch vụ đào rãnh phục vụ thoát nước tại mặt bằng xây dựng	
						4312019	Dịch vụ chuẩn bị mặt bằng khác	Gồm: Dịch vụ chuẩn bị mặt bằng phục vụ khai quật khảo cổ,...
					431202		Dịch vụ đào đất và san lấp đất	
						4312021	Dịch vụ đào đắp, san lấp đất, tạo mái dốc, di chuyển đất quy mô lớn để làm nền đường đắp/nền đường đào phục vụ xây dựng các công trình giao thông	
						4312022	Dịch vụ đào mương, đào rãnh	Gồm: Dịch vụ đào mương, đào rãnh cho công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thoát nước đô thị và các công trình đường bộ; dịch vụ đào mương, đào rãnh thông thường cho các công trình xây dựng khác
						4312023	Dịch vụ cải tạo đất, làm sạch đất bị ô nhiễm	
						4312029	Dịch vụ đào đất và san lấp đất khác	
		432					Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác	
			4321	43210			Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	
					432101		Dịch vụ lắp đặt hệ thống mạch điện và thiết bị điện	
						4321011	Dịch vụ lắp đặt các mạch điện và thiết bị điện cơ bản	Gồm: Dịch vụ thiết kế, lắp đặt hệ thống dây dẫn điện, thiết bị điện (máy biến áp, công tắc tơ, aptomat, cầu chì, cầu dao,...) trong các công trình xây dựng
						4321012	Hệ thống dây điện và dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp điện khẩn cấp	
						4321013	Dịch vụ điện phát sinh từ việc lắp đặt thiết bị điện	
						4321014	Dịch vụ lắp đặt đồng hồ đo điện	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					432102	4321020	Dịch vụ lắp đặt hệ thống báo cháy	
					432103	4321030	Dịch vụ lắp đặt hệ thống báo động chống trộm	
					432104		Dịch vụ lắp đặt ăng-ten dân cư	
						4321041	Dịch vụ lắp đặt các loại ăng-ten dân cư	Gồm cả ăng-ten vệ tinh
						4321042	Dịch vụ lắp đặt các đường dây truyền hình cáp trong tòa nhà	
					432109		Dịch vụ lắp đặt điện khác	
						4321091	Dịch vụ lắp đặt điện của thiết bị viễn thông	
						4321092	Dịch vụ lắp đặt điện chiếu sáng và hệ thống báo hiệu cho đường bộ, đường sắt, sân bay, bến cảng và các công trình tương tự	
						4321093	Dịch vụ lắp đặt thiết bị điện nặng	Hệ thống điện nặng là hệ thống điện chính của tòa nhà, gồm: Hệ thống điện động lực và hệ thống điện nhẹ; sử dụng nguồn điện chính 3 pha 380 V hoặc 1 pha 220 V Nguồn cấp điện chính: Trạm biến áp điện lực + tủ tụ bù ==>ATS + máy phát ==>UPS lưu điện ==>tải sử dụng trực tiếp. Tải sử dụng trực tiếp: Tủ phân phối điện 1 pha, máy bơm cấp thoát nước, thang máy, điều hòa,...
						4321094	Dịch vụ lắp đặt hệ thống dây dẫn viễn thông, kể cả cáp quang	
						4321099	Dịch vụ lắp đặt điện khác	Gồm: Dịch vụ kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình (bao gồm cả hệ thống sưởi chân tường); lắp đặt trạm sạc xe điện trong các tòa nhà, chung cư hoặc hộ gia đình, hệ thống quang điện trên

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								các tòa nhà, hệ thống tự động hóa...
			4322				Dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	
				43221			Dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	
					432211		Dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp nước	
						4322111	Dịch vụ lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước (nước nóng và lạnh đầu nguồn), kể cả lắp đặt vòi nước	
						4322112	Dịch vụ lắp đặt thiết bị vệ sinh cố định	
						4322113	Dịch vụ lắp đặt ống nước	
						4322114	Dịch vụ lắp đặt các thiết bị cấp nước tăng áp để chữa cháy, tưới cây (bao gồm trụ nước kèm theo vòi và đầu phun)	Gồm: Dịch vụ lắp đặt hệ thống phun nước chữa cháy, hệ thống phun nước tưới cây
						4322115	Dịch vụ lắp đặt đồng hồ đo nước	
					432212		Dịch vụ lắp đặt hệ thống thoát nước	
						4322121	Dịch vụ xây dựng nối các đường cống thoát nước chính	Gồm: Dịch vụ nối các đường cống thoát nước chính giữa các đường phố hoặc giữa các ngõ, hẻm
						4322122	Dịch vụ xây dựng nối đường cống thoát nước của tòa nhà với đường cống thoát nước chính	Gồm: Đặt vật liệu, xây dựng và thay đổi đường cống thoát nước của tòa nhà để kết nối với các đường thoát nước chính trên đường phố, ngõ, hẻm hoặc trạm thoát nước cuối cùng khác
				43222			Dịch vụ lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí	
					432221		Dịch vụ lắp đặt hệ thống sưởi	
						4322211	Dịch vụ lắp đặt thiết bị sưởi ấm	Gồm: Dịch vụ lắp đặt đường ống nước, ống dẫn nhiệt và tấm kim loại, như: hệ thống thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện, hệ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								thống sưởi bằng điện, gas, dầu,...
						4322212	Lắp đặt và bảo trì hệ thống điều khiển sưởi trung tâm	
						4322213	Dịch vụ bảo trì, sửa chữa lò hơi và đầu đốt	
					432222	4322220	Dịch vụ lắp đặt thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hòa không khí	Gồm: Dịch vụ lắp đặt thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hòa không khí cho nhà ở, trung tâm máy tính, văn phòng và cửa hàng, bao gồm: dịch vụ lắp đặt đường ống nước, ống dẫn nhiệt và tấm kim loại...
					432223		Dịch vụ lắp đặt hệ thống khí	Gồm cả khí gas
						4322231	Dịch vụ lắp đặt các bộ phận và thiết bị để cung cấp khí oxy và các loại khí khác được sử dụng trong bệnh viện, nhà cửa,...	
						4322232	Dịch vụ kết nối của thiết bị vận hành bằng khí khác	
						4322233	Dịch vụ lắp đặt đồng hồ đo khí	
			4329	43290			Dịch vụ lắp đặt hệ thống xây dựng khác	
					432901		Dịch vụ lắp đặt hệ thống cách nhiệt, cách âm và chống cháy	
						4329011	Dịch vụ lắp đặt cách nhiệt	Gồm: Cách nhiệt (nóng, lạnh) cho các khoang của tường ngoài, cách nhiệt bên trong mái nhà Loại trừ: Cách nhiệt bằng cách lắp đặt các vật liệu cách nhiệt ở phía trên (phía ngoài) mái được phân vào nhóm 4390033
						4329012	Dịch vụ lắp đặt cách nhiệt của đường ống nước nóng, nước lạnh, nồi hơi và đường ống dẫn	
						4329013	Dịch vụ lắp đặt cách âm	
						4329014	Dịch vụ lắp đặt chống cháy	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					432902	4329020	Dịch vụ lắp đặt thang máy, thang cuốn, thang nâng cầu thang, băng tải bộ	
					432903		Dịch vụ lắp đặt khác chưa phân vào đâu	
						4329031	Lắp đặt hệ thống âm thanh	
						4329032	Dịch vụ lắp đặt cửa xoay, cửa tự động	
						4329033	Dịch vụ lắp đặt màn treo và rèm cửa	
						4329034	Dịch vụ lắp đặt mái che và mái hiên	
						4329035	Dịch vụ lắp đặt dây dẫn sét	
						4329036	Dịch vụ lắp đặt biển báo (phát quang hoặc không phát quang)	Không có điện
						4329037	Dịch vụ lắp đặt hàng rào, lan can và các loại vách ngăn/hệ khung bao tương tự	Gồm: Dịch vụ lắp đặt hàng rào, lan can và các công trình bao quanh tương tự, có thể làm từ nhiều vật liệu khác nhau (dây thép, gỗ, thép, sợi thủy tinh) và được sử dụng tại nhiều địa điểm khác nhau (sân chơi, sân thể thao, nhà ở hoặc cơ sở công nghiệp)
						4329038	Dịch vụ lắp đặt chuyên dụng cho hệ thống thang thoát hiểm bằng kim loại	
						4329039	Dịch vụ lắp đặt khác chưa phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ lắp đặt hệ thống hút bụi; dịch vụ lắp đặt các hệ thống tự động trong tòa nhà (ví dụ: hệ thống đóng/mở cửa sổ và cửa ra vào tự động); dịch vụ lắp đặt và thay thế các loại khóa cửa; dịch vụ lắp đặt các thiết bị an toàn cá nhân cho công nhân xây dựng;...
		433	4330	43300			Dịch vụ hoàn thiện công trình xây dựng	
					433001	4330010	Dịch vụ lắp kính	Gồm: - Dịch vụ lắp đặt tấm ốp kính, tường gương và các sản phẩm kính khác

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Dịch vụ lắp đặt cửa sổ, cửa ra vào bằng kính
					433002	4330020	Dịch vụ trát	Gồm: Dịch vụ trát bề mặt nội thất và ngoại thất bằng các vật liệu như: thạch cao, vữa xi măng (stucco), lati..., bao gồm cả dịch vụ lắp đặt lưới trát
					433003	4330030	Dịch vụ sơn	Gồm: - Dịch vụ sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà, sơn các kết cấu công trình dân dụng,... - Dịch vụ tẩy sơn
					433004	4330040	Dịch vụ lát sàn và ốp tường	Gồm: - Dịch vụ ốp tường bằng gốm, bê tông, đá hoặc gỗ - Dịch vụ lát sàn bằng gạch, đá hoặc gỗ - Dịch vụ lát sàn và ốp tường bằng đá terrazzo đổ tại chỗ, đá cẩm thạch, đá granit hoặc đá phiến - Dịch vụ ốp trang trí tường của các tòa nhà với vật liệu gốm, đá, gạch,... - Dịch vụ hoàn thiện khác liên quan như: chà nhám, đánh bóng bằng sáp, phủ bóng bảo vệ bề mặt... - Dịch vụ trải thảm, lát sàn Linoleum (vải sơn tự nhiên) và các loại sàn đàn hồi khác, bao gồm cả các dịch vụ hoàn thiện liên quan - Dịch vụ dán giấy dán tường và các loại vật liệu phủ tường mỏng, mềm, dẻo khác - Dịch vụ bóc giấy dán tường
					433005		Dịch vụ lắp đặt cửa và khung cửa	
						4330051	Dịch vụ lắp đặt cửa và khung cửa	Gồm: Dịch vụ lắp đặt khung cửa sổ, khung cửa ra vào, cửa sổ, cửa ra vào, cửa chớp, cửa thông

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								gió, cửa nhà để xe,... được làm từ gỗ, kim loại và vật liệu khác Loại trừ: Dịch vụ lắp đặt cửa xoay và cửa tự động được phân vào nhóm 4329032
						4330052	Dịch vụ bọc thép cửa ngoài trời và dịch vụ lắp đặt cửa bọc thép	
						4330053	Dịch vụ lắp đặt cửa chống cháy	
					433006		Dịch vụ lắp tấm lợp, vách ngăn	
						4330061	Dịch vụ lắp đặt vách ngăn di động và trần lửng (trần giả) trên kết cấu kim loại	
						4330062	Dịch vụ lắp đặt mái hiên	
						4330063	Dịch vụ lắp đặt rui, kèo nhà bằng gỗ và các vật liệu khác (trừ kim loại)	
						4330064	Dịch vụ lắp đặt tấm lợp, ván che, ván ốp,...	
						4330065	Dịch vụ lắp đặt tấm kim loại chế tạo tiêu chuẩn hoặc tùy chỉnh	
						4330066	Dịch vụ lắp đặt tấm kim loại trang trí hoặc kiến trúc	
						4330067	Dịch vụ lắp đặt lưới tản nhiệt	
						4330068	Dịch vụ lắp đặt nhà kính	Gồm: Nhà kính là một phần đi kèm của công trình xây dựng, ví dụ: Nhà kính trồng cây trên sân thượng...
						4330069	Dịch vụ lắp đặt tấm lợp, vách ngăn khác	
					433007		Dịch vụ lắp đặt nội thất	Gồm: Dịch vụ lắp đặt các thiết bị bên trong công trình nhà
						4330071	Dịch vụ lắp đặt thiết bị nhà bếp cố định, tủ âm tường, cầu thang và các loại tương tự cho nhà ở	
						4330072	Dịch vụ lắp đặt nội thất cho nhà không để ở và các công trình khác	Gồm: Cửa hàng, thuyền, nhà chờ xe buýt BRT,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					433009	4330090	Dịch vụ hoàn thiện công trình xây dựng khác	
		434	4340	43400	434000	4340000	Dịch vụ trung gian cho dịch vụ xây dựng chuyên dụng	Gồm: Dịch vụ trung gian cho các dịch vụ xây dựng chuyên dụng, cụ thể là việc kết nối khách hàng và nhà cung cấp dịch vụ để nhận một khoản phí hoặc hoa hồng, mà bên trung gian không trực tiếp cung cấp các dịch vụ xây dựng chuyên dụng đó
		439	4390	43900			Dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác	
					439001		Dịch vụ khoan giếng và lắp đặt hệ thống tự hoại	
						4390011	Dịch vụ đào giếng trong khai thác mỏ	
						4390012	Dịch vụ xây dựng bể bơi ngoài trời	
						4390013	Dịch vụ lắp đặt hệ thống tự hoại	Gồm: - Hệ thống tự hoại hiếu khí - Các hệ thống tự hoại thoát hơi (ET) (thoát nước thải thông qua sự bay hơi từ bề mặt đất hoặc hô hấp của cây trồng mà không cần xả nước ra ngoài) - Hệ thống nước xám (nước thải từ sinh hoạt không chứa chất phân như: nước thải từ tắm giặt, nấu ăn...) - Hệ thống tự hoại bể phốt - Hệ thống khử khuẩn tự hoại - Nhà vệ sinh hóa chất, ủ phân, đốt rác và không có nước
					439002		Dịch vụ lắp, dựng cầu kiện đúc sẵn	
						4390021	Dịch vụ lắp đặt, lắp ráp và lắp dựng nhà tiền chế	Loại trừ: Dịch vụ lắp ráp và dựng các tòa nhà hoàn chỉnh được phân vào nhóm 4101030, 4102090

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4390022	Lắp đặt, lắp ráp và lắp dựng các cấu kiện và cấu kiện đúc sẵn khác	
					439003		Dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác còn lại	
						4390031	Dịch vụ đóng cọc, nền móng	Gồm: Dịch vụ nền móng, bao gồm cả đóng cọc (cọc gỗ, cọc bê tông,...)
						4390032	Dịch vụ đóng khung xây dựng	Gồm: - Dịch vụ dựng khung cho các tòa nhà, làm từ gỗ hoặc kim loại - Dịch vụ dựng khung mái nhà
						4390033	Dịch vụ lợp mái, chống thấm và chống ẩm	Gồm: - Dịch vụ lợp lớp bao phủ mái - Dịch vụ lắp đặt lớp cách nhiệt ngoài cho mái và dịch vụ chống thấm cho mái, bao gồm cả chống ẩm - Dịch vụ lắp đặt hệ thống thoát nước, máng xối và ống dẫn nước mưa lên mái - Dịch vụ lắp đặt cửa lấy sáng và cửa thông lên mái - Dịch vụ lắp đặt thiết bị chặn tuyết trên mái dốc - Dịch vụ lắp đặt các thiết bị an toàn lên mái - Dịch vụ chống thấm mặt ngoài các công trình xây dựng và các công trình ngầm khác - Dịch vụ chống ẩm
						4390034	Dịch vụ bê tông	Gồm: - Dịch vụ lắp dựng khung bê tông cốt thép cỡ lớn - Dịch vụ xây dựng mái vòm và kết cấu vỏ mỏng bằng bê tông - Dịch vụ xây dựng chuyên dụng liên quan đến uốn và hàn thép cho các khối bê tông cốt thép trong các công trình xây

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								dựng - Dịch vụ đúc bê tông trong ván khuôn và các dịch vụ sử dụng bê tông (nền móng chung, nền đường bê tông, móng bè, cọc, trụ đỡ, sàn,...) - Dịch vụ liên quan đến việc xây dựng ván khuôn và cốt thép - Dịch vụ gia cố làm chắc nền móng
						4390035	Dịch vụ lắp dựng kết cấu thép	Gồm: - Dịch vụ xây dựng các kết cấu thép đúc sẵn của tòa nhà - Dịch vụ lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối cho các tòa nhà và các công trình khác như: cầu, cần cầu trên cao hoặc tháp truyền tải điện - Dịch vụ hàn có liên quan
						4390036	Dịch vụ xây	
						4390037	Dịch vụ dựng giàn giáo	Gồm: Dịch vụ lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo Không bao gồm cho thuê cốp pha, giàn giáo
						4390038	Dịch vụ cho thuê cần trục và các thiết bị xây dựng khác kèm người điều khiển	Gồm: Dịch vụ cho thuê cần trục các thiết bị xây dựng khác, có kèm người điều khiển, phục vụ chung cho toàn bộ công trường mà không thể phân bổ cho một dịch vụ xây dựng cụ thể nào
						4390039	Dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác còn lại chưa phân vào đâu	Gồm: - Dịch vụ lắp dựng các cấu kiện thép cho các công trình kỹ thuật dân dụng (hạ tầng) - Dịch vụ lắp đặt tất cả các loại đồ nội thất đường phố như: nhà chờ xe buýt, băng ghế công

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								viên, buồng điện thoại, nhà vệ sinh công cộng,... - Lắp dựng rào chắn và chạm/rào chắn an toàn, tường ngăn thấp, biển báo giao thông và các loại tương tự,... - Dịch vụ lắp dựng tường chống ồn (ví dụ: Dọc theo các trục đường giao thông) - Dịch vụ lắp dựng tường đá bảo vệ, hệ thống chống đá rơi - Dịch vụ sơn vạch kẻ trên mặt đường bộ, bãi đỗ xe và các bề mặt tương tự - Dịch vụ thi công tại các vị trí khó tiếp cận đòi hỏi kỹ năng leo trèo chuyên dụng, ví dụ: Làm việc trên cao trên các công trình cao tầng - Dịch vụ thi công lớp lót chịu lửa cho lò công nghiệp - Dịch vụ lắp đặt các thiết bị an toàn trên công trường xây dựng - Dịch vụ lắp đặt biển hoặc cột quảng cáo - Dịch vụ cải tạo, tân trang, tái thiết và nâng cấp các công trình và di tích lịch sử, khảo cổ - Dịch vụ xây dựng chuyên biệt khác chưa được phân loại
G							DỊCH VỤ BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ	
	46						Dịch vụ bán buôn	Gồm: Dịch vụ bán buôn trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; dịch vụ bán buôn tự doanh
		461	4610				Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	Gồm cả dịch vụ bán buôn do các nhà đấu giá độc lập cung cấp; dịch vụ bán buôn thực hiện các giao

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								dịch thương mại theo ủy quyền của bên ủy thác, bao gồm cả các giao dịch trên internet
				46101			Đại lý hàng hóa	
					461011		Đại lý nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	
						4610111	Đại lý thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: ngũ cốc, lúa mì, thóc chưa qua xử lý chế biến
						4610112	Đại lý hoa và cây	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Cây và các bộ phận của cây được sử dụng trong quá trình chế tạo nước hoa, dược phẩm hoặc trừ sâu, diệt nấm hay các mục đích tương tự - Hoa, nụ hoa, hạt giống hoa
						4610113	Đại lý động vật sống	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Động vật sống, bao gồm: Động vật nuôi trong nhà, như: Bò, trâu, cừu, dê, thỏ, chó - Lợn (kể cả lợn rừng nuôi) - Gia cầm: Gà, ngỗng, vịt, ngan, chim bồ câu, chim cút - Cá; động vật sống dưới nước - Động vật sống để đưa, thí nghiệm,...
						4610114	Đại lý thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	
						4610119	Đại lý nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	
					461012		Đại lý lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	
						4610121	Đại lý gạo và lương thực khác	Gồm: Đại lý các mặt hàng như:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Gạo đã qua xử lý chế biến (xay sát, đánh bóng) từ thóc - Bột gạo và các sản phẩm tinh bột đã qua xử lý chế biến từ gạo - Bột mỳ đã qua xử lý chế biến từ lúa mỳ; Bột, tinh bột và các sản phẩm xay sát đã qua xử lý chế biến từ lúa mạch và các loại ngũ cốc khác - Hạt kê đã qua xử lý chế biến từ cây kê (bao gồm cả dạng nguyên hạt hoặc dạng bột)
						4610122	Đại lý thịt gia súc và gia cầm	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Thịt gia súc tươi sống hoặc làm lạnh (trâu, bò, dê, bê, ngựa,...) - Thịt lợn, thịt thỏ tươi sống hoặc làm lạnh - Thịt gia cầm tươi sống hoặc làm lạnh (gà, vịt, ngan, ngỗng,...) Loại trừ: Các bộ phận của gia súc, gia cầm (lòng, ruột, gan,...) tươi sống hoặc làm lạnh, ướp lạnh được phân vào nhóm 4610129
						4610123	Đại lý thủy sản	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) tươi sống hoặc làm lạnh - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) được chế biến sẵn thành khúc hoặc băm viên và bảo quản bằng đông lạnh - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) được cắt khúc phơi khô, ướp muối hoặc ngâm muối - Trứng cá muối ướp lạnh - Món ăn hải sản được chế biến sẵn, trong đó cá

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								(tôm, cua, mực,...) là thành phần chính - Cá xốt các loại, đóng hộp - Cá ngâm dầu, ngâm giấm - Cá được tiệt trùng, khử trùng - Cá (tôm,...) tẩm bột; cá viên, cá xay thành bột, cá đóng thành bánh, xúc xích cá - Pa tê cá, cá hun khói
						4610124	Đại lý rau, quả	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Rau lấy lá (bắp cải, súp lơ,...) tươi sống - Rau lấy củ, lấy rễ tươi sống - Rau, củ, quả được bảo quản lạnh - Rau, củ, quả đóng hộp bảo quản lạnh - Rau, củ, quả đã được chuẩn bị sẵn hoặc đã được chế biến sẵn
						4610125	Đại lý cà phê, chè	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Cà phê hạt được lọc hết chất cà phê in hoặc được rang - Bột cà phê, tinh chất cà phê - Cà phê hòa tan hoặc pha, đã được lọc hết chất cà phê in hoặc chưa - Bột cà phê đã được lọc hết chất cà phê in hoặc chưa - Hỗn hợp cà phê (pha trộn cà phê đã được rang với vegetable fats) - Các chất pha chế cà phê: • Gồm toàn bộ hoặc một phần cà phê nguyên chất • Gồm tinh chất cà phê, chiết xuất cà phê hoặc bột cà phê - Các chất thay thế cà phê, tinh chất cà phê, bột

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								cà phê được rang, bao gồm: bột ngũ cốc, hạt dẻ, rễ rau diếp xoăn (sao và xay ra để trộn với cà phê hoặc thay cà phê), hạt quả hạnh nhân, mạch nha, đậu tương, đậu nành,... - Chè xanh (chưa được lên men), chè đen đã được lên men và một phần chè được lên men, được đóng gói trong hộp không quá 3 kg - Chè nhúng các loại - Tinh chất, chiết xuất, bột chè và các chất pha chế với nguyên liệu chính từ chè
						4610126	Đại lý các sản phẩm đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Sữa được tiệt trùng, bảo quản lạnh (bò, dê,...) - Sữa đã được hớt váng một phần hoặc hoàn toàn - Sữa giàu thành phần vitamin, muối khoáng hoặc thêm vào các thành phần sữa tự nhiên - Sữa đã được peptone hóa, sữa chua,... - Sữa đã được khôi phục lại về chất và về lượng của các chất tổng hợp - Bánh giòn (bánh quy, bánh mỳ,...), bánh bít cốt, bánh mỳ nướng, bánh mỳ ướp gừng, bánh ngọt, bánh quế và bánh xốp,... - Bánh ngọt, bánh nướng, bánh bao các loại - Đường mía, đường từ cây củ cải đường, đường đã được tinh chế, đường viên, mật đường,... - Kẹo ca cao đã tách bơ hoặc chưa,.... - Bột ca cao đã được tách bơ, dầu hoặc chưa,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Bột ca cao đã được làm bột đắng hoặc chưa; - Kẹo cao su có đường hoặc không đường,... - Mỳ sống các loại, mỳ ăn liền các loại,...
						4610127	Đại lý các loại đồ uống	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Bột ca cao, nước ca cao, bột sô cô la, nước sô cô la,... - Rượu có cồn, rượu mạnh, đồ uống có cồn khác,... - Bia... - Rượu không cồn, rượu hoa quả các loại,... - Nước ngọt, nước khoáng các loại,...
						4610128	Đại lý các sản phẩm thuốc lá	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Thuốc lá điếu, xì gà các loại,... - Sợi thuốc lá,...
						4610129	Đại lý thực phẩm khác chưa phân loại vào đâu	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: Các bộ phận của gia súc, gia cầm (lòng, ruột, gan,...) tươi sống hoặc làm lạnh, ướp lạnh Loại trừ: Thịt gia cầm, gia súc đã được phân vào nhóm 4610122
					461013		Đại lý vải, hàng dệt may, giấy dếp, dược phẩm, dụng cụ y tế, hóa mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh	
						4610131	Đại lý chỉ khâu và vải	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Sợi tự nhiên đã được xe - Sợi thô đã được xe, sợi bông đã được tẩy nhòn hoặc các bon hóa chưa được chải,... - Sợi bông nhân tạo được xử lý để xe chỉ,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Vải cotton rộng bản, vải len, vải lụa, vải lanh nhân tạo hoặc tổng hợp
						4610132	Đại lý ga trải giường, màn, rèm, các vật dụng phục vụ gia đình và các hàng dệt khác	Gồm: Đại lý các mặt hàng được đóng gói hoặc bán lẻ như: - Chăn,... - Khăn, ga trải giường, khăn ăn, khăn bàn hoặc bếp - Đệm ghế, gối... - Màn, rèm, màn, áo gối, tấm phủ máy móc hoặc bàn ghế - Vải nhựa, vải dầu, lều bạt, đồ cắm trại, buồm, bạt che ô tô, che máy móc và bàn ghế - Cờ, biểu ngữ, cờ hiệu, diềm, thảm trải sàn,... - Vải lau bụi, khăn lau bát, chén, đĩa và các đồ tương tự, áo cứu đuối, dù, ô... - Bao tải, túi các loại được sử dụng cho việc đóng gói hàng hóa - Dây bện, dây thùng, dây chảo, dây cáp, nút dây lưới,... - Nhãn, mác và các nguyên vật liệu tương tự không được thêu, dải viền, dây tết từng mảnh; đồ có tính chất trang trí từng mảnh không thêu, trừ được đan, móc; quả tua, nùm tua, quả ngù len dùng để trang trí và các đồ tương tự,... - Dây đăng ten, ren, vải ren rời từng miếng... - Đồ độn, lót (bông, len,...),... - Sợi, chỉ bọc kim loại, sợi dây viền quần áo, cái khâu, cái móc, khuyết áo,... - Dây ni lông dai, dây

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								poliamit, dây pôliexte, sợi vitcô,... - Sản phẩm sợi và các đồ sử dụng kỹ thuật (bao gồm: bắc, măng xông đèn, ống phun nước, truyền hoặc dây băng tải,...)
						4610133	Đại lý hàng may mặc và phụ trợ hàng may mặc	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Quần áo, y phục,... - Các phụ kiện trang sức, đồ phụ tùng và các đồ phụ kiện khác bằng da lông thú (trừ mũ lưỡi trai, khăn trùm đầu của phụ nữ,...) - Lông nhân tạo và các đồ từ đó (trừ mũ lưỡi trai, khăn trùm đầu của phụ nữ,...)
						4610134	Đại lý giày, dép	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Đồ đi ở chân có đế giày ở ngoài và có lớp cao su, nhựa ở dưới; hoặc có lớp da hoặc các nguyên vật liệu dệt ở dưới trừ đồ thể thao, đồ được bọc kim loại ở mũi và hỗn hợp đặc biệt; - Đồ thể thao, trừ giày trượt băng - Đồ đi ở chân khác, trừ đồ bằng amiăng, đồ chỉnh hình và giày trượt tuyết - Bộ phận của đồ đi ở chân; đế rời, đệm gót giày và các đồ tương tự; cái bao chân từ dưới đầu gối đến mắt cá chân, xà cạp và các đồ tương tự; các bộ phận từ những cái đó
						4610135	Đại lý dược phẩm (trừ thuốc thú y)	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Thuốc tân dược - Axit salixilic và chiết xuất muối và este của nó - Lizin và chiết xuất

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								muối và ester của nó - Axit glutamic và chiết xuất muối của nó,... - Hợp chất lactoza,... - Đường tinh luyện, đường khác,... - Glicozit và alkaloit thực vật và chiết xuất muối của nó,... - Dược phẩm dùng để phòng bệnh hoặc chữa bệnh - Dược phẩm khác - Vật phẩm khác cho mục đích phẫu thuật hoặc dược phẩm
						4610136	Đại lý dụng cụ y tế	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Dụng cụ y tế và chỉnh hình; dụng cụ dựa trên tia X quang hoặc tia alpha, bê ta hoặc tia gram ma - Dụng cụ chẩn đoán mạch điện, dụng cụ chiếu siêu âm được sử dụng trong khoa nội, phẫu thuật, nha khoa hoặc khoa học thú y - Các dụng cụ khác (trừ ống tiêm, kim tiêm và các dụng cụ tương tự) được sử dụng trong khoa học nha khoa - Máy khử trùng y tế, phẫu thuật hoặc trong thí nghiệm - Các dụng cụ khác được sử dụng trong y tế, phẫu thuật hoặc khoa học thú y (bao gồm: ống tiêm, kim tiêm, ống thông đường tiểu, ống thông dò, dụng cụ chữa mắt và các thiết bị khác chưa được phân vào đâu và các dụng cụ điện hóa học khác chưa được phân vào đâu) - Máy trị liệu; dụng cụ mát xa; dụng cụ kiểm tra khả năng thuộc tâm lý; trị liệu bằng ozon, bằng

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								oxy, bình phun, dụng cụ hô hấp nhân tạo hoặc dụng cụ hô hấp chữa bệnh; các dụng cụ thở khác và mặt nạ phòng hơi độc (bao gồm: mặt nạ bảo vệ những bộ phận y tế hoặc máy lọc có thể thay thế được) - Dụng cụ chỉnh hình; các thanh nẹp và các dụng cụ dùng cho gãy xương khác; một phần cơ thể nhân tạo; trợ thính và các dụng cụ khác được mang hoặc đeo khác hoặc được cấy dưới da để bù đắp cho các khuyết điểm hoặc sự bất lực - Trang bị nội thất cho y tế, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y; ghế nha khoa và các loại ghế tương tự có thể xoay được cũng như di chuyển ngửa được ra hoặc nâng lên được
						4610137	Đại lý thuốc thú y	
						4610138	Đại lý nước hoa, hóa mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Xà phòng, các sản phẩm hoạt động bề mặt cơ bản - Thuốc tẩy - Nước hoa, nước thơm, dầu thơm - Các chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi - Hóa mỹ phẩm: Son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt, các chế phẩm chống nắng hoặc bắt nắng, các chế phẩm dùng để trang điểm móng tay hoặc móng chân, chế phẩm dùng cho tóc,... - Chế phẩm dùng cho vệ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								sinh răng hoặc miệng, kể cả kem và bột làm chặt chân răng - Các chế phẩm dùng trước, trong hoặc sau khi cạo mặt, các chất khử mùi cơ thể, các chế phẩm dùng để tắm rửa, thuốc làm rụng lông và các chế phẩm nước hoa, mỹ phẩm hoặc vệ sinh khác
					461014		Đại lý các thiết bị và đồ dùng gia đình	
						4610141	Đại lý va li, cặp túi, ví, hàng da và giả da khác	
						4610142	Đại lý đồng hồ	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Đồng hồ đeo tay, đồng hồ bỏ túi và các loại đồng hồ cá nhân khác, kể cả đồng hồ bấm giờ, với vỏ làm bằng kim loại quý hay mạ kim loại quý - Đồng hồ thời gian có lắp máy đồng hồ cá nhân, đồng hồ lắp trên bàn điều khiển phương tiện và các loại đồng hồ kiểu tương tự dùng cho xe có động cơ, máy bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thủy - Đồng hồ thời gian loại khác - Thiết bị ghi thời gian và các thiết bị dùng để đo, ghi hoặc biểu thị các khoảng thời gian bằng cách khác, kèm theo máy đồng hồ thời gian và đồng hồ cá nhân hoặc kèm theo động cơ đồng bộ - Công tắc định thời gian, có kèm theo máy đồng hồ cá nhân hoặc đồng hồ thời gian hoặc kèm theo động cơ đồng bộ - Máy đồng hồ cá nhân, hoàn chỉnh và đã lắp ráp

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Máy đồng hồ thời gian, hoàn chỉnh và đã lắp ráp - Máy đồng hồ thời gian hoặc đồng hồ cá nhân hoàn chỉnh, chưa lắp ráp hoặc đã lắp ráp từng phần (cụm máy); máy đồng hồ thời gian hoặc máy đồng hồ cá nhân chưa hoàn chỉnh, đã lắp ráp; máy đồng hồ thời gian hoặc máy đồng hồ cá nhân mới lắp thô - Các bộ phận chuyển động của đồng hồ - Các bộ phận khác của đồng hồ (như: Chân kính,...)
						4610143	Đại lý các thiết bị chụp ảnh, thiết bị chính xác và quang học	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Sợi quang và bó sợi quang; cáp sợi quang (trừ những thiết bị được làm từ những gói cáp quang riêng lẻ); lá, tấm, phiến nguyên vật liệu được phân cực; ống kính, lăng kính, gương và các yếu tố quang học khác (trừ thủy tinh chưa được gia công về mặt quang học), được đóng khung, được lắp ráp - Kính đeo mắt, kính bảo hộ và các loại tương tự để hiệu chỉnh, bảo vệ hoặc mục đích khác - Khung và gọng kính đeo, kính bảo hộ hoặc tương tự và các bộ phận của chúng - Ống nhòm loại hai mắt, ống nhòm đơn, kính thiên văn, kính viễn vọng quang học khác; thiết bị thiên văn - Thiết bị dùng cho thiên văn vô tuyến; kính hiển vi quang học phức hợp

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Thiết bị tính thể lỏng chưa được lắp thành các sản phẩm đã được chi tiết ở các nhóm khác; trừ thiết bị tạo tia laser trừ diốt laser và các thiết bị, dụng cụ quang học khác - Thiết bị cho camera, máy quay phim, máy chiếu, máy phóng to hoặc máy thu nhỏ - Thiết bị dùng cho đèn chiếu, gồm: bóng đèn nháy; thiết bị dùng trong phòng rửa ảnh; màn ảnh của máy chiếu - Máy đọc vi phim, vi thể hoặc vi bản khác, có hoặc không có khả năng sao chép - Các tấm dùng chụp ảnh và phim chụp ảnh dạng phẳng, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, bằng vật liệu bất kỳ trừ giấy, bìa hoặc vật liệu dệt; phim in ngay dạng phẳng, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, đã hoặc chưa đóng gói - Phim chụp ảnh ở dạng cuộn, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, bằng vật liệu bất kỳ trừ giấy, bìa hoặc vật liệu dệt; phim in ngay ở dạng cuộn, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng - Phim chụp ảnh bằng giấy, bìa và vật liệu dệt, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng - Chế phẩm hóa chất dùng trong nhiếp ảnh (trừ vecni, keo hồ, chất kết dính và các chế phẩm tương tự); các sản phẩm chưa pha trộn dùng trong nhiếp ảnh, đã đóng gói theo định lượng hoặc

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								đóng gói để bán lẻ ở dạng sử dụng được ngay
						4610144	Đại lý giường, tủ, bàn ghế, giá sách, kệ và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác - Giá sách, kệ,... bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác
						4610145	Đại lý đồ điện gia dụng và thiết bị chiếu sáng	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Đèn và bộ đèn điện - Thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: Quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc,...
						4610146	Đại lý đồ dùng gia đình, bát đĩa, đồ thủy tinh, đồ gốm sứ	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Chai, lọ, bộ đồ ăn, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh bằng thủy tinh,... - Bồn rửa, bồn tắm, bệ xí,... bình xối nước và các sản phẩm phục vụ vệ sinh tương tự bằng gốm sứ,... - Bộ đồ ăn, bộ đồ nhà bếp, đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ,... Loại trừ: Dao kéo, lưỡi dao cạo,... được phân vào nhóm 4610149
						4610147	Đại lý sách, báo, tạp chí và văn phòng phẩm	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Sách, truyện, sách giáo khoa,... - Báo, tạp chí, bưu thiếp và ấn phẩm khác,... - Văn phòng phẩm,...
						4610148	Đại lý dụng cụ thể dục, thể thao	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Thiết bị, dụng cụ thể dục - Thiết bị, dụng cụ thể thao

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								Loại trừ: - Quần áo thể dục, thể thao được phân vào nhóm 4610133 - Giấy thể thao được phân vào nhóm 4610134
						4610149	Đại lý các thiết bị và đồ dùng gia đình khác chưa phân loại vào đâu	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Kim, chỉ khâu,... - Dao, kéo,... - Xe đạp, xe đạp điện,... và phụ tùng xe đạp, xe đạp điện,... - Băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm, hình ảnh,... Loại trừ: Băng đĩa trắng được phân vào mã 4610171
					461015		Đại lý vật liệu xây dựng và đồ ngũ kim dùng cho xây dựng	
						4610151	Đại lý xi măng	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: Xi măng portland, xi măng nhôm, xi măng xi (xốp), xi măng super sulfat và xi măng chịu nước (xi măng thủy lực) tương tự, đã hoặc chưa pha màu hoặc ở dạng clanhke
						4610152	Đại lý gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Gạch xây, ngói lợp mái - Đá, cát, sỏi các loại Loại trừ: Đá ốp lát, gạch lát sàn được phân vào mã 4610153
						4610153	Đại lý gạch ốp lát, đá ốp lát và thiết bị vệ sinh	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: đá ốp lát, gạch lát sàn,...
						4610154	Đại lý các loại giấy dán tường và phủ sàn	
						4610155	Đại lý các loại sơn, vécni và sơn mài	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Sơn, véc ni và sơn mài,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm,...
						4610156	Đại lý đồ ngũ kim dùng cho xây dựng	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào,... - Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác,...
						4610157	Đại lý sắt thép dùng cho xây dựng	
						4610159	Đại lý vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác - Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...
					461016		Đại lý hoá chất công nghiệp, nông nghiệp, cao su, chất dẻo	
						4610161	Đại lý hoá chất công nghiệp, cao su, chất dẻo	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Mực in, anilin, tinh dầu, khí công nghiệp,... - Cao su nguyên liệu (cao su thiên nhiên hoặc tổng hợp) Loại trừ: Phân bón, thuốc trừ sâu,... được phân vào mã 4610162
						4610162	Đại lý phân bón và các sản phẩm nông hoá	.
					461017		Đại lý các loại máy móc, thiết bị	
						4610171	Đại lý máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Máy tính, thiết bị ngoại vi - Phần mềm chuyên dụng các loại; - Phần mềm trò chơi; - Van, ống điện tử; - Thiết bị bán dẫn; - Mạch tích hợp và mạch vi xử lý - Mạch in;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng,...) - Thiết bị điện thoại và truyền thông - Ti vi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến
						4610172	Đại lý các loại máy móc, thiết bị văn phòng	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Máy móc, thiết bị văn phòng - Máy chiếu, máy photocopy, đèn chiếu, máy hủy giấy, máy fax,... Loại trừ: Máy tính và thiết bị ngoại vi được phân vào mã 4610171
						4610173	Đại lý máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (kể cả máy kéo)	Gồm: Đại lý các mặt hàng máy móc, thiết bị phụ tùng máy nông nghiệp và lâm nghiệp, như: • Máy cày, bừa, máy rắc phân, máy gieo hạt • Máy gặt lúa, máy đập lúa • Máy vắt sữa • Máy ấp trứng, nuôi gia cầm • Máy cắt cỏ • Máy kéo được sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp
						4610174	Đại lý máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng và xây dựng dân dụng	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: Máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong khai thác than đá, quặng, khai thác dầu khí như máy khoan, máy nghiền sàng, máy nén,...
						4610175	Đại lý các loại máy móc và thiết bị chuyên dụng cho công nghiệp và các thiết bị vận hành có liên quan	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Máy móc, thiết bị dùng cho công xưởng hoặc cho phòng thí nghiệm - Máy cán, máy ép,... - Máy dùng trong công

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								nghiệp thực phẩm, đồ uống và thuốc lá như: máy tách kem, máy chế biến sữa, máy dùng trong công nghiệp xay xát,... - Hệ thống ròng rọc, hệ tời, kích các loại,... - Cần cầu của tàu thủy, cần trục, khung thang nâng di động, xe chuyên chở kiểu khung đỡ cột chống và xe công xưởng có lắp cần cầu
						4610179	Đại lý các loại máy móc và thiết bị khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Đại lý các loại máy móc, thiết bị khác không thuộc các nhóm trên
					461018		Đại lý ô tô, mô tô, xe máy, xe có động cơ khác và các bộ phận phụ trợ	
						4610181	Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống), loại mới	
						4610182	Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống), loại đã qua sử dụng	
						4610183	Đại lý xe có động cơ khác chở khách	
						4610184	Đại lý xe có động cơ khác chở hàng hóa	
						4610185	Đại lý xe có động cơ chuyên dụng khác	Gồm: Đại lý các loại ô tô chuyên dụng như: Xe bồn, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông, xe chiếu chụp X - Quang...
						4610186	Đại lý sảm, lốp của ô tô và xe có động cơ khác	
						4610187	Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ khác của ô tô và xe có động cơ khác	
						4610188	Đại lý mô tô, xe máy	Gồm cả xe máy điện, xe gắn máy Loại trừ: Xe đạp, xe đạp điện được phân vào nhóm 4610149

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4610189	Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ khác của mô tô, xe máy	Gồm cả phụ tùng và các bộ phận phụ trợ khác của xe máy điện, xe gắn máy Loại trừ: Phụ tùng và các bộ phận phụ trợ khác của xe đạp, xe đạp điện được phân vào nhóm 4610149
					461019		Đại lý các sản phẩm khác	
						4610191	Đại lý nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, napha - Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa,... - Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hóa lỏng - Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế
						4610192	Đại lý sắt thép loại khác (trừ sắt thép dùng cho xây dựng)	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Gang thỏi, gang thỏi không hợp kim; gang thỏi hợp kim; gang thỏi giàu mangan, hợp kim sắt-cacbon chứa trên 6% nhưng không quá 30% mangan tính theo trọng lượng dạng khối hoặc dạng cơ bản khác - Sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi, thanh, tấm, lá, dải, cuộn, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L,...)
						4610193	Đại lý kim loại và quặng kim loại (trừ sắt thép)	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: Đồng, chì, nhôm, kẽm, thiếc dạng thanh que, dạng hình, tấm, lá, dải và lá mỏng,... Loại trừ: Đồ dùng bằng kim loại
						4610194	Đại lý gỗ, tre, nứa chưa chế biến	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: gỗ, tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến dạng khúc, thanh nhỏ, cành,

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								bó hoặc các dạng tương tự
						4610195	Đại lý giấy và bìa các tông	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Giấy in báo, dạng cuộn hoặc tờ - Giấy và các tông không tráng dùng để in, làm thẻ - Giấy vệ sinh hoặc giấy dùng làm giấy lau mặt, giấy khăn ăn,... - Giấy và các tông không tráng khác - Giấy và các tông bồi - Giấy và các tông làn sóng - Giấy than, giấy tự copy,...
						4610199	Đại lý khoáng sản thiên nhiên và các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Đại lý các mặt hàng khoáng sản thiên nhiên chưa được phân loại ở trên
				46102	461020	4610200	Dịch vụ môi giới mua bán hàng hóa	Gồm: Dịch vụ liên quan đến hoạt động môi giới các loại hàng hóa Loại trừ: Dịch vụ liên quan đến hoạt động môi giới bảo hiểm, môi giới mua bán bất động sản
				46103	461030	4610300	Đấu giá hàng hóa	Gồm: Dịch vụ liên quan đến hoạt động đấu giá các loại hàng hóa Loại trừ: Dịch vụ liên quan đến các hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
		462	4620				Dịch vụ bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	
				46201			Dịch vụ bán buôn thóc, ngô, lúa mỳ, ngũ cốc	
					462011		Dịch vụ bán buôn thóc	
						4620111	Dịch vụ bán buôn thóc giống	
						4620119	Dịch vụ bán buôn thóc khác	
					462012		Dịch vụ bán buôn ngô, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4620121	Dịch vụ bán buôn ngô, lúa mỳ, ngũ cốc giống	
						4620129	Dịch vụ bán buôn ngô, lúa mỳ, ngũ cốc khác	
				46202			Dịch vụ bán buôn hoa và cây	
					462021	4620210	Dịch vụ bán buôn hoa và cây giống	
					462029	4620290	Dịch vụ bán buôn hoa và cây khác	
				46203			Dịch vụ bán buôn động vật sống, kể cả động vật nuôi làm cảnh	
					462031		Dịch vụ bán buôn động vật giống	
						4620311	Dịch vụ bán buôn con giống thủy sản	
						4620319	Dịch vụ bán buôn động vật giống khác	
					462039		Dịch vụ bán buôn động vật sống khác (trừ loại để làm giống)	
						4620391	Dịch vụ bán buôn động vật cảnh	Gồm: Dịch vụ bán buôn động vật cảnh như: chó, mèo, chim,...
						4620399	Dịch vụ bán buôn động vật sống khác (trừ động vật cảnh)	Gồm: Dịch vụ bán buôn động vật sống khác (trừ động vật cảnh) như: trâu, bò, cừu, dê,...
				46204	462040	4620400	Dịch vụ bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	
				46209			Dịch vụ bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre nứa)	
					462091		Dịch vụ bán buôn hạt, quả có dầu	
						4620911	Dịch vụ bán buôn hạt, quả có dầu dùng để làm giống	Gồm: Dịch vụ bán buôn hạt, quả có dầu dùng để làm giống như: ngũ cốc, quả và hạt có dầu, hạt giống hoa, hạt giống quả, hạt giống rau,...
						4620919	Dịch vụ bán buôn hạt, quả có dầu (trừ loại dùng để làm giống)	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					462092	4620920	Dịch vụ bán buôn lá thuốc lá, lá thuốc Lào	
					462093	4620930	Dịch vụ bán buôn da sống và bì sống	Gồm: Dịch vụ bán buôn: - Da sống đã khử lông hoặc lạng xẻ của động vật các loại - Da sống đã được gia công, chế biến sau khi thuộc hoặc làm mộc của động vật các loại
					462094	4620940	Dịch vụ bán buôn da thuộc	Gồm: Dịch vụ bán buôn da thuộc chưa thành phẩm, bán thành phẩm và thành phẩm
					462099	4620990	Dịch vụ bán buôn hàng nông sản khác (trừ giống cây trồng) chưa được phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ bán buôn hàng nông sản khác (trừ giống cây trồng) chưa được phân loại ở trên
		463					Dịch vụ bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	
			4631	46310	463100	4631000	Dịch vụ bán buôn gạo, lúa mỹ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ	
			4632				Dịch vụ bán buôn thực phẩm	
				46321			Dịch vụ bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt	
					463211	4632110	Dịch vụ bán buôn thịt và nội tạng dạng thịt	Gồm: Dịch vụ bán buôn thịt và nội tạng dạng thịt có thể ăn được của gia súc, gia cầm như: - Thịt gia súc tươi sống hoặc làm lạnh (trâu, bò, dê,...) - Thịt lợn, thịt thỏ tươi sống hoặc làm lạnh - Thịt gia cầm tươi sống hoặc làm lạnh (gà, vịt, ngan, ngỗng,...) Loại trừ: Dịch vụ bán buôn các sản phẩm chế biến từ thịt và nội tạng thịt (lòng, ruột, gan,...) tươi sống hoặc làm lạnh, ướp lạnh được phân vào nhóm 4632120

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					463212	4632120	Dịch vụ bán buôn các sản phẩm chế biến từ thịt và nội tạng dạng thịt	Gồm: Dịch vụ bán buôn các sản phẩm chế biến từ thịt và nội tạng dạng thịt như: - Thịt lợn ướp muối, sấy khô hoặc hun khói (thịt lợn muối hoặc giăm bông) - Thịt bò muối, sấy khô hoặc hun khói; - Thịt khác có thể ăn được, ướp muối, ngâm muối, sấy khô hoặc hun khói (loại trừ thịt lợn, thịt bò); thịt xay - Xúc xích và các sản phẩm tương tự - Thịt viên,... Loại trừ: Dịch vụ bán buôn gia súc, gia cầm sống được phân vào mã 46203
				46322			Dịch vụ bán buôn thủy sản	
					463221	4632210	Dịch vụ bán buôn thủy sản tươi, đông lạnh	Gồm: Dịch vụ bán buôn thủy sản tươi, đông lạnh như: - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) tươi sống hoặc làm lạnh - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) được chế biến sẵn thành khúc hoặc băm viên và bảo quản bằng đông lạnh - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) được cắt khúc phơi khô, ướp muối hoặc ngâm muối - Trứng cá muối ướp lạnh - Món ăn hải sản được chế biến sẵn trong đó cá (tôm, cua, mực,...) là thành phần chính - Cá xốt các loại, đóng hộp - Cá ngâm dầu, ngâm giấm - Cá được tệt trùng, khử trùng - Cá (tôm, ,...) tẩm bột; cá viên, cá xay thành bột,

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								cá đóng thành bánh, xúc xích cá - Pa tê cá, cá hun khói
					463222	4632220	Dịch vụ bán buôn nước mắm	
					463223	4632230	Dịch vụ bán buôn thủy sản khô và chế biến khác	Gồm: Dịch vụ bán buôn thủy sản khô và chế biến khác chưa được phân loại ở trên
				46323			Dịch vụ bán buôn rau, quả	
					463231	4632310	Dịch vụ bán buôn rau, quả tươi, đông lạnh	Gồm: Dịch vụ bán buôn rau, quả tươi, đông lạnh như: - Rau lấy lá (bắp cải, súp lơ,...) tươi sống - Rau lấy củ, lấy rễ tươi sống - Rau, củ, quả được bảo quản lạnh - Rau, củ, quả đóng hộp bảo quản lạnh
					463232	4632320	Dịch vụ bán buôn rau, quả chế biến	Gồm: Dịch vụ bán buôn rau, quả chế biến như: rau, củ, quả đã được chuẩn bị sẵn hoặc đã được chế biến sẵn
				46324			Dịch vụ bán buôn cà phê	
					463241	4632410	Dịch vụ bán buôn cà phê hạt chưa rang	
					463242	4632420	Dịch vụ bán buôn cà phê hạt đã rang, cà phê bột	Gồm: Dịch vụ bán buôn cà phê hạt đã rang, cà phê bột như: - Cà phê hạt được lọc hết chất ca phê in hoặc được rang - Bột cà phê, tinh chất cà phê - Cà phê hòa tan hoặc pha, đã được lọc hết chất ca phê in hoặc chưa - Bột cà phê đã được lọc hết chất ca phê in hoặc chưa - Hỗn hợp cà phê (pha trộn cà phê đã được rang với vegetable fats) - Các chất pha chế cà phê:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Gồm toàn bộ hoặc một phần cà phê nguyên chất - Gồm tinh chất cà phê, chiết xuất cà phê hoặc bột cà phê - Các chất thay thế cà phê, tinh chất cà phê, bột cà phê được rang, bao gồm: bột ngũ cốc, hạt dẻ, rễ rau diếp xoăn (sao và xay ra để trộn với cà phê hoặc thay cà phê), hạt quả hạnh nhân, mạch nha, đậu tương, đậu nành,...
				46325			Dịch vụ bán buôn chè :	
					463251	4632510	Dịch vụ bán buôn chè chưa chế biến	
					463252	4632520	Dịch vụ bán buôn chè đã chế biến	Gồm: Dịch vụ bán buôn chè đã chế biến như: - Chè xanh (chưa được lên men), chè đen đã được lên men và một phần chè được lên men, được đóng gói trong hộp không quá 3kg - Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc từ chè hoặc chè Paragoay và các chế phẩm có thành phần cơ bản là các chất trên hoặc có thành phần cơ bản từ chè hoặc chè Paragoay - Chè nhúng các loại - Tinh chất, chiết xuất, bột chè và các chất pha chế với nguyên liệu chính từ chè
				46326			Dịch vụ bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	
					463261	4632610	Dịch vụ bán buôn đường	Gồm: Dịch vụ bán buôn đường như: đường mía, đường từ cây củ cải đường, đường đã được tinh chế,

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								đường viên, mật đường,...
					463262	4632620	Dịch vụ bán buôn sữa và các sản phẩm sữa	Gồm: Dịch vụ bán buôn sữa như: - Sữa được tiệt trùng, bảo quản lạnh (bò, dê,...) - Sữa đã được hớt váng một phần hoặc hoàn toàn - Sữa giàu thành phần vitamin, muối khoáng hoặc thêm vào các thành phần sữa tự nhiên - Sữa đã được peptone hóa, sữa chua,... - Sữa đã được khôi phục lại về chất và về lượng của các chất tổng hợp - Bánh sữa các loại,... - Kem và nước trái cây đông lạnh
					463263	4632630	Dịch vụ bán buôn bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	Gồm: Dịch vụ bán buôn bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột như: - Bánh giòn (bánh quy, bánh mỳ,...), bánh bít cốt, bánh mỳ nướng, bánh mỳ ướp gừng, bánh ngọt, bánh quế và bánh xốp,... - Bánh ngọt, bánh nướng, bánh bao các loại
				46329			Dịch vụ bán buôn thực phẩm khác	
					463291	4632910	Dịch vụ bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng	Gồm: Dịch vụ bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng như: trứng tươi nguyên vỏ hoặc đã được bảo quản, nấu chín,...
					463292	4632920	Dịch vụ bán buôn dầu, mỡ động thực vật	Gồm: Dịch vụ bán buôn dầu mỡ động, thực vật như: - Mỡ trâu, bò, cừu, dê, lợn và gia cầm còn sống hoặc đã rán - Dầu mỡ động, thực vật thô và đã tinh chế

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Dầu đậu tương, lạc, ô liu, hướng dương, hoa rum, hạt bông, hạt cải dầu và dầu mù tạt, thô - Dầu cọ, dầu dừa, dầu hạt cọ, dầu babassu và dầu hạt lạnh thô - Dầu đỗ tương, lạc, ô liu, hướng dương, hoa rum, hạt bông, hạt cải dầu, mù tạt và các thành phần của chúng, đã tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học; dầu khác chế biến từ dầu ô liu, dầu vừng và các thành phần của chúng, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học - Dầu ngũ cốc (ngô) và các thành phần của nó, không thay đổi thành phần hóa học - Dầu cọ, dầu dừa, dầu hạt cọ, dầu babassu, dầu hạt lạnh và các thành phần của chúng, đã tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học; dầu thầu dầu, dầu tung, dầu jojoba, dầu và mỡ thực vật đông đặc (loại trừ dầu ngô) và các thành phần của chúng chưa được phân vào đâu, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học - Margarin (bơ thực vật) và những chế phẩm tương tự - Dầu và mỡ động, thực vật và các thành phần của chúng, đã qua hydro hóa, este hóa liên hợp, tái este hóa hoặc eledin hóa toàn bộ hoặc từng phần, đã hoặc chưa tinh chế

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								nhưng chưa chế biến thêm
					463293	4632930	Dịch vụ bán buôn hạt tiêu và gia vị khác	Gồm: Dịch vụ bán buôn như: - Nước xốt, đồ gia vị hỗn hợp - Bột mịn và bột thô từ hạt mù tạt - Mù tạt đã được chế biến - Dấm và các chất thay dấm được chế biến từ axit axetic
					463299	4632990	Dịch vụ bán buôn thực phẩm khác chưa phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ bán buôn các thực phẩm khác còn lại chưa được phân vào đâu như: - Các chế phẩm thuần nhất từ thịt, rau, quả và hạt - Các chế phẩm từ sữa, bột mịn, bột thô, tinh bột hoặc chiết xuất từ mạch nha dùng cho trẻ nhỏ chưa được phân vào đâu - Các chế phẩm thức ăn tổng hợp chế biến thuần nhất - Thức ăn cho động vật cảnh, vật nuôi (thú cưng)
			4633				Dịch vụ bán buôn đồ uống	
				46331			Dịch vụ bán buôn đồ uống có cồn	
					463311	4633110	Dịch vụ bán buôn rượu	Gồm: Dịch vụ bán buôn rượu như: - Rượu etylic chưa bị làm biến tính nồng độ cồn từ 80% trở lên - Rượu etylic và các rượu mạnh khác đã bị biến tính ở mọi nồng độ - Rượu etylic chưa bị làm biến tính có nồng độ cồn dưới 80%; rượu mạnh, rượu mùi và các đồ uống có rượu khác; hợp chất có cồn được dùng để sản xuất đồ uống

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Rượu vang nho tươi có ga nhẹ - Rượu vang nho tươi loại trừ rượu vang có ga nhẹ; hèm rượu - Rượu vermourth và rượu vang khác làm từ nho đã pha thêm hương vị bằng thảo mộc hoặc chất thơm khác - Rượu táo, rượu lê, rượu mật ong và các đồ uống lên men khác loại trừ rượu nho tươi và bia sản xuất từ mạch nha - Rượu mạch nha và mạch nha
					463312	4633120	Dịch vụ bán buôn bia	
				46332	463320	4633200	Dịch vụ bán buôn đồ uống không có cồn	Gồm: Dịch vụ bán buôn đồ uống không cồn như: - Nước ngọt, nước khoáng, nước có gas,... - Nước cam, nước chanh, nước quả khác,...
			4634	46340	463400	4634000	Dịch vụ bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	Gồm: Dịch vụ bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào như: - Xi gà, xi gà xén hai đầu, xi gà nhỏ và thuốc lá điều chế biến từ lá thuốc lá hoặc các chất thay thế thuốc lá lá - Thuốc lá lá đã chế biến và các chất thay thế thuốc lá lá - Thuốc lá điện tử - Các phụ kiện hút thuốc (bao gồm: bật lửa, tẩu thuốc, thiết bị cuộn thuốc lá...)
		464					Dịch vụ bán buôn đồ dùng gia đình	Gồm: Dịch vụ bán buôn đồ dùng gia đình, kể cả hàng dệt
			4641				Dịch vụ bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	Gồm: Dịch vụ bán buôn hàng dệt, quần áo và hàng quần áo may sẵn khác, giày dép,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				46411	464110	4641100	Dịch vụ bán buôn vải	Gồm: Dịch vụ bán buôn vải như: - Các loại vải dệt từ sợi dệt tự nhiên - Các loại vải dệt từ sợi bông - Các loại vải dệt từ sợi filament tổng hợp hoặc sợi staple nhân tạo - Các loại vải đặc biệt khác
				46412	464120	4641200	Dịch vụ bán buôn chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác	Gồm: Dịch vụ bán buôn chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác như: - Chăn lông vũ,... - Khăn, ga trải giường, khăn ăn, khăn bàn hoặc bếp - Đệm ghế, gối... - Màn, rèm, màn, áo gối, tấm phủ máy móc hoặc bàn ghế - Vải nhựa, vải dầu, lều bạt, đồ cắm trại, buồm, bạt che ô tô, che máy móc và bàn ghế - Cờ, biểu ngữ, cờ hiệu, diềm,... - Vải lau bụi, khăn lau bát, chén, đĩa và các đồ tương tự, áo cứu đuối, dù, ô... - Bao tải, túi các loại được sử dụng cho việc đóng gói hàng hóa - Dây bện, dây thừng, dây chảo, dây cáp, nút dây lưới,... - Nhãn, mác và các nguyên vật liệu tương tự không được nêu, dải viền, dây tết từng mảnh; đồ có tính chất trang trí từng mảnh không nêu, trừ được đan, móc; quả tua, nệm tua, quả ngù len dùng để trang trí và các đồ tương tự,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Dây đăng ten, ren, vải ren rời từng miếng... - Đồ độn, lót (bông, len,...),... - Sợi, chỉ bọc kim loại, sợi dây viền quần áo, cái khâu, cái móc, khuyết áo,... - Dây ni lông dai, dây poliamit, dây pôliexte, sợi vitcô,... - Sản phẩm sợi và các đồ sử dụng kỹ thuật (bao gồm: bắc, măng xông đèn, ống phun nước, truyền hoặc dây băng tải,...) - Chỉ khâu, chỉ thêu và hàng dệt khác
				46413	464130	4641300	Dịch vụ bán buôn hàng may mặc	Gồm: Dịch vụ bán buôn hàng may mặc như: - Quần áo mặc ngoài loại trừ quần áo lông thú, kể cả quần áo thể thao, cho nam giới và trẻ em trai - Quần áo mặc ngoài loại trừ quần áo lông thú, kể cả quần áo thể thao, cho phụ nữ và trẻ em gái - Đồ phụ trợ hàng may mặc như: khăn quàng cổ, găng tay, tất, cravat,...
				46414	464140	4641400	Dịch vụ bán buôn giày, dép	Gồm: Dịch vụ bán buôn giày, dép bằng mọi loại chất liệu và các bộ phận của giày dép; miếng lót của giày dép có thể tháo rời gót giày và các sản phẩm tương tự; ghệt, ống giày và các sản phẩm tương tự và các sản phẩm của nó
			4642				Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng; thảm, đệm và thiết bị chiếu sáng	
				46421			Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
							tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng	
					464211		Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình	
						4642111	Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình bằng gỗ	Gồm: Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong gia đình bằng gỗ như: giường, tủ, bàn ghế... bằng gỗ
						4642112	Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình bằng vật liệu khác	Gồm: Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong gia đình bằng vật liệu khác (song, mây,...)
					464212		Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong văn phòng, cửa hàng	
						4642121	Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong văn phòng, cửa hàng bằng gỗ	Gồm: Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong văn phòng, cửa hàng bằng gỗ như: bàn, ghế, tủ văn phòng... bằng gỗ
						4642122	Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong văn phòng, cửa hàng bằng vật liệu khác	Gồm: Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong văn phòng, cửa hàng bằng vật liệu khác (song, mây,...)
				46422			Dịch vụ bán buôn thảm, đệm	
					464221	4642210	Dịch vụ bán buôn đệm	Gồm: Dịch vụ bán buôn đệm như: đệm lò xo, đệm mút, đệm cao su,...
					464222	4642220	Dịch vụ bán buôn thảm	Gồm: Dịch vụ bán buôn thảm như: thảm treo tường, thảm trải sàn,...
				46423	464230	4642300	Dịch vụ bán buôn thiết bị chiếu sáng	Gồm: Dịch vụ bán buôn thiết bị chiếu sáng như: đèn, các thiết bị điện và các bộ phận của chúng
			4649				Dịch vụ bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				46491	464910	4649100	Dịch vụ bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác	Gồm: Dịch vụ bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác như: - Túi, vali để đựng đồ đạc, túi sách tay và các loại tương tự,... - Bộ đồ yên cương - Các đồ bằng da khác như: Thắt lưng, dây đeo đồng hồ (trừ loại bằng kim loại) - Đồ dùng cho du lịch bằng da hoặc giả da khác,...
				46492			Dịch vụ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	
					464921	4649210	Dịch vụ bán buôn dược phẩm (trừ thuốc thú y)	Gồm: Dịch vụ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế như: - Thuốc tân dược - Axit salixilic và chiết xuất muối và este của nó - Lizin và chiết xuất muối và este của nó - Axit glutamic và chiết xuất muối của nó,... - Hợp chất lactoza,... - Đường tinh luyện, đường khác,... - Glicozit và alkaloit thực vật và chiết xuất muối của nó,... - Dược phẩm dùng để phòng bệnh hoặc chữa bệnh - Dược phẩm khác - Vật phẩm khác cho mục đích phẫu thuật hoặc dược phẩm
					464922	4649220	Dịch vụ bán buôn dụng cụ y tế	Gồm: Dịch vụ bán buôn dụng cụ y tế như: - Dụng cụ y tế và chỉnh hình; dụng cụ dựa trên tia X quang hoặc tia alpha, bê ta hoặc tia gram ma - Dụng cụ chẩn đoán mạch điện, dụng cụ chiếu siêu âm được sử dụng trong

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								khoa nội, phẫu thuật, nha khoa hoặc khoa học thú y - Các dụng cụ khác (bao gồm: ống tiêm, kim tiêm và các dụng cụ tương tự) được sử dụng trong khoa học nha khoa - Các dụng cụ khác được sử dụng trong y tế, phẫu thuật hoặc khoa học thú y (bao gồm: ống tiêm, kim tiêm, ống thông đường tiểu, ống thông dò, dụng cụ chữa mắt và các thiết bị khác chưa được phân vào đầu và các dụng cụ điện hóa học khác chưa được phân vào đầu) - Dụng cụ chỉnh hình; các thanh nẹp và các dụng cụ dùng cho gãy xương khác; một phần cơ thể nhân tạo; trợ thính và các dụng cụ khác được mang hoặc đeo khác hoặc được cấy dưới da để bù đắp cho các khuyết điểm hoặc sự bất lực - Trang bị nội thất cho y tế, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y; ghế nha khoa và các loại ghế tương tự có thể xoay được cũng như di chuyển ngửa được ra hoặc nâng lên được
					464923	4649230	Dịch vụ bán buôn thuốc thú y	
				46493	464930	4649300	Dịch vụ bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	Gồm: Dịch vụ bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh như: - Xà phòng, các sản phẩm hoạt động bề mặt cơ bản - Thuốc tẩy - Nước hoa, nước thơm, dầu thơm - Các chế phẩm vệ sinh: Xà phòng thơm, nước

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi - Hóa mỹ phẩm: Son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt, các chế phẩm chống nắng hoặc bắt nắng, các chế phẩm dùng để trang điểm móng tay hoặc móng chân, chế phẩm dùng cho tóc,... - Chế phẩm dùng cho vệ sinh răng hoặc miệng, kể cả kem và bột làm sạch chân răng - Các chế phẩm dùng trước, trong hoặc sau khi cạo mặt, các chất khử mùi cơ thể, các chế phẩm dùng để tắm rửa, thuốc làm rụng lông và các chế phẩm nước hoa, mỹ phẩm hoặc vệ sinh khác
				46494	464940	4649400	Dịch vụ bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh	Gồm: Dịch vụ bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh như: - Đồ gốm, sứ, thủy tinh dùng trong gia đình và đồ gốm dùng để trang trí - Các bức tượng gốm, sứ, thủy tinh nhỏ - Đồ gốm, sứ, thủy tinh dùng để cách ly (cách điện,...)
				46495	464950	4649500	Dịch vụ bán buôn đồ điện gia dụng	Gồm: Dịch vụ bán buôn đồ điện dân dụng như: Máy điều hòa, quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, bàn là, máy sấy tóc,...
				46496			Dịch vụ bán buôn giá sách, kệ và đồ nội thất tương tự	
					464961	4649610	Dịch vụ bán buôn giá sách, kệ và đồ nội thất tương tự bằng gỗ	Gồm: Dịch vụ bán buôn giá sách, kệ và đồ nội thất tương tự bằng gỗ như: giá sách, kệ bằng gỗ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					464962	4649620	Dịch vụ bán buôn giá sách, kệ và đồ nội thất tương tự bằng vật liệu khác	Gồm: Dịch vụ bán buôn giá sách, kệ và đồ nội thất tương tự bằng vật liệu khác (song, mây,...)
				46497			Dịch vụ bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	
					464971	4649710	Dịch vụ bán buôn sách, báo, tạp chí	Gồm: Dịch vụ bán buôn sách, báo, tạp chí như: - Các loại sách in, tờ in rời (loại trừ ấn phẩm quảng cáo), bản đồ, từ điển, bách khoa toàn thư - Các loại báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ, xuất bản ít hơn 1 lần trong tháng - Các loại báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ, xuất bản ít nhất 1 lần trong tháng
					464972	4649720	Dịch vụ bán buôn văn phòng phẩm	Gồm: Dịch vụ bán buôn văn phòng phẩm như: - Tem, mẫu séc, giấy chứng nhận các loại, bưu thiếp, ấn phẩm quảng cáo; đề can,... - Sổ đăng ký, sổ sách kế toán, sổ ghi chép, quyển biên lai, nhật ký và các sản phẩm tương tự - Giấy thấm, bìa đóng giấy, bìa hồ sơ, tờ khai và những sản phẩm văn phòng khác bằng giấy hoặc bìa giấy - Các sản phẩm văn phòng khác (bút viết, bút chì, bảng các loại, phấn vẽ,...)
				46498	464980	4649800	Dịch vụ bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	Gồm: Dịch vụ bán buôn dụng cụ, thiết bị thể dục, thể thao như: - Ván trượt tuyết, ván lướt sóng, thuyền thể thao, thuyền giải trí; Giày trượt băng, giày trượt patin; dụng cụ thể dục, vợt, bóng...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Huy chương, cúp thể thao...
				46499			Dịch vụ bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	
					464991	4649910	Dịch vụ bán buôn xe đạp và xe đạp điện	Gồm: Dịch vụ bán buôn xe đạp, xe đạp điện, xe một bánh, ván trượt, xe scooter,..., bao gồm các bộ phận và phụ kiện liên quan
					464992		Dịch vụ bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức	
						4649921	Dịch vụ bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường	
						4649922	Dịch vụ bán buôn đồ trang sức	Gồm: Dịch vụ bán buôn đồ trang sức như: ngọc trai, kim cương, đồ kim hoàn và các sản phẩm bằng kim loại quý...
					464993	4649930	Dịch vụ bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh	Gồm: Dịch vụ bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh như: - Kính đeo mắt, kính bảo hộ và các loại tương tự để hiệu chỉnh, bảo vệ hoặc mục đích khác - Khung và gọng kính đeo, kính bảo hộ hoặc tương tự và các bộ phận của chúng; - Ống nhòm loại hai mắt, ống nhòm đơn, kính thiên văn, kính viễn vọng quang học khác; Thiết bị thiên văn - Máy đọc vi phim, vi thê hoặc vi bản khác, có hoặc không có khả năng sao chép - Các tấm dùng chụp ảnh và phim chụp ảnh dạng phẳng, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, bằng vật liệu bất kỳ trừ giấy, bìa hoặc vật liệu dệt; phim in ngay dạng

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								phẳng, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, đã hoặc chưa đóng gói - Phim chụp ảnh ở dạng cuộn, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, bằng vật liệu bất kỳ trừ giấy, bia hoặc vật liệu dệt; phim in ngay ở dạng cuộn, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng - Phim chụp ảnh bằng giấy, bia và vật liệu dệt, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng - Chế phẩm hóa chất dùng trong nhiếp ảnh (trừ vecni, keo hồ, chất kết dính và các chế phẩm tương tự); các sản phẩm chưa pha trộn dùng trong nhiếp ảnh, đã đóng gói theo định lượng hoặc đóng gói để bán lẻ ở dạng sử dụng được ngay
					464994	4649940	Dịch vụ bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm, hình ảnh	
					464995		Dịch vụ bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi	
						4649951	Dịch vụ bán buôn nhạc cụ	Gồm: Dịch vụ bán buôn nhạc cụ như: đàn piano, nhạc cụ có dây, nhạc cụ hơi, nhạc cụ mà âm thanh của nó được tạo ra hoặc phải khuếch đại bằng điện, nhạc cụ khác,...
						4649952	Dịch vụ bán buôn sản phẩm đồ chơi	Gồm: Dịch vụ bán buôn sản phẩm đồ chơi như: búp bê, đồ chơi tàu điện, tàu hỏa,... các đồ chơi đồ trí, các đồ chơi khác,...
						4649953	Dịch vụ bán buôn sản phẩm trò chơi	Gồm: Dịch vụ bán buôn sản phẩm trò chơi như: trò chơi video loại dùng với máy vô tuyến,...
					464996	4649960	Dịch vụ bán buôn dao, kéo	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					464997	4649970	Dịch vụ bán buôn thiết bị phát thanh, truyền hình và thiết bị phát video	Gồm: Dịch vụ bán buôn thiết bị phát thanh, truyền hình và thiết bị phát video như: radio, tivi, thiết bị Hi-Fi, máy ghi hình, máy quay phim kết hợp,...
					464999	4649990	Dịch vụ bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân loại ở trên, như: - Diêm, đồ dùng chỉ tóc, lược, đồ trang sức giả, ... - Thiết bị trẻ em, đồ dùng cho trẻ em (bao gồm: xe đẩy trẻ em, xe tập đi, đồ trẻ em, ghế ngồi ô tô trẻ em, ...)
		465					Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	
			4651	46510	465100	4651000	Dịch vụ bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	Gồm: Dịch vụ bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm như: - Máy tính, thiết bị ngoại vi, bảng thông minh - Phần mềm chuyên dụng các loại, phần mềm trò chơi được cung cấp trên phương tiện vật lý
			4652	46520	465200	4652000	Dịch vụ bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	Gồm: Dịch vụ bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông như: - Van, ống điện tử - Thiết bị bán dẫn - Mạch tích hợp và mạch vi xử lý - Mạch in - Thiết bị điện thoại và truyền thông, ví dụ: Điện thoại di động và modem... - Thiết bị vô tuyến, hữu tuyến - Các thiết bị truyền dẫn của đài, ti vi, máy quay - Các thiết bị điện tử dùng cho hệ thống điện thoại hoặc điện tín

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Ăng ten, hệ thống báo cháy,...
			4653	46530	465300		Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	
						4653001	Dịch vụ bán buôn máy cắt cỏ	
						4653002	Dịch vụ bán buôn máy kéo được sử dụng trong nông, lâm nghiệp	
						4653009	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp khác	
			4659				Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	
				46591	465910	4659100	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	Gồm: Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng như: - Máy ủi đất lưỡi thẳng, máy ủi đất lưỡi nghiêng, máy san đất, máy cạp đất, máy xúc ủi đất cơ khí, máy đào đất, máy chở đất có gàu tự xúc, máy đầm và lu lăn đường, loại tự hành - Máy ủi xúc dọn, cào, san, cạp, đào,...dùng trong công việc về đất - Máy đóng cọc và nhổ cọc; máy xới tuyết và dọn tuyết - Máy phân loại, sàng lọc, phân tích, rửa, nghiền, xay, trộn hoặc nhào đất, đá,...
				46592	465920	4659200	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	Gồm: Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) như: - Động cơ điện, máy phát điện và các loại tương tự - Biến thế, máy nắn dòng tĩnh và bộ cảm điện

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Thiết bị kiểm tra và phân phối điện và bộ phận của chúng - Dây và cáp cách điện, cáp sợi quang - Ấc quy, bộ pin và các loại và bộ phận của chúng - Đèn điện dây tóc hoặc đèn phóng điện; đèn hồ quang, thiết bị chiếu sáng và bộ phận của chúng - Thiết bị điện khác và bộ phận của chúng
				46593	465930	4659300	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày	Gồm: Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày như: - Máy dùng để chuẩn bị dệt, xe sợi, dệt vải và dệt kim,... - Máy dùng để sản xuất hàng dệt,... - Máy dùng để sơ chế, thuộc hoặc chế biến da sống, da thuộc hoặc máy để sản xuất sửa chữa giày dép và các sản phẩm khác từ da sống hoặc da thuộc, loại trừ máy khâu
				46594	465940	4659400	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi)	Gồm: Dịch vụ bán buôn máy móc, phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi) như: - Máy đóng sách - Máy sắp chữ - Máy in, máy hủy giấy, máy fax,... - Máy tính cầm tay, máy tính tiền,... - Máy photocopy - Phụ tùng và bộ phận phụ trợ của các loại máy kể trên,...
				46595	465950	4659500	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị y tế	Gồm: Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị y tế như: - Thiết bị y tế và phẫu

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								thuật - Các dụng cụ khác (trừ ống tiêm, kim tiêm và các dụng cụ tương tự) được sử dụng trong khoa học nha khoa - Máy khử trùng y tế, phẫu thuật hoặc trong thí nghiệm - Các dụng cụ khác được sử dụng trong y tế, phẫu thuật hoặc khoa học thú y (không gồm: ống tiêm, kim tiêm, ống thông đường tiểu, ống thông dò, dụng cụ chữa mắt và các thiết bị khác chưa được phân vào đầu và các dụng cụ điện hóa học khác chưa được phân vào đầu) - Máy trị liệu; dụng cụ mát xa; dụng cụ kiểm tra khả năng thuộc tâm lý; trị liệu bằng ozon, bằng oxy, bằng bình phun, dụng cụ hô hấp nhân tạo hoặc dụng cụ hô hấp chữa bệnh; các dụng cụ thở khác và mặt nạ phòng hơi độc (bao gồm: mặt nạ bảo vệ những bộ phận y tế hoặc máy lọc có thể thay thế được) - Máy sử dụng tia phóng xạ X quang, tia anpha, beta hoặc gamma - Máy chẩn đoán dùng điện và máy tia cực tím hoặc tia hồng ngoại, dùng trong kỹ thuật ngành y phẫu thuật nha khoa hoặc thú y
				46599	465990	4659900	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đầu	Gồm: Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân loại ở trên
		466					Dịch vụ bán buôn ô tô, mô tô, xe máy, xe có động cơ khác và các bộ phận phụ trợ	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
			4661				Dịch vụ bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	
				46611	466110		Dịch vụ bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	Loại trừ: - Dịch vụ cho thuê ô tô có kèm người lái - Dịch vụ cho thuê ô tô
						4661101	Dịch vụ bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống), loại mới	
						4661102	Dịch vụ bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống), loại đã qua sử dụng	
				46619			Dịch vụ bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác	
					466191		Dịch vụ bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác, loại mới	
						4661911	Dịch vụ bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác, loại mới, chở khách	
						4661912	Dịch vụ bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác, loại mới, chở hàng hóa	
						4661913	Dịch vụ bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác, loại mới, loại khác	
					466192		Dịch vụ bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng	
						4661921	Dịch vụ bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng, chở khách	
						4661922	Dịch vụ bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng, chở hàng hóa	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4661923	Dịch vụ bán buôn ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng, loại khác	
			4662	46620			Dịch vụ bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	
					466201	4662010	Dịch vụ bán buôn săm, lốp ô tô và xe có động cơ khác	
					466202	4662020	Dịch vụ bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ khác của ô tô và xe có động cơ khác	
			4663				Dịch vụ bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	
				46631	466310	4663100	Dịch vụ bán buôn mô tô, xe máy	
				46632	466320	4663200	Dịch vụ bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	
		467					Dịch vụ bán buôn chuyên doanh khác	
			4671				Dịch vụ bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	
				46711			Dịch vụ bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	
					467111	4671110	Dịch vụ bán buôn than đá	
					467112	4671120	Dịch vụ bán buôn nhiên liệu rắn khác	
				46712	467120	4671200	Dịch vụ bán buôn dầu thô	
				46713			Dịch vụ bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	
					467131	4671310	Dịch vụ bán buôn xăng	
					467132	4671320	Dịch vụ bán buôn dầu diesel	
					467139	4671390	Dịch vụ bán buôn dầu khác và các sản phẩm liên quan	
				46714	467140	4671400	Dịch vụ bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	
			4672				Dịch vụ bán buôn kim loại và quặng kim loại	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				46721	467210	4672100	Dịch vụ bán buôn quặng kim loại	Gồm: Dịch vụ bán buôn quặng kim loại như: quặng sắt, quặng đồng, chì, nhôm, kẽm và quặng kim loại màu khác,...
				46722	467220	4672200	Dịch vụ bán buôn sắt, thép	Gồm: Dịch vụ bán buôn sắt, thép như: - Gang thỏi, gang thỏi không hợp kim; gang thỏi hợp kim; gang thỏi giàu mangan, hợp kim sắt-cacbon chứa trên 6% nhưng không quá 30% mangan tính theo trọng lượng dạng khối hoặc dạng cơ bản khác - Sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi, thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L,...)
				46723			Dịch vụ bán buôn kim loại khác	
					467231	4672310	Dịch vụ bán buôn đồng	
					467232	4672320	Dịch vụ bán buôn nhôm	
					467239	4672390	Dịch vụ bán buôn kim loại khác chưa phân loại vào đầu	Gồm: Dịch vụ bán buôn kim loại khác chưa được phân loại ở trên
				46724			Dịch vụ bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác	
					467241	4672410	Dịch vụ bán buôn vàng	Gồm: Dịch vụ bán buôn vàng như: vàng dạng bột, vảy, thanh, thỏi,...
					467249	4672490	Dịch vụ bán buôn bạc và kim loại quý khác	Gồm: Dịch vụ bán buôn bạc và kim loại quý như: bạc dạng bột, vảy, thanh, thỏi,...
			4673				Dịch vụ bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	
				46731	467310	4673100	Dịch vụ bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	
				46732	467320	4673200	Dịch vụ bán buôn xi măng	Gồm: Dịch vụ bán buôn xi măng như: xi măng đen, xi măng trắng; clanhke...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				46733	467330	4673300	Dịch vụ bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	
				46734	467340	4673400	Dịch vụ bán buôn kính xây dựng	Gồm: Dịch vụ bán buôn kính xây dựng như: kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, cửa sổ, cửa ra vào,...
				46735	467350	4673500	Dịch vụ bán buôn sơn, véc ni	Gồm: Dịch vụ bán buôn sơn, véc ni như: - Sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép - Bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm
				46736	467360	4673600	Dịch vụ bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	
				46737	467370	4673700	Dịch vụ bán buôn đồ ngũ kim dùng cho xây dựng	Gồm: Dịch vụ bán buôn đồ ngũ kim dùng cho xây dựng như: - Khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào,... - Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác, kể cả dụng cụ cầm tay dùng điện,...
				46739	467390	4673900	Dịch vụ bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Gồm: Dịch vụ bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng như: - Ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác - Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...
			4679				Dịch vụ bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	
				46791			Dịch vụ bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	
					467911	4679110	Dịch vụ bán buôn phân bón	
					467912	4679120	Dịch vụ bán buôn thuốc trừ sâu và hoá chất khác sử dụng trong nông nghiệp	Gồm: Dịch vụ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp như: Thuốc trừ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								sâu, sản phẩm nông hóa (bao gồm: thuốc trừ cỏ, thuốc chống nảy mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây,...)
				46792	467920	4679200	Dịch vụ bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	Gồm: Dịch vụ bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh, dẫn xuất của tinh bột, tinh dầu thuốc lá điện tử...
				46793	467930	4679300	Dịch vụ bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh	Gồm: Dịch vụ bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh như: Hạt, bột, bột nhão,...
				46794	467940	4679400	Dịch vụ bán buôn cao su	Gồm: Dịch vụ bán buôn cao su như: - Lớp xe cao su và ống cao su,... - Các sản phẩm bằng cao su khác,... - Bán thành phẩm plastic - Các sản phẩm để đóng gói bằng plastic
				46795	467950	4679500	Dịch vụ bán buôn tơ, xơ, sợi dệt	Gồm: Dịch vụ bán buôn tơ, xơ, sợi dệt như: - Tơ, xơ dệt - Sợi dệt đã xe
				46796	467960	4679600	Dịch vụ bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	Gồm: Dịch vụ bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép như: - Phụ liệu may mặc như: Mex dựng, độn vai, canh tóc, khóa kéo,... - Phụ liệu giày dép như: mũi giày, lót giày, đế giày, đinh bấm,...
				46797			Dịch vụ bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					467971	4679710	Dịch vụ bán buôn phế liệu, phế thải kim loại	Gồm: Dịch vụ bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, bao gồm dịch vụ thu mua, dịch vụ sắp xếp, dịch vụ phân loại, làm sạch hàng hóa kim loại đã qua sử dụng để lấy ra phụ tùng có thể sử dụng lại, dịch vụ đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa
					467972	4679720	Dịch vụ bán buôn phế liệu, phế thải phi kim loại	Gồm: Dịch vụ bán buôn phế liệu, phế thải phi kim loại, bao gồm dịch vụ thu mua, dịch vụ sắp xếp, dịch vụ phân loại, làm sạch hàng hóa phi kim loại đã qua sử dụng để lấy ra phụ tùng có thể sử dụng lại, dịch vụ đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa
				46799			Dịch vụ bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	
					467991	4679910	Dịch vụ bán buôn bột giấy	Gồm: Dịch vụ bán buôn bột giấy như: Bột giấy làm từ gỗ hoặc các sợi xenlulo khác
					467992	4679920	Dịch vụ bán buôn đá quý	
					467999	4679990	Dịch vụ bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân loại ở trên
		469	4690	46900	469000	4690000	Dịch vụ bán buôn tổng hợp (bán nhiều loại hàng hóa)	Gồm: Dịch vụ bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào
	47	470	4700				Dịch vụ bán lẻ	
				47001			Dịch vụ bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào	
					470011	4700110	Dịch vụ bán lẻ lương thực	
					470012		Dịch vụ bán lẻ thực phẩm	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4700121	Dịch vụ bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt	Gồm: Dịch vụ bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt như: thịt gia súc tươi sống hoặc làm lạnh (trâu, bò, dê,...); thịt lợn, thịt thỏ tươi sống hoặc làm lạnh; thịt gia cầm tươi sống hoặc làm lạnh (gà, vịt, ngan, ngỗng,...); các sản phẩm chế biến từ thịt và nội tạng thịt (lòng, ruột, gan,...) tươi sống hoặc làm lạnh...
						4700122	Dịch vụ bán lẻ thủy sản	Gồm: Dịch vụ bán lẻ thủy sản như: - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) tươi sống hoặc làm lạnh - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) được chế biến sẵn thành khúc hoặc băm viên và bảo quản bằng đông lạnh - Cá, tôm, mực được cắt khúc phơi khô, ướp muối hoặc ngâm muối - Trứng cá muối ướp lạnh - Món ăn hải sản được chế biến sẵn trong đó cá, tôm, cua, mực là thành phần chính - Cá xốt các loại, đóng hộp - Cá ngâm dầu, ngâm giấm - Cá được tiết trùng, khử trùng - Cá, tôm tẩm bột, cá viên, cá xay thành bột, cá đóng thành bánh, xúc xích cá - Pate cá, cá hun khói
						4700123	Dịch vụ bán lẻ rau, quả	Gồm: Dịch vụ bán lẻ rau, quả như: - Rau, quả tươi sống hoặc được bảo quản lạnh các loại - Rau, quả đã được chế biến sẵn

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4700124	Dịch vụ bán lẻ trứng	Gồm: Dịch vụ bán lẻ trứng các loại
						4700125	Dịch vụ bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	Gồm: Dịch vụ bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột như: - Sữa tươi được tiệt trùng bảo quản lạnh - Sữa chua - Bánh sữa - Bánh quy các loại, bánh mì nướng, bánh ngọt, bánh bao các loại
						4700126	Dịch vụ bán lẻ dầu, mỡ ăn	Gồm: Dịch vụ bán lẻ dầu, mỡ ăn như: - Mỡ trâu, bò, cừu, lợn và gia cầm tươi hoặc đã rán - Dầu đậu tương, đậu nành, lạc, ô liu,... - Dầu cọ, dầu dừa,...
						4700127	Dịch vụ bán lẻ bún, miến, mỳ tôm, phở và sản phẩm tương tự	
						4700128	Dịch vụ bán lẻ chè, cà phê, cacao	
						4700129	Dịch vụ bán lẻ thực phẩm chưa phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ bán lẻ thực phẩm khác chưa được phân loại ở trên
					470013		Dịch vụ bán lẻ đồ uống	
						4700131	Dịch vụ bán lẻ đồ uống không cồn	Gồm: Dịch vụ bán lẻ đồ uống không cồn như: nước ngọt, nước khoáng, nước có gas, nước quả ép, nước rau ép,... Nhóm này cũng gồm dịch vụ bán lẻ các loại đồ uống làm từ cà phê và chè; dịch vụ bán lẻ đồ uống qua máy bán hàng tự động
						4700132	Dịch vụ bán lẻ đồ uống có cồn	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					470014	4700140	Dịch vụ bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	Gồm: Dịch vụ bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào như: - Thuốc lá điếu, xì gà; thuốc Lào... và các phụ kiện liên quan đến việc hút thuốc, bao gồm: bật lửa, tẩu, thiết bị cuốn thuốc lá,... - Thuốc lá điện tử và chất lỏng (tinh dầu) thuốc lá điện tử
				47002	470020	4700200	Dịch vụ bán lẻ nhiên liệu động cơ	Gồm: - Dịch vụ bán lẻ xăng, dầu và nhiên liệu động cơ khác - Dịch vụ bán lẻ dầu mỡ bôi trơn và các sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác kết hợp với dịch vụ bán lẻ nhiên liệu động cơ, trong đó dịch vụ bán lẻ nhiên liệu là chủ yếu
				47003			Dịch vụ bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông	
					470031		Dịch vụ bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông	
						4700311	Dịch vụ bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm	Gồm: Dịch vụ bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông như: - Máy tính, thiết bị ngoại vi,... - Phần mềm chuyên dụng các loại, phần mềm trò chơi được cung cấp trên phương tiện vật lý
						4700312	Dịch vụ bán lẻ thiết bị viễn thông	Gồm: Dịch vụ bán lẻ thiết bị viễn thông như: - Thiết bị điện thoại và truyền thông - Thiết bị vô tuyến, hữu tuyến

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					470032	4700320	Dịch vụ bán lẻ thiết bị nghe nhìn	Gồm: Dịch vụ bán lẻ thiết bị nghe nhìn như: Thiết bị phát thanh và truyền hình, máy thu thanh, thiết bị ghi âm và sao âm thanh và hình ảnh, micro, loa phóng thanh, tai nghe, bộ nghe nói, bộ tăng âm; máy thu sóng dùng cho điện thoại vô tuyến và điện báo vô tuyến,...
				47004			Dịch vụ bán lẻ thiết bị gia đình khác	
					470041		Dịch vụ bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	
						4700411	Dịch vụ bán lẻ vải	
						4700412	Dịch vụ bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	
					470042		Dịch vụ bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	
						4700421	Dịch vụ bán lẻ đồ ngũ kim	Gồm: Dịch vụ bán lẻ đồ ngũ kim như: - Kết cấu bằng kim loại và các bộ phận của nó, như: Cửa ra vào, cửa sổ các loại, khung cửa, ngưỡng cửa ra vào bằng sắt, thép hoặc bằng nhôm - Bể chứa, thùng bằng sắt, thép hoặc nhôm - Giàn giáo, ván khuôn,...
						4700422	Dịch vụ bán lẻ sơn, màu, véc ni	Gồm: Dịch vụ bán lẻ sơn, màu, vécni như: sơn, vécni và các sản phẩm liên quan
						4700423	Dịch vụ bán lẻ kính xây dựng	Gồm: Dịch vụ bán lẻ kính xây dựng như: kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, cửa sổ, cửa ra vào,...
						4700424	Dịch vụ bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi,	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
							sắt thép và vật liệu xây dựng khác	
						4700425	Dịch vụ bán lẻ gạch ốp lát, đá ốp lát, thiết bị vệ sinh	
						4700429	Dịch vụ bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Gồm: Dịch vụ bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chưa được phân loại ở trên
					470043	4700430	Dịch vụ bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	Gồm: Dịch vụ bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn như: - Chăn lông vũ,... - Khăn, ga trải giường, khăn ăn, khăn bàn hoặc bếp - Đệm ghế, gối... - Màn, rèm, màn hình, áo gối, tấm phủ máy móc hoặc bàn ghế - Vải nhựa, vải dầu, lều bạt, đồ cắm trại, buồm, bạt che ô tô, che máy móc và bàn ghế - Cờ, biểu ngữ, cờ hiệu, diềm, thảm trải sàn,... - Vải lau bụi, khăn lau bát, chén, đĩa và các đồ tương tự, áo cứu đuối, dù, ô... - Bao tải, túi các loại được sử dụng cho việc đóng gói hàng hóa - Dây bện, dây thừng, dây chảo, dây cáp, nút dây lưới,... - Nhãn, mác và các nguyên vật liệu tương tự không được nêu, dải viền, dây tết từng mảnh; đồ có tính chất trang trí từng mảnh không nêu, trừ được đan, móc; quả tua, nệm tua, quả ngù len dùng để trang trí và các đồ tương tự,... - Dây đăng ten, ren, vải ren rời từng miếng...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Đồ dệt, lót (bông, len,...),... - Sợi, chỉ bọc kim loại, sợi dây viền quần áo, cái khâu, cái móc, khuyết áo,... - Dây ni lông dai, dây poliamit, dây pôliexte, sợi vitcô,... - Sản phẩm sợi và các đồ sử dụng kỹ thuật (bao gồm: Bắc, măng xông đèn, ống phun nước, truyền hoặc dây băng tải,...) - Chỉ khâu, chỉ thêu và hàng dệt khác
					470044		Dịch vụ bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	
						4700441	Dịch vụ bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	Gồm: Dịch vụ bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện như: - Đèn, các thiết bị điện và các bộ phận của chúng - Máy điều hòa, quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, bàn là, máy sấy tóc,...
						4700442	Dịch vụ bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự	Gồm: Dịch vụ bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự như: - Giường, tủ, bàn, ghế,... - Đồ nội thất trong gia đình khác,...
						4700443	Dịch vụ bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh	Gồm: Dịch vụ bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh như: - Bộ đồ ăn, bộ đồ làm bếp bằng gốm, sứ, thủy tinh - Đồ gia đình, đồ trang trí bằng gốm, sứ, thủy tinh - Đồ gốm, sứ, thủy tinh dùng để cách ly (cách điện,...)

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4700444	Dịch vụ bán lẻ nhạc cụ	Gồm: Dịch vụ bán lẻ nhạc cụ như: - Đàn piano và các loại nhạc cụ có dây, có bàn phím khác - Nhạc cụ có dây - Nhạc cụ hơi - Nhạc cụ khác,...
						4700449	Dịch vụ bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân loại ở trên
				47005			Dịch vụ bán lẻ hàng văn hóa, giải trí	
					470051	4700510	Dịch vụ bán lẻ sách, truyện các loại	
					470052	4700520	Dịch vụ bán lẻ báo, tạp chí, bưu thiếp, ấn phẩm khác	
					470053	4700530	Dịch vụ bán lẻ văn phòng phẩm	Gồm: Dịch vụ bán lẻ văn phòng phẩm như: - Tem, mẫu séc, giấy chứng nhận các loại, bưu thiếp, ấn phẩm quảng cáo; đề can,... - Sổ đăng ký, sổ sách kế toán, sổ ghi chép, quyển biên lai, nhật ký và các sản phẩm tương tự - Giấy thấm, bìa đóng giấy, bìa hồ sơ, tờ khai và những sản phẩm văn phòng khác bằng giấy hoặc bìa giấy - Các sản phẩm văn phòng khác, bao gồm: bút viết, bút chì, bảng các loại, phấn vẽ,...
					470054	4700540	Dịch vụ bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao	
					470055	4700550	Dịch vụ bán lẻ trò chơi, đồ chơi	Gồm: Dịch vụ bán lẻ trò chơi, đồ chơi như: búp bê, đồ chơi các loại, trò chơi điện tử dùng với máy vô tuyến,...
					470059	4700590	Dịch vụ bán lẻ sản phẩm văn hóa, giải trí khác chưa phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ bán lẻ sản phẩm văn hóa, giải trí khác chưa được phân loại

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								ở trên, như: Bảng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng),...
				47006			Dịch vụ bán lẻ hàng hóa khác (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)	
					470061		Dịch vụ bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da	Gồm: Dịch vụ bán lẻ hàng may mặc như: quần áo, tất,...
						4700611	Dịch vụ bán lẻ hàng may mặc	
						4700612	Dịch vụ bán lẻ giày, dép	
						4700613	Dịch vụ bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác	
					470062		Dịch vụ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	:
						4700621	Dịch vụ bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế	Gồm: Dịch vụ bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế như: - Thuốc tân dược,... - Dược phẩm các loại,... - Dụng cụ y tế khác,...
						4700622	Dịch vụ bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	Gồm: Dịch vụ bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh như: - Xà phòng, các sản phẩm hoạt động bề mặt cơ bản - Thuốc tẩy - Nước hoa, nước thơm, dầu thơm - Các chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi - Hóa mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt, các chế phẩm chống nắng hoặc bắt nắng, các chế phẩm dùng để trang điểm móng tay hoặc móng chân, chế phẩm dùng cho tóc,... - Chế phẩm dùng cho vệ sinh răng hoặc miệng, kể

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								cà kem và bột làm chặt chân răng - Các chế phẩm dùng trước, trong hoặc sau khi cạo mặt, các chất khử mùi cơ thể, các chế phẩm dùng để tắm rửa, thuốc làm rụng lông và các chế phẩm nước hoa, mỹ phẩm hoặc vệ sinh khác
						4700623	Dịch vụ bán lẻ thuốc đông y, thuốc nam	
					470063		Dịch vụ bán lẻ hàng hóa khác loại mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)	
						4700631	Dịch vụ bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh	
						4700632	Dịch vụ bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức	Gồm: Dịch vụ bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức như: nhẫn, vòng, khuyên tai, kim cương, rubi, saphia, và đá ngọc bích, bạch kim,...
						4700633	Dịch vụ bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ	
						4700634	Dịch vụ bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ)	Gồm: Dịch vụ bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) như: tranh vẽ, tranh phác họa, tranh bột màu,...
						4700635	Dịch vụ bán lẻ dầu hoả, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình	
						4700636	Dịch vụ bán lẻ đồng hồ, kính mắt	
						4700637	Dịch vụ bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh	
						4700638	Dịch vụ bán lẻ xe đạp và phụ tùng	
						4700639	Dịch vụ bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân loại ở trên

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				47007			Dịch vụ bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)	
					470071	4700710	Dịch vụ bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng	
					470072	4700720	Dịch vụ bán lẻ đồ nội thất đã qua sử dụng	
					470073	4700730	Dịch vụ bán lẻ thiết bị thông tin và truyền thông, thiết bị điện tử và đồ điện gia dụng đã qua sử dụng	
					470074	4700740	Dịch vụ bán lẻ sách, báo, truyện, tạp chí cũ	
					470079	4700790	Dịch vụ bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng	Gồm: Dịch vụ bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng chưa được phân loại ở trên
				47008			Dịch vụ bán lẻ ô tô, mô tô, xe máy, xe có động cơ khác và các bộ phận phụ trợ	
					470081		Dịch vụ bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	
						4700811	Dịch vụ bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống), loại mới	
						4700812	Dịch vụ bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống), loại đã qua sử dụng	
					470082		Dịch vụ bán lẻ ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác	
						4700821	Dịch vụ bán lẻ ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác, loại mới	
						4700822	Dịch vụ bán lẻ ô tô (trừ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng	
					470083		Dịch vụ bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	
						4700831	Dịch vụ bán lẻ săm, lốp của ô tô và xe có động cơ khác	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4700839	Dịch vụ bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ khác của ô tô và xe có động cơ khác	
					470084	4700840	Dịch vụ bán lẻ mô tô, xe máy	
					470085	4700850	Dịch vụ bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	
				47009			Dịch vụ trung gian bán lẻ	
					470091	4700910	Dịch vụ trung gian bán lẻ chuyên doanh ô tô, mô tô, xe máy, xe có động cơ khác	
					470092	4700920	Dịch vụ trung gian bán lẻ chuyên doanh hàng hóa khác	
H							DỊCH VỤ VẬN TẢI, KHO BÃI	
	49						Dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường ống	
		491					Dịch vụ vận tải đường sắt	
			4911				Dịch vụ vận tải hành khách đường sắt	
				49111	491110	4911100	Dịch vụ vận tải hành khách đường sắt liên tỉnh	Gồm: Dịch vụ vận tải hành khách đường sắt liên tỉnh như: - Dịch vụ vận tải hành khách sử dụng phương tiện đường sắt trên mạng lưới đường sắt chính (liên tỉnh), không phân biệt khoảng các di chuyển và hạng ghế sử dụng - Dịch vụ vận chuyển cho các phương tiện, hành lý, động vật và các vật dụng khác đi kèm - Dịch vụ lưu trú của toa ngủ và dịch vụ ăn uống cho hành khách trên tàu như một hoạt động không tách rời của công ty vận tải đường sắt - Dịch vụ vận tải hành khách đường sắt liên tỉnh phục vụ mục đích du lịch

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				49112	491120	4911200	Dịch vụ vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao	Gồm: Dịch vụ vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao như: - Dịch vụ vận tải hành khách bằng hệ thống tàu điện ngầm, đường sắt trên cao, đường sắt đô thị và tàu điện đường phố - Dịch vụ vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao phục vụ mục đích du lịch - Dịch vụ vận chuyển cho các phương tiện, hành lý, động vật và các vật dụng khác đi kèm
			4912	49120	491200		Dịch vụ vận tải hàng hóa đường sắt	
						4912001	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng toa đông lạnh	
						4912002	Dịch vụ vận tải bằng toa bồn chở xăng dầu	Gồm: Dịch vụ vận tải bằng toa bồn chở xăng dầu như: dầu thô, khí ga tự nhiên, các sản phẩm khí ga,...
						4912003	Dịch vụ vận tải bằng toa bồn chở khí hóa lỏng và chất lỏng khác	
						4912004	Dịch vụ vận tải công ten nơ	
						4912005	Dịch vụ vận tải thư và bưu phẩm, bưu kiện	
						4912006	Dịch vụ vận tải hàng hóa khô, hàng rời	
						4912009	Dịch vụ vận tải hàng hóa khác	Gồm: Dịch vụ vận tải hàng hóa khác chưa được phân loại ở trên
		492					Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt	
			4921	49210			Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	
					492101	4921010	Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					492102	4921020	Dịch vụ cho thuê xe buýt trong nội thành có kèm người lái	
			4922	49220			Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	
					492201	4922010	Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	
					492202	4922020	Dịch vụ cho thuê xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh có kèm người lái	
			4929	49290			Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	
					492901	4929010	Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	Gồm: Dịch vụ hợp đồng với các trường học và xe chở cán bộ công nhân viên, người lao động,...
					492902	4929020	Dịch vụ cho thuê xe buýt loại khác có kèm người lái	
		493					Dịch vụ vận tải đường bộ khác	
			4931				Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	
				49311	493110		Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	
						4931101	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi truyền thống	
						4931102	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi công nghệ	
						4931103	Dịch vụ cho thuê xe ô tô con có kèm người lái	
				49312	493120	4931200	Dịch vụ vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	
				49319	493190	4931900	Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)	Gồm: Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe đạp, xe xích lô và xe thô sơ khác như: xe ngựa, xe kéo...
			4932				Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				49321			Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	
					493211	4932110	Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh	
					493212	4932120	Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe khách liên tỉnh	
					493213	4932130	Dịch vụ cho thuê xe khách có kèm người điều khiển	
				49329			Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	
					493291	4932910	Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu như: dịch vụ vận tải hành khách bằng đường sắt leo núi, đường cáp trên không,...
					493292	4932920	Dịch vụ cho thuê xe khách khác chưa được phân vào đâu có kèm người điều khiển	Gồm: Dịch vụ cho thuê xe khách khác chưa được phân vào đâu có kèm người điều khiển như: dịch vụ cho thuê xe để chở khách đi tham quan, du lịch hoặc các mục đích khác,...
			4933				Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	
				49331			Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	
					493311		Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	
						4933111	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng xe đông lạnh	
						4933112	Dịch vụ vận tải các sản phẩm dầu thô bằng xe xi téc (xe bồn) hoặc xe bán rơ moóc	
						4933113	Dịch vụ vận tải chất lỏng và khí ga bằng xe xi téc (xe bồn) hoặc xe bán rơ moóc	
						4933114	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng xe container	
						4933115	Dịch vụ vận tải hàng hóa loại khô	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4933116	Dịch vụ vận tải động vật sống	
						4933117	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng khác (xe đầu kéo, tafooc...)	
						4933118	Dịch vụ vận tải thư và bưu phẩm, bưu kiện	
						4933119	Dịch vụ vận tải hàng hóa loại khác chưa phân loại vào đâu	Gồm: Dịch vụ vận tải hàng hóa loại khác chưa được phân loại ở trên
					493312	4933120	Dịch vụ cho thuê ô tô chuyên dụng có kèm người điều khiển	
				49332	493320		Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	.
						4933201	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	Gồm: Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) như: dịch vụ vận tải phế liệu, phế thải, rác thải không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải
						4933202	Dịch vụ cho thuê ô tô vận tải hàng hóa loại khác có kèm người điều khiển	Gồm: Dịch vụ cho thuê ô tô vận tải hàng hóa loại khác có kèm người điều khiển như: dịch vụ vận chuyển đồ đạc gia đình, thiết bị văn phòng,...
				49333	493330	4933300	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác	
				49334	493340	4933400	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ	
				49339	493390	4933900	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	
		494	4940	49400			Dịch vụ vận tải đường ống	
					494001	4940010	Dịch vụ vận tải sản phẩm dầu thô và dầu tinh luyện	
					494002	4940020	Dịch vụ vận tải nhiên liệu khí	
					494009	4940090	Dịch vụ vận tải đường ống hàng hóa khác	
	50						Dịch vụ vận tải đường thủy	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
		501					Dịch vụ vận tải ven biển và viễn dương	
			5011				Dịch vụ vận tải hành khách ven biển và viễn dương	
				50111			Dịch vụ vận tải hành khách ven biển	
					501111		Dịch vụ vận tải hành khách ven biển	
						5011111	Dịch vụ vận tải hành khách ven biển bằng phà	
						5011112	Dịch vụ vận tải hành khách ven biển bằng tàu thủy	
						5011119	Dịch vụ vận tải hành khách ven biển khác	
					501112	5011120	Dịch vụ cho thuê tàu vận tải hành khách ven biển có kèm người điều khiển	
				50112			Dịch vụ vận tải hành khách viễn dương	
					501121		Dịch vụ vận tải hành khách viễn dương	
						5011211	Dịch vụ vận tải hành khách viễn dương bằng tàu thủy	
						5011219	Dịch vụ vận tải hành khách viễn dương khác	
					501122	5011220	Dịch vụ cho thuê tàu vận tải hành khách viễn dương có kèm người điều khiển	
			5012				Dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	
				50121			Dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển	
					501211		Dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển	
						5012111	Dịch vụ vận tải hàng hóa đông lạnh bằng tàu đông lạnh	
						5012112	Dịch vụ vận tải dầu thô và xăng dầu tinh chế bằng tàu chở dầu	
						5012113	Dịch vụ vận tải chất lỏng khác hoặc khí ga bằng tàu chở dầu	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						5012114	Dịch vụ vận tải các công ten nơ bằng tàu chuyên chở công ten nơ	
						5012115	Dịch vụ vận tải hàng hóa khô	
						5012119	Dịch vụ vận tải hàng hóa khác	
					501212		Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển; dịch vụ kéo đẩy	
						5012121	Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển	
						5012122	Dịch vụ kéo đẩy	Gồm dịch vụ kéo đẩy như: Dịch vụ kéo tàu thuyền trên sông nước nội địa do tàu dất, kể cả dịch vụ kéo những dân khoan dầu lửa, cần cầu nổi, tàu nạo vét, phao và những thân tàu và tàu chưa đóng xong trên cơ sở lệ phí hoặc hợp đồng; dịch vụ kéo những tàu đi trên sông nước nội địa bị tai nạn cũng được phân loại vào đây
				50122			Dịch vụ vận tải hàng hóa viễn dương	
					501221		Dịch vụ vận tải hàng hóa viễn dương	
						5012211	Dịch vụ vận tải hàng hóa đông lạnh bằng tàu đông lạnh	
						5012212	Dịch vụ vận tải dầu thô và xăng dầu tinh chế bằng tàu chở dầu	
						5012213	Dịch vụ vận tải chất lỏng khác hoặc khí ga bằng tàu chở dầu	
						5012214	Dịch vụ vận tải các công ten nơ bằng tàu chuyên chở công ten nơ	
						5012215	Dịch vụ vận tải hàng hóa khô	
						5012219	Dịch vụ vận tải hàng hóa khác	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					501222		Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển; dịch vụ kéo đẩy	
						5012221	Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển	
						5012222	Dịch vụ kéo đẩy	Gồm dịch vụ kéo đẩy như: Dịch vụ kéo tàu thuyền trên biển viễn dương do tàu dắt, kể cả dịch vụ kéo những dàn khoan dầu lửa, cần cầu nổi, tàu nạo vét, phao và những thân tàu và tàu chưa đóng xong trên cơ sở lệ phí hoặc hợp đồng; dịch vụ kéo những tàu đi trên biển viễn dương bị tai nạn cũng được phân loại vào đây
		502					Dịch vụ vận tải đường thủy nội địa	
			5021				Dịch vụ vận tải hành khách đường thủy nội địa	
				50211			Dịch vụ vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	
					502111		Dịch vụ vận tải hành khách bằng phương tiện cơ giới	
						5021111	Dịch vụ vận tải hành khách bằng tàu thủy	
						5021112	Dịch vụ vận tải hành khách bằng phà	
						5021113	Dịch vụ vận tải hành khách phục vụ đi chơi, tham quan	
						5021119	Dịch vụ vận tải hành khách bằng phương tiện cơ giới khác	
					502112	5021120	Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải cơ giới có kèm người điều khiển	
				50212			Dịch vụ vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	
					502121		Dịch vụ vận tải hành khách bằng phương tiện thô sơ	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						5021211	Dịch vụ vận tải hành khách bằng thuyền	
						5021212	Dịch vụ vận tải hành khách bằng ghe	
						5021213	Dịch vụ vận tải hành khách phục vụ đi chơi, tham quan	
						5021219	Dịch vụ vận tải hành khách bằng phương tiện thô sơ khác	
					502122	5021220	Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải thô sơ có kèm người điều khiển	
			5022				Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	
				50221			Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	
					502211		Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	
						5022111	Dịch vụ vận tải hàng hóa đông lạnh bằng tàu đông lạnh	
						5022112	Dịch vụ vận tải dầu thô và xăng dầu tinh chế bằng tàu chở dầu	
						5022113	Dịch vụ vận tải chất lỏng khác hoặc khí ga bằng tàu chở dầu	
						5022114	Dịch vụ vận tải các công te nơ bằng tàu chuyên chở công ten nơ	
						5022115	Dịch vụ vận tải hàng hóa khô	
						5022119	Dịch vụ vận tải hàng hóa khác	
					502212		Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển; dịch vụ kéo đẩy	
						5022121	Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển	
						5022122	Dịch vụ kéo đẩy	
				50222			Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					502221	5022210	Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	
					502222		Dịch vụ cho thuê phương tiện thô sơ chở hàng có kèm người điều khiển; dịch vụ kéo đẩy	
						5022221	Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển	
						5022222	Dịch vụ kéo đẩy	
	51						Dịch vụ vận tải hàng không	
		511	5110				Dịch vụ vận tải hành khách hàng không	
				51101			Dịch vụ vận tải hành khách hàng không theo tuyến và lịch trình cố định	
					511011	5110110	Dịch vụ vận tải hành khách hàng không nội địa theo tuyến và lịch trình cố định	
					511012	5110120	Dịch vụ vận tải hành khách hàng không quốc tế theo tuyến và lịch trình cố định	
				51109			Dịch vụ vận tải hành khách hàng không loại khác	
					511091	5110910	Dịch vụ vận tải hành khách hàng không nội địa không theo tuyến và lịch trình cố định, trừ mục đích phục vụ tham quan	
					511092	5110920	Dịch vụ vận tải hành khách hàng không quốc tế không theo tuyến và lịch trình	
					511093	5110930	Dịch vụ vận tải hành khách hàng không không theo tuyến và lịch trình phục vụ ngắm cảnh	
					511094	5110940	Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải hành khách hàng không có kèm người điều khiển	
		512	5120				Dịch vụ vận tải hàng hóa hàng không	
				51201			Dịch vụ vận tải hàng hóa hàng không theo tuyến và lịch trình cố định	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					512011	5120110	Dịch vụ vận tải công ten nơ hàng không theo lịch trình	
					512012	5120120	Dịch vụ vận tải thư từ, bưu kiện	
					512013	5120130	Dịch vụ vận tải hàng hóa khác theo lịch trình	
				51209			Dịch vụ vận tải hàng hóa hàng không loại khác	
					512091	5120910	Dịch vụ vận chuyển hàng hóa khác không theo lịch trình	
					512092	5120920	Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải hàng hóa hàng không có kèm người điều khiển	
	52						Dịch vụ kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	
		521	5210				Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa	
				52101	521010	5210100	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan	Gồm: Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan đối với các loại hàng hóa trong hầm chứa, bể chứa, kho chứa hàng hóa thông thường và đông lạnh
				52102	521020	5210200	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)	
				52109	521090		Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác	
						5210901	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ khí ga và chất lỏng	
						5210902	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ thóc, gạo	
						5210909	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa chưa phân vào đâu	
		522					Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	
			5221	52210			Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	
					522101	5221010	Dịch vụ kéo, đẩy	
					522109	5221090	Dịch vụ khác có liên quan đến vận tải đường sắt	Gồm: Dịch vụ liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường sắt; hoạt

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								động của các nhà ga đường sắt; hoạt động của quản lý, điều độ mạng đường sắt; bãi ghi đường sắt, trạm chắn tàu,... Loại trừ: Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa ga đường sắt được phân vào nhóm 5224100
			5222				Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	
				52221	522210	5222100	Dịch vụ điều hành hoạt động cảng biển	
				52222			Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương	
					522221	5222210	Dịch vụ hoa tiêu, lai dắt tàu thuyền ven biển và viễn dương	
					522222	5222220	Dịch vụ hoạt động cứu hộ và trục vớt tàu trên biển và ven biển	
					522229	5222290	Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương	
				52223	522230	5222300	Dịch vụ điều hành cảng đường thủy nội địa	
				52224			Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa	
					522241	5222410	Dịch vụ hoạt động hoa tiêu, lai dắt đường thủy nội địa	
					522242	5222420	Dịch vụ hoạt động cứu hộ và trục vớt tàu đường thủy nội địa	
					522249	5222490	Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải đường thủy nội địa	
			5223				Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	
				52231	522310	5223100	Dịch vụ điều hành bay	Gồm: Dịch vụ điều hành bay và kiểm soát không lưu
				52232	522320	5223200	Dịch vụ điều hành hoạt động cảng hàng không	
				52239	522390	5223900	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
			5224				Dịch vụ bốc xếp hàng hóa	
				52241	522410	5224100	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt	Gồm: Dịch vụ bốc xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu hỏa hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu hỏa; dịch vụ bốc vác hàng hóa tại ga đường sắt
				52242	522420	5224200	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa đường bộ	Gồm: Dịch vụ bốc xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên ô tô hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ ô tô; dịch vụ bốc vác hàng hóa tại bến, bãi đỗ ô tô
				52243	522430	5224300	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa cảng biển	Gồm: Dịch vụ bốc xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển; dịch vụ bốc vác hàng hóa tại cảng biển
				52244	522440	5224400	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa cảng sông	Gồm: Dịch vụ bốc xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu, thuyền và phương tiện vận tải đường sông, hồ, kênh, rạch hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ các phương tiện đó; dịch vụ bốc vác hàng hóa tại cảng sông
				52245	522450	5224500	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không	Gồm: Dịch vụ bốc xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên máy bay hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ máy bay; dịch vụ bốc vác hàng hóa tại cảng hàng không
				52249	522490	5224900	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa loại khác	
			5225				Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	
				52251	522510	5225100	Dịch vụ điều hành bến xe	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				52252	522520	5225200	Dịch vụ quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ	
				52253	522530	5225300	Dịch vụ quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ	
				52259	522590	5225900	Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải đường bộ	
			5229	52290			Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	
					522901	5229010	Dịch vụ hỗ trợ xử lý và phân phối hàng hóa	Gồm: - Dịch vụ trung tâm phân phối - Dịch vụ thu gom và phân nhóm hàng hóa để vận chuyển - Dịch vụ xử lý hàng hóa, ví dụ: đóng kiện tạm thời và đóng gói hàng hóa để lưu kho hoặc bảo vệ hàng hóa trong quá trình vận chuyển, dỡ hàng, lấy mẫu, cân hàng...
					522909	5229090	Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	Gồm: - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu như: Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không, vận tải bộ, vận tải đường thủy nội địa - Dịch vụ thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn
		523					Dịch vụ trung gian cho vận tải	
			5231	52310			Dịch vụ trung gian cho vận tải hàng hóa	
					523101	5231010	Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa	Gồm các dịch vụ đại lý như: - Dịch vụ tổ chức các hoạt động vận tải đa phương thức và kết hợp bằng đường sắt, đường bộ, đường thủy hoặc đường hàng không (vận

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								tải liên phương thức) thay mặt cho người gửi hàng hoặc người nhận hàng - Dịch vụ tổ chức và đại lý vận tải hàng hóa cho các lô hàng lẻ và hàng nguyên thay mặt cho khách hàng - Dịch vụ của đại lý làm thủ tục hải quan
					523102	5231020	Dịch vụ trung gian khác cho vận tải hàng hóa	
			5232	52320	523200	5232000	Dịch vụ trung gian cho vận tải hành khách	Gồm các dịch vụ đại lý như: - Dịch vụ đặt chỗ vé máy bay - Dịch vụ đặt chỗ vé tàu hỏa - Dịch vụ đặt chỗ vận tải hành khách theo yêu cầu bằng phương tiện có người lái, bao gồm: Dịch vụ đặt chỗ vận tải không theo lịch trình, dịch vụ đặt chỗ xe taxi, dịch vụ đặt chỗ cho dịch vụ đưa đón sân bay - Dịch vụ đặt chỗ vận tải hành khách bằng xe buýt và xe khách - Dịch vụ đặt chỗ vé phà Các dịch vụ này bao gồm việc tiếp nhận yêu cầu của khách hàng, tư vấn các phương án thay thế, hỗ trợ khách hàng lựa chọn và có thể bao gồm việc phát hành vé thay mặt cho nhà cung cấp dịch vụ. Các dịch vụ này thường được cung cấp trực tiếp, qua điện thoại, qua internet hoặc ứng dụng di động. Việc đặt chỗ có thể thực hiện cho vận tải nội địa và quốc tế
	53						Dịch vụ bưu chính và chuyển phát	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
		531	5310	53100	531000		Dịch vụ bưu chính	
						5310001	Dịch vụ bưu chính liên quan đến báo chí và các tạp chí xuất bản định kỳ	Gồm Dịch vụ bưu chính liên quan đến báo chí và các tạp chí xuất bản định kỳ như: - Nhận, phân loại, đóng gói - Chuyển và giao báo chí và các tạp chí xuất bản định kỳ dù nơi nhận và nơi gửi trong nước hay quốc tế, theo quy định của cơ quan bưu chính quốc gia
						5310002	Dịch vụ bưu chính liên quan đến thư từ	Gồm: Dịch vụ bưu chính liên quan đến thư từ như: - Nhận, phân loại, đóng gói - Chuyển và phân phối thư từ bằng dịch vụ bưu chính qua mạng lưới bưu điện được quy định bằng các giao ước dịch vụ thống nhất. Hoạt động này có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức vận tải, có thể sử dụng phương tiện vận tải thuộc sở hữu của bưu điện hoặc phương tiện vận tải công cộng: • Nhận thư từ các hòm thư công cộng hoặc cơ sở bưu điện • Phân phối và phân phát thư
						5310003	Dịch vụ bưu chính liên quan đến bưu phẩm, bưu kiện	Gồm: Dịch vụ bưu chính liên quan đến bưu phẩm, bưu kiện như: - Nhận, phân loại, đóng gói - Chuyển và phân phối bưu phẩm, bưu kiện bằng dịch vụ bưu chính qua mạng lưới bưu điện được quy định bằng các giao ước dịch vụ thống nhất

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						5310004	Dịch vụ của các quầy bưu điện	Gồm: Dịch vụ của các quầy bưu điện như: bán tem bưu phí, quản lý, xác nhận giá trị bưu phẩm, thư đảm bảo và các dịch vụ quầy hàng bưu chính khác
						5310009	Dịch vụ bưu chính khác	Gồm: Dịch vụ bưu chính khác như: dịch vụ thuê hòm thư, dịch vụ “hòm thư lưu” và dịch vụ bưu chính chưa được phân loại ở trên
		532	5320	53200			Dịch vụ chuyển phát	
					532001	5320010	Dịch vụ chuyển phát đa phương thức	
					532002	5320020	Dịch vụ giao đồ ăn tận nhà	Loại trừ: Dịch vụ chuẩn bị, nấu nướng và giao đồ ăn được phân vào nhóm 56
					532009	5320090	Dịch vụ chuyển phát khác chưa được phân vào đâu	
		533	5330	53300	533000	5330000	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bưu chính và chuyển phát	
I							DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG	
	55						Dịch vụ lưu trú	
		551	5510	55100	551000	5510000	Dịch vụ khách sạn và các dịch vụ lưu trú tương tự	Gồm: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú là khách sạn từ hạng 1 đến 5 sao, quy mô từ 15 phòng ngủ trở lên với các trang thiết bị, tiện nghi và dịch vụ cần thiết cho khách du lịch, bao gồm: khách sạn được xây dựng thành khối, khách sạn nổi, khách sạn thương mại, khách sạn nghỉ dưỡng và các cơ sở lưu trú tương tự, có kèm theo dịch vụ dọn phòng hàng ngày, có thể đi kèm với các dịch vụ khác như ăn uống, chõ đỗ xe, dịch vụ giặt là, bể bơi, phòng tập, dịch vụ giải trí,

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								phòng họp và thiết bị phòng họp
		552	5520				Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	
				55201	552010	5520100	Dịch vụ biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Gồm: Dịch vụ biệt thự hoặc dịch vụ lưu trú ngắn ngày như: - Biệt thự du lịch có sân vườn, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tiện nghi và dịch vụ cần thiết cho khách du lịch - Căn hộ cho khách du lịch lưu trú ngắn ngày có trang bị sẵn đồ đạc, có trang bị bếp và dụng cụ nấu ăn,... để khách tự phục vụ trong thời gian lưu trú
				55202	552020	5520200	Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Gồm: Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ lưu trú ngắn ngày như: Nhà khách, nhà nghỉ với các trang thiết bị, tiện nghi và dịch vụ cần thiết cho khách du lịch nhưng không đạt điều kiện để xếp hạng khách sạn. Có kèm theo dịch vụ dọn phòng hàng ngày, các dịch vụ khác như ăn uống, chỗ đỗ xe, dịch vụ giặt, là,...
				55203	552030	5520300	Dịch vụ nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	Gồm: Dịch vụ nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự như: dịch vụ nhà trọ, phòng trọ là nhà dân có phòng cho khách thuê trọ với các trang thiết bị, tiện nghi tối thiểu cần thiết cho khách
		553	5530	55300	553000	5530000	Dịch vụ trung gian cho dịch vụ lưu trú	Gồm: - Dịch vụ trung gian lưu trú được cung cấp để hưởng phí hoặc hoa hồng bằng cách kết nối khách hàng và nhà cung cấp dịch vụ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Dịch vụ “chia sẻ kỳ nghỉ” - Dịch vụ đặt phòng, đặt chỗ cho lưu trú
		559	5590				Dịch vụ lưu trú khác	
				55901	559010		Dịch vụ ký túc xá học sinh, sinh viên	
						5590101	Dịch vụ lưu trú, phòng ở cho học sinh, sinh viên cư trú và ký túc xá	Gồm: Dịch vụ lưu trú, phòng ở cho học sinh, sinh viên cư trú và ký túc xá như: dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú tạm thời (ký túc xá) cho học sinh, sinh viên các trường phổ thông, trung học, cao đẳng hoặc đại học, được thực hiện bởi các đơn vị hoạt động riêng
						5590102	Dịch vụ lưu trú, phòng ở cho công nhân trong các khu nhà tập thể hoặc các khu lều	
				55902	559020	5590200	Dịch vụ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm	Gồm: Dịch vụ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm như: dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn là phương tiện lưu trú làm bằng vải, bạt được sử dụng cho khách du lịch trong bãi cắm trại, du lịch dã ngoại
				55909	559090	5590900	Dịch vụ lưu trú khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ lưu trú khác chưa được phân vào đâu như dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn hoặc tạm thời cho khách thuê trọ chưa được phân loại ở trên
	56						Dịch vụ ăn uống	
		561	5610				Dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	
				56101	561010	5610100	Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)	Gồm: Dịch vụ trong các nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống. Khách hàng được phục vụ hoặc khách hàng tự chọn các món ăn được bày sẵn, có thể ăn

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								tại chỗ hoặc mua món ăn đem về
				56102	561020	5610200	Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh	
				56109	561090		Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, khác	
						5610901	Dịch vụ ăn uống tại các cơ sở tự phục vụ	Gồm: Dịch vụ ăn uống tại các cơ sở hạn chế phục vụ hoặc tự phục vụ, có chỗ ngồi nhưng không có dịch vụ phục vụ bàn như: - Quán ăn tự phục vụ - Quán ăn nhanh
						5610902	Dịch vụ nhà hàng trên tàu, thuyền	Gồm dịch vụ nhà hàng, quán bar trên tàu, thuyền, phương tiện vận tải nếu hoạt động này không do đơn vị vận tải thực hiện mà được làm bởi đơn vị khác
						5610903	Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	Gồm dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động như: - Xe thùng bán kem - Xe bán hàng ăn lưu động - Hàng ăn uống trên phố, trong chợ
		562					Dịch vụ cung cấp ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác	
			5621	56210	562100	5621000	Dịch vụ cung cấp ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	Gồm: Dịch vụ chuẩn bị và cung cấp thức ăn dựa trên cơ sở hợp đồng với khách hàng, tại các cơ quan chính quyền, cơ quan thương mại,... và cho các sự kiện đặc biệt (đám cưới, tiệc,...)
			5629	56290	562900	5629000	Dịch vụ ăn uống khác	Gồm: Dịch vụ ăn uống khác như: - Dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Dịch vụ chuẩn bị thức ăn khác và đồ uống có liên quan được cung cấp bởi các quán bán hàng đồ ăn nhẹ, cửa hàng đồ ăn nhanh không có chỗ ngồi, các tiện nghi để mua thức ăn mang về,... - Dịch vụ cung cấp thức ăn được chuẩn bị trong nhà nhờ máy bán hàng tự động
		563	5630				Dịch vụ phục vụ đồ uống	
				56301	563010	5630100	Dịch vụ trong quán rượu, bia, quầy bar	
				56302	563020	5630200	Dịch vụ trong quán cà phê, giải khát	Gồm: Dịch vụ phục vụ đồ uống khác như: dịch vụ của các quán chế biến và phục vụ khách hàng tại chỗ các loại đồ uống (ví dụ: cà phê, nước sinh tố, nước mía, nước quả, quán chè các loại,...)
				56309	563090	5630900	Dịch vụ phục vụ đồ uống khác	Gồm: Dịch vụ của các xe bán rong đồ uống,...
		564	5640	56400	564000	5640000	Dịch vụ trung gian cho dịch vụ ăn uống	Gồm cả dịch vụ đặt bàn, đặt chỗ nhà hàng; dịch vụ vận hành nền tảng trực tuyến để giao đồ ăn chế biến sẵn tận nhà, nếu việc giao hàng do chính đơn vị chế biến món ăn đó thực hiện
J							DỊCH VỤ XUẤT BẢN, PHÁT SÓNG, SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI NỘI DUNG	
	58						Dịch vụ xuất bản	
		581					Dịch vụ xuất bản sách, báo, ấn phẩm định kỳ và các dịch vụ xuất bản khác (trừ xuất bản phần mềm)	
			5811	58110			Dịch vụ xuất bản sách	
					581101		Sách in, sách thông tin, tờ rơi và sách in tương tự	
						5811011	Sách giáo dục in	Gồm:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Sách giáo khoa: Các loại sách/tài liệu học thuật được xuất bản chủ yếu để sử dụng làm tài liệu giảng dạy cho học sinh, sinh viên và giáo viên trong các chương trình học tập chính quy - Sách chuyên ngành, kỹ thuật và học thuật: Các loại sách chuyên biệt chứa đựng nghiên cứu, kiến thức chuyên sâu và/hoặc thông tin/tài liệu hướng đến cộng đồng học thuật, nhà nghiên cứu hoặc được sử dụng bởi các cá nhân trong các ngành nghề nghiệp hoặc lĩnh vực chuyên môn cụ thể Loại trừ: - Từ điển và sách bách khoa: Các loại sách được xuất bản cho mục đích tham khảo chung và hướng đến công chúng nói chung được phân vào nhóm 5811013 - Tác phẩm âm nhạc dưới dạng in được phân vào nhóm 5920031 - Tác phẩm gốc được phân vào nhóm 9011002
						5811012	Sách thiếu nhi in	Gồm: Các loại sách được xuất bản cho trẻ em, bao gồm: Sách tranh và sách không dùng làm sách giáo khoa, ví dụ: sách hư cấu và phi hư cấu, sách tham khảo, bộ sách kèm đồ chơi, sách nói, sách vẽ và sách tô màu Loại trừ: Sách dán hình được phân vào nhóm 5819019
						5811013	Sách in khác	Gồm: - Các loại sách phổ thông được xuất bản cho công

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								chúng sử dụng, ví dụ: Tiểu thuyết, truyện tranh và tiểu thuyết đồ họa, sách tôn giáo, kinh thánh và sách thánh ca, thơ ca và kịch - Từ điển và sách bách khoa: Các loại sách được xuất bản cho mục đích tham khảo chung và hướng đến công chúng nói chung, ví dụ: Từ điển, sách bách khoa, từ điển đồng nghĩa - Tập bản đồ và các sách khác có bản đồ - Sách phi hư cấu, ví dụ: Sách về lịch sử, chính trị, nhà cửa và vườn tược, tiểu sử, sách hướng dẫn, sách dạy nấu ăn, sách hướng dẫn du lịch,...
						5811014	Sách thông tin, tờ rơi và các loại tương tự	Gồm: Sách thông tin, tờ rơi, tập sách nhỏ, tờ bướm và các loại tương tự được sử dụng cho mục đích quảng cáo/tiếp thị, phân phối thông tin,...
					581102	5811020	Sách điện tử	Gồm: Sách điện tử được thiết kế để đọc trên máy tính hoặc thiết bị kỹ thuật số cầm tay, bao gồm sách giáo khoa, sách tham khảo chung như: tập bản đồ và các loại sách bản đồ hoặc biểu đồ khác, từ điển và sách bách khoa Nhóm này cũng gồm: Các phương tiện vật lý (như: Đĩa CD-ROM,...) chứa nội dung văn bản từ các ấn phẩm định kỳ, sách giáo khoa, sách tham khảo và các nguồn khác
					581103		Sách nói	
						5811031	Sách nói trên phương tiện vật lý	Gồm: Các phương tiện vật lý (thiết bị lưu trữ thể rắn, đĩa CD-ROM, băng

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								từ,...) chứa sách nói, tức là bản ghi âm giọng nói của một người khi họ đọc văn bản của một cuốn sách
						5811032	Sách nói trực tuyến	Gồm: Sách nói trực tuyến, có thể truy cập qua phát trực tuyến hoặc tải xuống kỹ thuật số
					581104		Không gian quảng cáo trên sách	
						5811041	Không gian quảng cáo trên sách in	Loại trừ: - Không gian quảng cáo trên báo in được phân vào nhóm 5812031 - Không gian quảng cáo trên tạp chí và ấn phẩm định kỳ in được phân vào nhóm 5813031
						5811042	Không gian quảng cáo trên sách điện tử	Loại trừ: - Không gian quảng cáo trên báo điện tử được phân vào nhóm 5812032 - Không gian quảng cáo trên tạp chí và ấn phẩm định kỳ điện tử được phân vào nhóm 5813032
					581105	5811050	Dịch vụ xuất bản sách trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	
					581106		Dịch vụ cấp quyền sử dụng sách	
						5811061	Dịch vụ cấp quyền xuất bản sách	Gồm: Dịch vụ cấp quyền sao chép và phân phối các tác phẩm văn học gốc như: sách, sách thông tin, tờ rơi, bản đồ và các ấn phẩm tương tự Loại trừ: Cho thuê sách được phân vào nhóm 7729009
						5811062	Dịch vụ cấp quyền sử dụng nội dung	Gồm: Dịch vụ cấp quyền tích hợp hoặc tái sử dụng nội dung của các tác phẩm văn học gốc như: sách, sách thông tin, tờ rơi, bản đồ và các ấn phẩm tương tự

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								Loại trừ: - Dịch vụ quản lý bản quyền thuộc sở hữu của bên thứ ba, được thực hiện trên cơ sở thu phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 7491003 - Cho thuê sách được phân vào nhóm 7729009
			5812	58120			Dịch vụ xuất bản báo	
					581201	5812010	Báo in	Gồm: - Báo xuất bản ít nhất bốn lần/tuần với nội dung chính mang tính chất báo chí liên quan đến tin tức nhằm mục đích cung cấp thông tin cho công chúng - Dịch vụ của nhà báo tự xuất bản nội dung do chính họ tạo ra Nhóm này cũng gồm: Báo quảng cáo xuất bản ít nhất bốn lần/tuần
					581202	5812020	Báo trực tuyến	Gồm: - Báo trực tuyến phát hành trên Internet với nội dung chính đóng vai trò là nguồn thông tin văn bản sơ cấp về các sự kiện hiện tại liên quan đến công vụ, các vấn đề quốc tế, chính trị và được cập nhật ít nhất bốn lần/tuần theo các khoảng thời gian cố định (thường là hàng ngày), cho dù có đăng ký hay không - Các phần của báo, như tiêu đề được gửi hàng ngày hoặc thường xuyên qua email Loại trừ: Kho lưu trữ số được phân vào nhóm 9112000
					581203		Không gian quảng cáo trên báo	
						5812031	Không gian quảng cáo trên báo in	Loại trừ:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Không gian quảng cáo trên sách in được phân vào nhóm 5811041 - Không gian quảng cáo trên tạp chí và ấn phẩm định kỳ in được phân vào nhóm 5813031
						5812032	Không gian quảng cáo trên báo điện tử	Loại trừ: - Không gian quảng cáo trên sách điện tử được phân vào 5811042 - Không gian trên tạp chí và ấn phẩm định kỳ điện tử được phân vào nhóm 5813032
			5813	58130			Dịch vụ xuất bản tạp chí và các ấn phẩm định kỳ	Gồm: Báo, tạp chí và ấn phẩm định kỳ được xuất bản ít hơn bốn lần một tuần
					581301		Tạp chí và các ấn phẩm định kỳ in	
						5813011	Tạp chí và các ấn phẩm định kỳ in dành cho công chúng	Gồm: Các ấn phẩm định kỳ đề cập đến nhiều chủ đề được công chúng quan tâm và hướng đến đối tượng độc giả rộng rãi như: tin tức chung, tin tức kinh doanh, tài chính cá nhân, các chủ đề quan tâm chung (bao gồm: bài viết, hình ảnh...)
						5813012	Tạp chí và các ấn phẩm định kỳ in về kinh doanh, chuyên môn và học thuật	
						5813013	Tạp chí và các ấn phẩm định kỳ in khác	
					581302	5813020	Tạp chí và các ấn phẩm định kỳ trực tuyến	Gồm: - Tạp chí và các ấn phẩm định kỳ khác phát hành trên Internet với nội dung chính được cập nhật ít hơn bốn lần/tuần theo các khoảng thời gian cố định (thường là hàng tuần hoặc hàng tháng), cho dù có đăng ký hay không

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Các phần của ấn phẩm định kỳ, như: tiêu đề được gửi thường xuyên qua email Loại trừ: Kho lưu trữ số được phân vào nhóm 9112000
					581303		Không gian quảng cáo trên tạp chí và các ấn phẩm định kỳ	
						5813031	Không gian quảng cáo trên tạp chí và các ấn phẩm định kỳ in	Loại trừ: - Không gian quảng cáo trên sách in được phân vào nhóm 5811041 - Không gian quảng cáo trên báo in được phân vào nhóm 5812031
						5813032	Không gian quảng cáo trên tạp chí và các ấn phẩm định kỳ điện tử	Loại trừ: - Không gian quảng cáo trên sách điện tử được phân vào nhóm 5811042 - Không gian quảng cáo trên báo điện tử được phân vào nhóm 5812032
					581304	5813040	Dịch vụ cấp quyền sử dụng tạp chí và các ấn phẩm định kỳ	Loại trừ: Dịch vụ quản lý bản quyền thuộc sở hữu của bên thứ ba, được thực hiện trên cơ sở thu phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 7491003
			5819	58190			Dịch vụ xuất bản khác (trừ phần mềm xuất bản)	
					581901		Dịch vụ xuất bản ấn phẩm in khác, trừ danh bạ và danh sách gửi thư	
						5819011	Bưu thiếp, thiệp chúc mừng in và các loại tương tự	
						5819012	Hình ảnh, thiết kế, ảnh chụp in	Gồm: Hình ảnh, thiết kế và ảnh chụp in như: bức tranh, ảnh chụp... (bao gồm: áp phích, bản sao tác phẩm nghệ thuật,...) Loại trừ: Dịch vụ in tranh, bản thiết kế và ảnh chụp được phân vào nhóm 1811009

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						5819013	Tem nhãn in chuyển nhiệt (đề can in chuyển nhiệt), lịch	
						5819014	Tem bưu chính, tem thuế hoặc các loại tem in tương tự chưa sử dụng; giấy đã in sẵn tem; mẫu séc; tiền giấy, chứng chỉ cổ phiếu, cổ phần, trái phiếu và các giấy tờ có giá trị tương tự	
						5819015	Ấn phẩm quảng cáo thương mại, catalô thương mại và các ấn phẩm tương tự	Loại trừ: - Sách thông tin, tờ rơi và các loại tương tự được phân vào nhóm 5811014 - Báo quảng cáo in được phân vào nhóm 5812010
						5819019	Ấn phẩm in xuất bản khác chưa được phân vào đâu	
					581902		Nội dung trực tuyến khác, trừ danh bạ và danh sách gửi thư	
						5819021	Nội dung trực tuyến có tính chất người lớn	Gồm: Dịch vụ cung cấp các chủ đề dành cho người lớn, nội dung tình dục được đăng tải trên internet bao gồm cả hình ảnh Phương thức thanh toán có thể là đăng ký, phí thành viên hoặc trả tiền theo lượt xem Loại trừ: - Nội dung có tính chất người lớn trong báo trực tuyến, tạp chí trực tuyến, sách nói trực tuyến được phân vào nhóm 5811032, 5812020, 5813020 - Nội dung có tính chất người lớn trong kho lưu trữ số được phân vào nhóm 9112000
						5819029	Nội dung trực tuyến khác chưa được phân vào đâu	Gồm: - Thiệp chúc mừng, lịch, bản sao tác phẩm nghệ thuật và các loại tương tự được xuất bản trực tuyến

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Số liệu thống kê và thông tin tương tự được xuất bản trực tuyến Loại trừ: - Dịch vụ cung cấp ứng dụng được phân vào nhóm 60390 - Dịch vụ lưu trữ ứng dụng được phân vào nhóm 63100 - Dịch vụ phân phối phần mềm trực tuyến được phân vào nhóm 60390
					581903	5819030	Dịch vụ cấp quyền sử dụng ấn phẩm in khác	Gồm: - Dịch vụ cấp quyền sao chép, phân phối hoặc tích hợp các tác phẩm nghệ thuật gốc như việc sao chép và in lại các tác phẩm nghệ thuật gốc - Dịch vụ cấp quyền sử dụng các ấn phẩm in có bản quyền khác như: thiệp chúc mừng, lịch, ảnh... Loại trừ: - Dịch vụ cấp quyền sử dụng danh bạ và danh sách gửi thư được phân vào nhóm 5819060 - Dịch vụ quản lý bản quyền thuộc sở hữu của bên thứ ba, được thực hiện trên cơ sở thu phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 7491003
					581904		Danh bạ và danh sách gửi thư, in hoặc phương tiện vật lý	
						5819041	Cơ sở dữ liệu thư mục, in hoặc phương tiện vật lý	Gồm: Ấn phẩm in hoặc phương tiện vật lý chứa các bộ sưu tập thông tin thư mục được tổ chức (ví dụ: tác giả, tiêu đề, năm xuất bản) của các tác phẩm viết đã xuất bản, thường về một lĩnh vực hoặc chủ đề cụ thể

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						5819049	Danh bạ và danh sách gửi thư khác, in hoặc phương tiện vật lý	Gồm: Ấn phẩm in hoặc phương tiện vật lý chứa các bộ sưu tập thông tin liên lạc được tổ chức một cách có hệ thống. Thông tin mô tả về cá nhân, tổ chức, ấn phẩm và các thực thể khác như: danh bạ điện thoại, danh bạ doanh nghiệp và thương mại, danh bạ đô thị và thành phố,... Loại trừ: Bản biên soạn gốc của danh sách gửi thư được phân vào nhóm 6390912
					581905		Danh bạ và danh sách gửi thư trực tuyến	
						5819051	Cơ sở dữ liệu thư mục trực tuyến	Gồm: Dịch vụ cung cấp trực tuyến các bộ sưu tập thông tin thư mục được tổ chức (ví dụ: tác giả, tiêu đề, năm xuất bản) của các tác phẩm viết đã xuất bản, thường về một lĩnh vực hoặc chủ đề cụ thể
						5819059	Danh bạ và danh sách gửi thư trực tuyến khác	Gồm: Dịch vụ cung cấp trực tuyến các bộ sưu tập thông tin liên lạc được tổ chức một cách có hệ thống. Thông tin mô tả về cá nhân, tổ chức, ấn phẩm và các thực thể khác như: danh bạ điện thoại, danh bạ doanh nghiệp và thương mại, danh bạ đô thị và thành phố,... Loại trừ: Bản biên soạn gốc của danh sách gửi thư được phân vào nhóm 6390912
					581906	5819060	Dịch vụ cấp quyền sử dụng danh bạ và danh sách gửi thư	Gồm: Dịch vụ cấp quyền sử dụng danh bạ và danh sách gửi thư, như: cơ sở dữ liệu thư mục, danh bạ điện thoại, danh bạ doanh nghiệp và thương

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								mai, danh bạ đô thị và thành phố... Loại trừ: Dịch vụ quản lý bản quyền thuộc sở hữu của bên thứ ba, được thực hiện trên cơ sở thu phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 7491003
					581907		Không gian quảng cáo trên danh bạ và danh sách gửi thư	
						5819071	Không gian quảng cáo trên danh bạ và danh sách gửi thư in	Loại trừ: - Không gian quảng cáo trên sách được phân vào nhóm 5811041, 5811042 - Không gian quảng cáo trên báo được phân vào nhóm 5812031, 5812032 - Không gian quảng cáo trên tạp chí và ấn phẩm định kỳ được phân vào nhóm 5813031, 5813032 - Không gian quảng cáo trên danh bạ và danh sách gửi thư điện tử được phân vào nhóm 5819072
						5819072	Không gian quảng cáo trên danh bạ và danh sách gửi thư điện tử	Loại trừ: - Không gian quảng cáo trên sách được phân vào nhóm 5811041, 5811042 - Không gian quảng cáo trên báo được phân vào nhóm 5812031, 5812032 - Không gian quảng cáo trên tạp chí và ấn phẩm định kỳ được phân vào nhóm 5813031, 5813032 - Không gian quảng cáo trên danh bạ và danh sách gửi thư in được phân vào nhóm 5819071
		582					Dịch vụ xuất bản phần mềm	
			5821	58210			Dịch vụ xuất bản trò chơi điện tử	Gồm cả dịch vụ xuất bản trò chơi máy tính liên quan đến thể thao có bao gồm hoạt động thể chất
					582101	5821010	Trò chơi máy tính trên phương tiện vật lý	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					582102	5821020	Dịch vụ tải xuống trò chơi máy tính	Gồm: Các tệp điện tử chứa trò chơi máy tính có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ
					582103	5821030	Trò chơi trực tuyến	Gồm: Dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến được thiết kế để chơi trên Internet, như: trò chơi nhập vai (RPG), trò chơi chiến lược, trò chơi hành động, trò chơi bài, trò chơi trẻ em... Phương thức thanh toán có thể là đăng ký hoặc trả tiền theo lượt chơi. Nhóm này cũng gồm: Dịch vụ cung cấp các giao dịch mua trong trò chơi và trong ứng dụng bởi nhà phát hành cho tất cả người dùng, bao gồm cả người đăng ký Loại trừ: - Dịch vụ vận hành các trang web trò chơi trực tuyến/trò chơi điện tử, không liên quan đến xuất bản được phân vào nhóm 6039019 - Dịch vụ đánh bạc trực tuyến được phân vào nhóm 9200210
					582104		Dịch vụ cấp quyền sử dụng trò chơi máy tính	
						5821041	Dịch vụ cấp quyền sử dụng trò chơi máy tính	Gồm: Dịch vụ cấp quyền tích hợp hoặc tái sử dụng nội dung trò chơi máy tính và các tài liệu hỗ trợ cho trò chơi máy tính Loại trừ: Dịch vụ quản lý bản quyền thuộc sở hữu của bên thứ ba, được thực hiện trên cơ sở thu phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 7491003
						5821042	Dịch vụ cấp quyền sao chép, bổ sung nội dung riêng hoặc sửa đổi trò chơi máy tính	Gồm: - Dịch vụ cấp quyền sao chép trò chơi máy tính và

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								các tài liệu hỗ trợ cho trò chơi máy tính - Dịch vụ cấp quyền sửa đổi trò chơi máy tính, ví dụ bằng cách bổ sung nội dung riêng
					582105	5821050	Dịch vụ trung gian xuất bản phần mềm	
			5829				Dịch vụ xuất bản phần mềm khác	Gồm: Phần mềm không tùy chỉnh Loại trừ: Dịch vụ xuất bản trò chơi điện tử được phân vào nhóm 58210
				58291			Phần mềm hệ thống	
					582911	5829110	Phần mềm hệ thống trên phương tiện vật lý	Gồm: - Phần mềm cấp thấp xử lý giao diện với thiết bị ngoại vi, lập lịch tác vụ, phân bổ lưu trữ và hiển thị giao diện mặc định cho người dùng khi không có chương trình ứng dụng nào đang chạy Bao gồm tất cả các hệ điều hành máy khách và mạng - Phần mềm mạng đóng gói: Phần mềm được sử dụng để điều khiển, giám sát, quản lý và giao tiếp với hệ điều hành, mạng, dịch vụ mạng, cơ sở dữ liệu, lưu trữ và các ứng dụng mạng theo cách thức tích hợp và hợp tác trên toàn mạng từ một vị trí trung tâm Bao gồm tất cả phần mềm quản lý mạng, phần mềm máy chủ, phần mềm bảo mật và mã hóa, phần mềm trung gian,... - Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu: Tập hợp/bộ các chương trình phần mềm cho phép lưu trữ, chỉnh sửa và trích xuất thông tin từ cơ sở dữ liệu, từ các hệ thống nhỏ chạy

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								trên máy tính đến các hệ thống lớn chạy trên máy tính chủ - Công cụ phát triển và phần mềm ngôn ngữ lập trình: • Phần mềm được sử dụng để hỗ trợ phát triển và/hoặc soạn thảo chương trình máy tính • Sản phẩm phần mềm hỗ trợ nhà phát triển chuyên nghiệp trong việc thiết kế, phát triển và triển khai đa dạng các hệ thống và giải pháp phần mềm
					582912		Dịch vụ tải xuống phần mềm hệ thống	
						5829121	Dịch vụ tải xuống hệ điều hành	Gồm: Các tệp điện tử chứa phần mềm hệ điều hành có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ để cài đặt/thực thi sau đó
						5829122	Dịch vụ tải xuống phần mềm mạng	Gồm: Các tệp điện tử có thể được tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa phần mềm được sử dụng để điều khiển, giám sát, quản lý và giao tiếp với hệ điều hành, mạng, dịch vụ mạng, cơ sở dữ liệu, lưu trữ và các ứng dụng mạng theo cách thức tích hợp và hợp tác trên toàn mạng từ một vị trí trung tâm Bao gồm tất cả phần mềm quản lý mạng, phần mềm máy chủ, phần mềm bảo mật và mã hóa, phần mềm trung gian,...
						5829123	Dịch vụ tải xuống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu	Gồm: Các tệp điện tử có thể được tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa tập hợp/bộ các chương trình phần mềm cho phép lưu trữ, chỉnh

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								sửa và trích xuất thông tin từ cơ sở dữ liệu
						5829124	Dịch vụ tải xuống công cụ phát triển và phần mềm ngôn ngữ lập trình	Gồm: - Các tệp điện tử có thể được tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa phần mềm được sử dụng để hỗ trợ phát triển và/hoặc soạn thảo chương trình máy tính - Các tệp tin điện tử có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa phần mềm hỗ trợ nhà phát triển chuyên nghiệp trong việc thiết kế, phát triển và triển khai đa dạng các hệ thống và giải pháp phần mềm
					582913		Phần mềm hệ thống trực tuyến	
						5829131	Phần mềm hệ điều hành trực tuyến	Gồm: Phần mềm hệ điều hành được thiết kế để thực thi trực tuyến Loại trừ: - Trò chơi trực tuyến được phân vào nhóm 5821030 - Các tệp điện tử có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa hệ điều hành được phân vào nhóm 5829121 - Dịch vụ đánh bạc trực tuyến được phân vào nhóm 9200210
						5829132	Phần mềm mạng trực tuyến	Gồm: Phần mềm mạng được thiết kế để thực thi trực tuyến Loại trừ: Các tệp điện tử có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa phần mềm mạng được phân vào nhóm 5829122
						5829133	Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu trực tuyến	Gồm: Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu được thiết kế để thực thi trực tuyến

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								Loại trừ: Các tệp điện tử có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu được phân vào nhóm 5829123
						5829134	Phần mềm công cụ phát triển và phần mềm ngôn ngữ lập trình trực tuyến	Gồm: Các công cụ phát triển và phần mềm ngôn ngữ lập trình được thiết kế để thực thi trực tuyến Loại trừ: Các tệp điện tử có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa công cụ phát triển và phần mềm ngôn ngữ lập trình được phân vào nhóm 5829124
					582914		Dịch vụ cấp quyền sử dụng phần mềm hệ thống	
						5829141	Dịch vụ cấp quyền sử dụng phần mềm hệ thống	Gồm: Dịch vụ cấp quyền sử dụng các thành phần phần mềm hệ thống để tạo ra và tích hợp vào các sản phẩm phần mềm khác
						5829142	Dịch vụ cấp quyền sao chép, bổ sung nội dung riêng hoặc sửa đổi phần mềm hệ thống	Gồm: - Dịch vụ cấp quyền sao chép phần mềm hệ thống - Dịch vụ cấp quyền sửa đổi phần mềm hệ thống, ví dụ bằng cách bổ sung nội dung riêng
				58292			Phần mềm ứng dụng	
					582921	5829210	Phần mềm ứng dụng trên phương tiện vật lý	Gồm: - Phần mềm ứng dụng năng suất kinh doanh tổng quát và ứng dụng dùng tại nhà: phần mềm được sử dụng cho mục đích kinh doanh tổng quát để nâng cao năng suất hoặc tại nhà cho mục đích giải trí, tham khảo hoặc giáo dục, như: bộ ứng dụng văn phòng (bao gồm: trình xử lý văn bản, bảng tính, cơ sở dữ liệu đơn giản); ứng dụng

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								đồ họa; phần mềm quản lý dự án, phần mềm đào tạo trên máy tính, phần mềm tham khảo, phần mềm giáo dục tại nhà... - Phần mềm ứng dụng đa ngành, tức là phần mềm được thiết kế để thực hiện và/hoặc quản lý một chức năng hoặc quy trình nghiệp vụ cụ thể không đặc thù cho một ngành kinh doanh nào, như: phần mềm kế toán chuyên nghiệp, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý quan hệ khách hàng, phần mềm Hệ thống thông tin địa lý (GIS), phần mềm thiết kế trang web,... - Phần mềm ứng dụng chuyên ngành, tức là phần mềm thực hiện nhiều chức năng kinh doanh cho một ngành cụ thể, như: sản xuất, bán lẻ, chăm sóc sức khỏe, kỹ thuật, nhà hàng,... - Phần mềm tiện ích, tức là một chương trình máy tính nhỏ thực hiện một nhiệm vụ rất cụ thể, như: phần mềm nén, phần mềm diệt vi-rút, công cụ tìm kiếm, trình xem phông chữ và tệp, phần mềm nhận dạng giọng nói. Phần mềm tiện ích khác với các phần mềm ứng dụng khác về kích thước, chi phí và độ phức tạp
					582922		Dịch vụ tải xuống phần mềm ứng dụng	
						5829221	Dịch vụ tải xuống phần mềm ứng dụng năng suất kinh doanh tổng quát và ứng dụng dùng tại nhà	Gồm: Các tệp tin điện tử có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa phần mềm được sử dụng cho mục đích kinh

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								doanh tổng quát để nâng cao năng suất hoặc tại nhà cho mục đích giải trí, tham khảo hoặc giáo dục, như: Bộ ứng dụng văn phòng (bao gồm: trình xử lý văn bản, bảng tính, cơ sở dữ liệu đơn giản); ứng dụng đồ họa; phần mềm quản lý dự án, phần mềm đào tạo trên máy tính, phần mềm tham khảo, phần mềm giáo dục tại nhà...
						5829229	Dịch vụ tải xuống phần mềm ứng dụng khác	Gồm: - Các tệp tin điện tử có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa phần mềm ứng dụng đa ngành, tức là phần mềm được thiết kế để thực hiện và/hoặc quản lý một chức năng hoặc quy trình nghiệp vụ cụ thể không đặc thù cho một ngành kinh doanh nào, như: phần mềm kế toán chuyên nghiệp, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý quan hệ khách hàng, phần mềm Hệ thống thông tin địa lý (GIS), phần mềm thiết kế trang web,... - Các tệp tin điện tử có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa phần mềm ứng dụng chuyên ngành, tức là phần mềm thực hiện nhiều chức năng kinh doanh cho một ngành cụ thể, như: sản xuất, bán lẻ, chăm sóc sức khỏe, kỹ thuật, nhà hàng,... - Các tệp tin điện tử có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa phần mềm tiện ích, tức là một chương trình máy

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								tính nhỏ thực hiện một nhiệm vụ rất cụ thể, như: phần mềm nén, phần mềm diệt vi-rút, công cụ tìm kiếm, trình xem phong chữ và tệp, phần mềm nhận dạng giọng nói. Phần mềm tiện ích khác với các phần mềm ứng dụng khác về kích thước, chi phí và độ phức tạp - Các tệp tin điện tử có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa phần mềm ứng dụng khác chưa được phân loại vào đâu
					582923		Phần mềm ứng dụng trực tuyến	
						5829231	Phần mềm ứng dụng năng suất kinh doanh tổng quát và ứng dụng dùng tại nhà trực tuyến	Gồm: Phần mềm ứng dụng năng suất kinh doanh tổng quát và ứng dụng dùng tại nhà được thiết kế để thực thi trực tuyến Loại trừ: Các tệp điện tử có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa phần mềm ứng dụng năng suất kinh doanh tổng quát và ứng dụng dùng tại nhà được phân vào nhóm 5829221
						5829239	Phần mềm ứng dụng trực tuyến khác	Loại trừ: Các tệp điện tử có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ, chứa phần mềm ứng dụng khác được phân vào nhóm 5829229
					582924		Dịch vụ cấp quyền sử dụng phần mềm ứng dụng	
						5829241	Dịch vụ cấp quyền sử dụng phần mềm ứng dụng	Gồm: Dịch cấp quyền sử dụng các thành phần phần mềm ứng dụng để tạo ra và tích hợp vào các sản phẩm phần mềm khác

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						5829242	Dịch vụ cấp quyền sao chép, bổ sung nội dung riêng hoặc sửa đổi phần mềm ứng dụng	Gồm: - Dịch vụ cấp quyền sao chép phần mềm ứng dụng - Dịch vụ cấp quyền chuyển đổi phần mềm ứng dụng, ví dụ bằng cách bổ sung nội dung riêng
				58299			Phần mềm khác chưa được phân vào đâu	
					582991	5829910	Phần mềm khác chưa được phân vào đâu trên phương tiện vật lý	
					582992	5829920	Dịch vụ tái xuống phần mềm khác chưa được phân vào đâu	
					582993	5829930	Phần mềm khác chưa được phân vào đâu trực tuyến	
					582994		Dịch vụ cấp quyền sử dụng phần mềm khác chưa được phân vào đâu	
						5829941	Dịch vụ cấp quyền sử dụng phần mềm khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ cấp quyền sử dụng các thành phần phần mềm khác chưa được phân vào đâu để tạo ra và tích hợp vào các sản phẩm phần mềm khác
						5829942	Dịch vụ cấp quyền sao chép, bổ sung nội dung riêng hoặc sửa đổi phần mềm khác chưa được phân vào đâu	Gồm: - Dịch vụ cấp quyền sao chép phần mềm khác chưa được phân vào đâu - Dịch vụ cấp quyền sửa đổi phần mềm khác chưa được phân vào đâu, ví dụ bằng cách bổ sung nội dung riêng
	59						Dịch vụ sản xuất phim điện ảnh, video, chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc	
		591					Dịch vụ phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình	
			5911				Dịch vụ sản xuất phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				59111			Phim điện ảnh	
					591111		Dịch vụ sản xuất phim điện ảnh	
						5911111	Dịch vụ sản xuất phim quảng cáo hoặc quảng bá	
						5911119	Dịch vụ sản xuất phim điện ảnh khác	Gồm: - Dịch vụ sản xuất và thực hiện các phim điện ảnh không phải phim quảng cáo hoặc quảng bá, bao gồm cả phim hoạt hình, chủ yếu được thiết kế để trình chiếu tại các rạp chiếu phim - Dịch vụ sản xuất và thực hiện các phim điện ảnh không phải phim quảng cáo hoặc quảng bá, thuộc mọi thể loại (phim bộ, phim truyền hình, bao gồm cả phim hoạt hình), chủ yếu được thiết kế để chiếu trên truyền hình Loại trừ: Dịch vụ sản xuất phim tĩnh và phim dương bản được phân vào nhóm 74200
					591112		Sản phẩm phim điện ảnh	
						5911121	Bản gốc phim điện ảnh	Gồm: Phim điện ảnh đã được bảo hộ bản quyền, được sản xuất mà không theo hợp đồng bán đứt (tức là tất cả các quyền sở hữu tài sản kèm theo) Các bản gốc phim điện ảnh được sản xuất để bán và được bảo vệ bởi bản quyền một cách ngầm định hoặc rõ ràng
						5911122	Phim điện ảnh	
						5911123	Phim tải xuống	Gồm: Các tệp điện tử chứa phim có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ
					591113	5911130	Dịch vụ bán không gian hoặc thời gian quảng cáo	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
							trong các sản phẩm phim điện ảnh	
				59112			Video	
					591121		Dịch vụ sản xuất video	
						5911211	Dịch vụ sản xuất video quảng cáo hoặc quảng bá	
						5911219	Dịch vụ sản xuất video khác	Gồm: Dịch vụ sản xuất nội dung video dành cho các nền tảng chia sẻ video trực tuyến, như: vlog, podcast video,... Loại trừ: Dịch vụ sản xuất nội dung video quảng cáo hoặc quảng bá được phân vào nhóm 5911211
					591122		Sản phẩm video	
						5911221	Bản gốc video	Gồm: Video đã được bảo hộ bản quyền, được sản xuất mà không theo hợp đồng bán đứt (tức là bán tất cả các quyền sở hữu tài sản kèm theo) Các bản gốc video được sản xuất để bán và được bảo vệ bởi bản quyền một cách ngầm định hoặc rõ ràng
						5911222	Nội dung video được ghi trên phương tiện vật lý điện tử	Loại trừ: - Dịch vụ bán lẻ đĩa DVD do người khác sản xuất được phân vào nhóm 4700590 - Bản ghi âm gốc được sản xuất để bán đứt (tức là bán tất cả các quyền sở hữu tài sản kèm theo) được phân vào nhóm 5911221 - Đĩa và băng âm thanh được phân vào nhóm 592003
						5911223	Video tải xuống khác	Gồm: Các tệp điện tử chứa bản ghi video khác có thể tải xuống và lưu trữ trên thiết bị cục bộ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						5911224	Nội dung video phát trực tuyến	
					591123	5911230	Dịch vụ bán không gian hoặc thời gian quảng cáo trong các sản phẩm video	
				59113			Chương trình truyền hình	
					591131	5911310	Dịch vụ sản xuất chương trình truyền hình	Gồm: Các dịch vụ sản xuất chương trình truyền hình khác, trực tiếp hoặc ghi hình, như: chương trình tọa đàm, chương trình giải trí, chương trình thể thao,... Loại trừ: - Dịch vụ sản xuất phim điện ảnh các loại cho truyền hình (phim bộ, phim truyền hình, bao gồm cả phim hoạt hình) được phân vào nhóm 5911119 - Dịch vụ lập trình và phát sóng truyền hình được phân vào nhóm 6020
					591132	5911320	Sản phẩm chương trình truyền hình	
					591133	5911330	Bản gốc chương trình truyền hình	Gồm: Chương trình truyền hình đã được bảo hộ bản quyền, được sản xuất mà không theo hợp đồng bán đứt (tức là tất cả các quyền sở hữu tài sản kèm theo) Các bản gốc chương trình truyền hình được sản xuất để bán và được bảo vệ bởi bản quyền một cách ngầm định hoặc rõ ràng
					591134	5911340	Dịch vụ bán không gian hoặc thời gian quảng cáo trong các sản phẩm chương trình truyền hình	
			5912	59120			Dịch vụ hậu kỳ phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					591201	5912010	Dịch vụ biên tập nghe nhìn	Gồm: Tổ chức và sắp xếp các khía cạnh hình ảnh và âm thanh của một tác phẩm nghe nhìn (phim, video, phương tiện kỹ thuật số...) bằng cách phân tích, đánh giá và lựa chọn các cảnh quay theo tính liên tục của câu chuyện, giá trị kịch tính và giải trí, sử dụng các thiết bị như các thiết bị xem, máy chiếu, thiết bị và kỹ thuật chỉnh sửa video kỹ thuật số Quá trình xử lý bao gồm việc kết hợp các cảnh quay có sẵn được chọn từ thư viện phim và video vào phim hoặc video
					591202	5912020	Dịch vụ truyền và nhân bản phim gốc	Gồm: - Dịch vụ chuyển đổi phương tiện/vật liệu, cụ thể là việc chuyển đổi tác phẩm nghe nhìn (phim điện ảnh, video, phương tiện kỹ thuật số,...) từ hình thức lưu trữ vật lý sang kỹ thuật số hoặc giữa các nền tảng vật lý với nhau nhằm mục đích điều chỉnh sản phẩm cho phù hợp với định dạng được chọn để trình chiếu hoặc lưu trữ bảo tồn (ví dụ: tạo bản gốc dự phòng hoặc bản sao vì bản gốc đang bị xuống cấp). Bao gồm chuyển đổi từ phim nhựa sang băng từ, từ băng từ sang phim nhựa, từ phương tiện truyền thông kỹ thuật số sang phim nhựa, từ phương tiện truyền thông kỹ thuật số sang băng từ, từ phim dương bản sang video, từ ảnh chụp sang video,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Dịch vụ nhân bản và sao chép tác phẩm nghe nhìn, trừ phim nhựa, cụ thể là việc tạo ra các bản sao của tác phẩm nghe nhìn (video, phương tiện truyền thông kỹ thuật số,...) với số lượng lớn hoặc số lượng nhỏ nhằm phục vụ cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau Các bản sao có thể được sản xuất dưới nhiều định dạng khác nhau, bao gồm: băng VHS, đĩa DVD, video phát trực tuyến,...
					591203	5912030	Dịch vụ hiệu chỉnh màu sắc và phục hồi kỹ thuật số	Gồm: - Dịch vụ hiệu chỉnh màu sắc, cụ thể là việc thêm, sửa đổi hoặc loại bỏ màu sắc khỏi một tác phẩm nghe nhìn (phim, video hoặc phương tiện truyền thông kỹ thuật số,...) bằng phương pháp điện tử, sử dụng các kỹ thuật kỹ thuật số - Dịch vụ phục hồi kỹ thuật số cho tác phẩm nghe nhìn, cụ thể là việc loại bỏ vết xước khỏi tác phẩm nghe nhìn (phim nhựa, video hoặc phương tiện kỹ thuật số,...) bằng cách sử dụng các kỹ thuật kỹ thuật số để chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi định dạng
					591204	5912040	Dịch vụ hiệu ứng hình ảnh	Gồm: Việc đưa các hiệu ứng hình ảnh vào tác phẩm nghe nhìn (phim điện ảnh, video hoặc phương tiện kỹ thuật số,...) bằng cách áp dụng công nghệ hình ảnh hoặc công nghệ kỹ thuật số vào tác phẩm sau khi quá trình quay phim chính hoặc ghi hình chính đã

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								hoàn tất, ví dụ như sử dụng mô hình thu nhỏ, hiệu ứng quang học và kỹ thuật số, vẽ bối cảnh kỹ thuật số, in chồng hình, hiệu ứng mờ dần và hiệu ứng làm tối góc
					591205	5912050	Dịch vụ hoạt hình	Gồm: - Tạo ra các hình ảnh, thiết kế trừu tượng và các tác phẩm gốc tương tự bằng nhiều kỹ thuật khác nhau, bao gồm hoạt hình máy tính hoặc bằng các chuỗi hình vẽ - Hoạt hình đất sét, là kỹ thuật tạo chuyển động cho các nhân vật và vật thể được làm bằng đất sét
					591206	5912060	Dịch vụ chú thích, tiêu đề và phụ đề	Gồm: - Dịch vụ chú thích cho tác phẩm nghe nhìn, cụ thể là việc thêm văn bản vào tác phẩm nghe nhìn (phim điện ảnh, video hoặc phương tiện kỹ thuật số,...) bằng cách sử dụng thiết bị tạo ký tự hoặc hệ thống tạo dữ liệu chú thích, bao gồm: dịch vụ chú thích mở, tạo ra các đoạn văn bản luôn hiển thị trên màn hình; dịch vụ chú thích đóng, tạo ra các đoạn văn bản hiển thị trên màn hình theo lựa chọn của người dùng (có thể tắt hoặc mở tùy ý) - Dịch vụ làm tiêu đề cho tác phẩm nghe nhìn, cụ thể là việc thêm các yếu tố sắp chữ và đồ họa nhằm nhận diện và nâng cao giá trị tác phẩm nghe nhìn (phim điện ảnh, video hoặc phương tiện kỹ thuật số,...) thông qua văn bản, bao gồm tiêu đề mở đầu, danh sách đoàn